

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2020

MỤC LỤC

1	Triết học Mác – Lênin	1
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	12
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	19
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	42
6	Pháp luật đại cương	48
7	Tiếng Trung 1	55
8	Tiếng Trung 2	69
9	Tiếng Trung 3	85
10	Kỹ năng tư duy phản biện	97
11	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	101
12	Tin học đại cương	107
13	Phương pháp thuyết trình	115
14	Kỹ năng trả lời phỏng vấn Tiếng Anh	121
15	Tiếng Việt thực hành	125
16	Dẫn luận Ngôn ngữ Anh.....	131
17	Ngôn ngữ học đối chiếu.....	136
18	Cơ sở văn hóa Việt Nam.....	141
19	Văn hóa các nước Asean.....	146
20	Kỹ năng Đọc – Viết 1	153
21	Kỹ năng Nghe – Nói 1.....	164
22	Kỹ năng Đọc – Viết 2.....	170
23	Kỹ năng Nghe – Nói 2	176
24	Kỹ năng Đọc – Viết 3.....	183
25	Kỹ năng Nghe – Nói 3.....	188
26	Kỹ năng Đọc – Viết 4.....	194
27	Kỹ năng Nghe – Nói 4	199
28	Kỹ năng Đọc – Viết 5.....	205
29	Kỹ năng Nghe – Nói 5	211
30	Ngữ âm và Âm vị học Tiếng Anh	218
31	Ngữ pháp Tiếng Anh 1.....	222
32	Ngữ pháp Tiếng Anh 2.....	226
33	Giao thoa văn hóa Anh – Mỹ	231
34	Văn học Anh – Mỹ	237

35	Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường	244
36	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	248
37	Đất nước học Anh – Mỹ	253
38	Ngữ dụng học Tiếng Anh	258
39	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	263
40	Lý thuyết dịch	269
41	Biên dịch	274
42	Phiên dịch	279
43	Thực hành biên dịch chuyên ngành	285
44	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	292
45	Tiếng Anh thư tín thương mại	300
46	Từ vựng học	306
47	Giao tiếp liên văn hóa	312
48	Ngữ nghĩa học	319
49	Phân tích diễn ngôn	324
50	Kỹ năng mềm	328
51	Thực tập tốt nghiệp	335
52	Khóa luận tốt nghiệp	341

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Triết học Mác - Lênin**
 - * Tiếng Anh: **Philosophy of Marxism Leninism**
- Mã học phần: LCML2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

	45	tiết
* Nghe giảng lý thuyết:	30	tiết
* Bài tập:	0	tiết
* Thảo luận, hoạt động nhóm:	14	tiết
* Kiểm tra:	01	tiết
* Thời gian tự học:	90	giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Trình bày và phân tích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin
 - + Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin
- *Về kỹ năng:* Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + NL1: Có năng lực nhận thức vấn đề theo thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng và nhân sinh quan cách mạng, góp phần hình thành nhân cách người học theo chuyên ngành được đào tạo.
- + NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác -Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình triết học Mác-Lênin* trình độ đại học khối các ngành ngoài lý luận chính trị (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng Triết học Mác- Lênin (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.N
2. Nguyễn Văn Sanh, *Hỏi đáp về thế giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác- Lênin: Dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, học viện.*Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.
3. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 1*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
4. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 2*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Phát vấn ☒	Đàm thoại ☐
Bản đồ tư duy ☐	Làm việc nhóm ☒	Tình huống ☐
Dạy học theo dự án ☐	Dạy học thực hành ☐	Thu thập số liệu ☐
Phân tích, xử lý số liệu ☐	Trình bày báo cáo khoa học ☐	Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	07		03	10	20	Đọc TLC chương 1, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	4		2	6	12	
1. Khái lược về triết học a. Nguồn gốc triết học b. Khái niệm triết học c.Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
d. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan						
2. Vấn đề cơ bản của triết học	2		2	4	8	
a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học						
b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm						
c. Thuyết có thể biết (Thuyết Khả tri) và thuyết không thể biết (Thuyết Bất khả tri)						
3. Biện chứng và siêu hình	1			1	2	
a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử						
b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử						
II. Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội	3		1	4	8	
1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin	1		1	2	4	
a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác						
b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác						
c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện						
d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác-Lênin <i>a. Khái niệm triết học Mác - Lênin</i> <i>b. Đối tượng của triết học Mác – Lênin</i> <i>c. Chức năng của triết học Mác - Lênin</i>	1			1	2	
3. Vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay <i>a. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn</i> <i>b. Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ.</i> <i>c. Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	12		6	18	36	Đọc TLC chương 2, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
I. Vật chất và ý thức	3		1	4	8	
1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất <i>a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất</i> <i>b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất</i> <i>c. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất</i> <i>d. Các hình thức tồn tại của vật chất</i> <i>e. Tính thống nhất vật chất của thế giới</i>	1			1	2	
2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức <i>a. Nguồn gốc của ý thức</i> <i>b. Bản chất của ý thức</i> <i>c. Kết cấu của ý thức</i>	1			1	2	
3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức <i>a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình</i> <i>b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
II. Phép biện chứng duy vật	6		3	9	18	
1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật a. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan b. Khái niệm phép biện chứng duy vật	1			1	2	
2. Nội dung của phép biện chứng duy vật a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật	5		3	8	16	
III. Lý luận nhận thức	3		2	5	10	
1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng	0.5			0.5	1	
2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức	0.5		1	3.5	3	
3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	1		1	2	4	
4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức	0.5			0.5	1	
5. Tính chất của chân lý	0.5			0.5	1	
Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	11		5	16	32	
I. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội	3		2	5	10	Đọc TLC chương 3, Chuẩn bị bài, tự học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội	0.5			0.5	1	và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất a. Phương thức sản xuất b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất	1		1	2	4	
3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội	1			1	2	
4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên a. a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng	0.5		1	1.5	3	
II. Giai cấp và dân tộc	2			3	6	
1.Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp a. Giai cấp	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>b. Đấu tranh giai cấp</i> <i>c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản</i>						
2. Dân tộc <i>a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc</i> <i>b. Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay</i>	0.5			0.5	1	
3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại <i>a. Quan hệ giai cấp- dân tộc</i> <i>b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại</i>	0.5			0.5	1	
III. Nhà nước và cách mạng xã hội	2			2	4	
1. Nhà nước <i>a. Nguồn gốc của nhà nước</i> <i>b. Bản chất của nhà nước</i> <i>c. Đặc trưng cơ bản của nhà nước</i> <i>d. Chức năng cơ bản của nhà nước</i> <i>e. Các kiểu và hình thức nhà nước</i>	1			1	2	
2. Cách mạng xã hội <i>a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội</i> <i>b. Bản chất của cách mạng xã hội</i> <i>c. Phương pháp cách mạng</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay						
IV. Ý thức xã hội	2		1	3	6	
1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội a. Khái niệm tồn tại xã hội b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội	1			1	2	
2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội a. Khái niệm ý thức xã hội b. Kết cấu của ý thức xã hội c. Tính giai cấp của ý thức xã hội d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội e. Các hình thái ý thức xã hội	1		1	2	4	
V. Triết học về con người	2		2	4	8	
1. Khái niệm con người và bản chất con người a. Con người là thực thể sinh học - xã hội b. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người c. Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử d. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người <i>a. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa</i> <i>b. Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức</i> <i>c. Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người</i>	0.5		1	1.5	3.0	
3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử. <i>a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội</i> <i>b. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử</i>	0.5			0.5	1.0	
4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	0.5		1	1.5	3	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30		15	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin**
 - * Tiếng Anh: **Marxist-Leninist Political Economy**
- Mã học phần: LCML2102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác - Lênin
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của Kinh tế chính trị Mác – Lê nin.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.
- + NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lê nin
- Chương 2, 3, 4 trình bày các nội dung về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền và sự vận động của các vấn đề đó trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.
- Chương 5, 6 trình bày những nội dung về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin*, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị. (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng Kinh tế chính trị (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin: Dành cho các khối ngành không chuyên Kinh tế- Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011
4. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011
5. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊ NIN	2				2	- Đọc TLC chương 1
1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác Lênin.	0.5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lên nin Hàng hoá <i>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lên nin</i> <i>1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lên nin</i>	1			1	2	- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 1
1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác Lê nin Tiền tệ <i>1.3.1. Chức năng nhận thức</i> <i>1.3.2. Chức năng tư tưởng</i> <i>1.3.3. Chức năng thực tiễn</i> <i>1.3.4. Chức năng phương pháp luận</i>	0,5			0,5	1	
Chương 2. HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG	4		2	6	30	- Đọc TLC chương 2 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 2
2.1. Lý luận của Các Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa <i>2.1.1. Sản xuất hàng hóa</i> <i>2.1.2. Hàng hóa</i> <i>3.1.3. Tiền</i> <i>3.1.4. Dịch vụ và một số loại hàng hóa đặc biệt</i>	2		1	3	6	
2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường <i>2.2.1. Thị trường</i> <i>2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường</i>	2		1.0	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 3. GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	5		2	7	14	- Đọc TLC chương 3 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 2, số 3
3.1. Lý luận của Mác về giá trị thặng dư <i>3.1.1. Nguồn gốc giá trị thặng dư</i> <i>3.1.2. Bản chất giá trị thặng dư</i> <i>3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa</i>	2,0		1.0	3.0	6	
3.2. Tích lũy tư bản <i>3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản</i> <i>3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy tư bản</i>	1,5		0,5	2	4	
3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường <i>3.3.1. Lợi nhuận</i> <i>3.3.2. Lợi tức</i> <i>3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa</i>	1,5		0,5	2	4	
Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	3		1	4	8	- Đọc TLC chương 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 3
4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	1			1	2	
4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường <i>4.2.1. Lý luận của Lê Nin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường</i> <i>4.2.2. Lý luận của Lê Nin về độc quyền nhà nước trong CNTB</i>	2		1	3	6	
Chương 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN VÀ CÁC	3		2	5	10	- Đọc TLC chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM						- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 3
5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam <i>5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i> <i>5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i> <i>5.1.3. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i>	1		0.5	1.5	3	
5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam <i>5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i> <i>5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i>	1		0.5	1.5	3	
5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam <i>5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế</i> <i>5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích</i>	1		1.0	2	4	
Chương 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM	3		2	5	10	- Đọc TLC chương 6 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo
6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam <i>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa</i>	1,5		1	2,5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</i> <i>6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4</i>						hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 3
6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam <i>6.2.1. Khái niệm và các nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</i> <i>6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam</i> <i>6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</i>	1.5		1	2.5	5	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**
 - * Tiếng Anh: **Science socialism**
- Mã môn học: LCML2103
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác-Lênin và Kinh tế chính trị học Mác-Lênin.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường
- + NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương, ngoài khái quát sự ra đời và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị. (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

1.1. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa học (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Trịnh Quốc Tuấn, *Giáo trình Chủ nghĩa Xã Hội Khoa học*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu:NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	2			2	4	- Đọc TLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Sự ra đời của Chủ nghĩa Xã hội khoa học <i>1.1 Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>1.2 Vai trò của Các Mác và Phridrich Ănghen</i>	1			1	2	
2. Các giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>2.1 Các Mác và Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học</i>	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. V.I. Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới 2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của Chủ nghĩa xã hội khoa học khi Lênin qua đời đến nay						
3. Đối tượng, phương pháp ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.1 Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.2 Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.3. Ý nghĩa việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	0.5			0.5	1	
Chương 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	3		1	4	8	
1.Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân 1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 1.2 Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1.3 Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	1			1	2	
2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 2.1 Giai cấp công nhân hiện nay	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2 Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 2.3 Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay						
3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 3.1 Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 3.2 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng 3.3 Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	1			1	2	
Chương 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		1	4	8	
1. Chủ nghĩa xã hội 1.1. Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa 1.2. Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội 1.2. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội	1			1	2	
2. Thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội 2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	1			1	2	
3. Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay						
Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		1	4	8	- Đọc TLC chương 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 1.1 Dân chủ và sự ra đời phát triển của dân chủ 1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa	1			1	2	
2. Nhà Nước Xã hội chủ nghĩa 2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	1			1	2	
3. Xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.2. Nhà nước pháp quyền chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	1		1	2	4	
Chương 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	2		2	4	8	- Đọc TLC chương 5 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội						
2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	0.5			0.5	1	
3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1. Cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	0.5		1	1.5	3	
Chương 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		2	5	10	- Đọc TLC chương 6 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Vấn đề dân tộc trong hời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 1.1 Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc 1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam	1			1	2	
2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo 2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam <i>3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</i> <i>3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay</i>	1		1	2	4	- Đọc TLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	4		2	6	12	
1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình <i>1.1. Khái niệm gia đình</i> <i>1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội</i> <i>1.3. Chức năng cơ bản của gia đình</i>	1			1	2	
2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>2.1. Cơ sở kinh tế xã hội</i> <i>2.2. Cơ sở chính trị - xã hội</i> <i>2.3. Cơ sở văn hóa</i> <i>2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ</i>	1		1	2	4	
3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Na, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> <i>3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> <i>3.3. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam</i>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
 - Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**
 - Tiếng Anh: **Ho Chi Minh's Ideology**
- Mã học phần: LCTT2104
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết / học trước: Triết học Mác – Lê nin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 50 phút/ tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + NL1: Có lập trường chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.
- + NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.
- + NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị((Theo Quyết định số 4980/ QĐ - BGDĐT, ngày 23/12/ 2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS.Song Thành (2016), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Thế giới.
2. GS. Song Thành (2012), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.
3. Ban Tuyên giáo trung ương - Thông tấn xã Việt Nam (2007), *Những mẩu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Thông tin, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương I: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	
I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	1			1	2	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh <i>a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học</i> <i>b. Thống nhất lý luận và thực tiễn</i> <i>c. Quan điểm lịch sử- cụ thể</i> <i>d. Quan điểm toàn diện và hệ thống</i> <i>e. Quan điểm kế thừa và phát triển</i> 2. Một số phương pháp cụ thể IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH. 1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận. 2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước. 3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác						
Chương II. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	3		1	4	8	
I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Cơ sở thực tiễn <i>a.Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i> <i>b.Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i> 2.Cơ sở lý luận	1	1		2	4	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam</i> <i>b. Tinh hoa văn hóa nhân loại</i> <i>c. Chủ nghĩa Mác-Lênin</i> 3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh <i>a. Phẩm chất Hồ Chí Minh</i> <i>b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận.</i> II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Thời kỳ từ ngày 5-6-1911 trở về trước: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm con đường cứu nước mới. 2. Thời kỳ từ từ ngày 6-6-1911 đến ngày 30-12-1920: Hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. 3. Thời kỳ từ ngày 31-12-1920 đến ngày 3-2-1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 4. Thời kỳ từ ngày 4-2-1930 đến ngày 28-1-1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo. 5. Thời kỳ từ ngày 29-1-1941 đến ngày 2- 9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường	1			1	2	
	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Đối với cách mạng Việt Nam <i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta.</i> <i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay.</i> 2. Đối với sự phát triển tiên bộ của nhân loại. <i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội.</i> <i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.</i>						
Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.	5		2	7	14	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC 1. Vấn đề độc lập dân tộc <i>a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc.</i>	2		1	3	6	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân</i> <i>c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để.</i> <i>d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.</i> 2. Về cách mạng giải phóng dân tộc. <i>a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.</i> <i>b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do đảng cộng sản lãnh đạo.</i> <i>c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng.</i> <i>d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.</i> <i>e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng.</i> II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan. c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội chủ nghĩa. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ. b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ. III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội. 2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc. 3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN	0.5			0.5	1	
	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY. 1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.						
Chương IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN	5		2	7	14	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh. <i>a. Đảng là đạo đức, là văn minh</i> <i>b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng</i> <i>c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.</i>	2		1	3	6	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM 1. Nhà nước dân chủ <i>a. Bản chất giai cấp của nhà nước</i> <i>b. Nhà nước của dân, do dân, vì dân</i> 2. Nhà nước pháp quyền <i>a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp</i> <i>b. Nhà nước thượng tôn pháp luật</i> <i>c. Pháp quyền nhân nghĩa</i> 3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh <i>a. Kiểm soát quyền lực nhà nước</i> <i>b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước.</i>	1			1	2	
III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC 1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 2. Xây dựng Nhà nước						
<i>Kiểm tra 1 tiết</i>			1	1	2	Ôn tập kiến thức từ chương 1 đến hết chương 4
Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	3		1	4	8	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC 1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc	1		1	2	4	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.</i> <i>b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam</i> 2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc <i>a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i> <i>b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i> 3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất <i>a. Mặt trận dân tộc thống nhất</i> <i>b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất</i> <i>c. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.</i> II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ 1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế <i>a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng</i> <i>b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện</i>	1			1	2	dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại.</i> 2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức <i>a. Các lực lượng cần đoàn kết</i> <i>b. Hình thức tổ chức</i> 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế <i>a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình</i> <i>b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ.</i> III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY. 1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng. 2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế	1			1	2	
Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI	4		2	6	12	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA 1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác	1		1	2	4	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa</i> <i>b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</i> 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò văn hóa <i>a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng</i> <i>b. Văn hóa là một mặt trận</i> <i>c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân</i> 3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC 1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng 2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng <i>a. Trung với nước, hiếu với dân</i> <i>b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư</i> <i>c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa</i> <i>d. Tinh thần quốc tế trong sáng</i> 3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng <i>a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức</i> <i>b. Xây đi đôi với chống</i> <i>c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời</i>	1		1	2	4	dẫn của giảng viên
<i>a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức</i>	1			1	2	
<i>b. Xây đi đôi với chống</i>						
<i>c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 3.Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người						
IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 2. Xây dựng đạo đức cách mạng						
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**
 - + Tiếng Anh: **History of the Communist Party of Vietnam**
- Mã học phần: LCLS2105
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và đồ án tốt nghệ ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học, **Tư tưởng Hồ Chí Minh**.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay).

- *Về kỹ năng*: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:
- + NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- + NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- + NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng và việc vận dụng vào thực tiễn hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. *Đề cương chi tiết học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*;
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị (Theo Quyết định số 4980/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019).

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội (Website: www.tapchicongsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn).

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Phát vấn ☒	Đàm thoại ☐
Bản đồ tư duy ☒	Làm việc nhóm ☐	Tình huống ☒
Dạy học theo dự án ☐	Dạy học thực hành ☐	Thu thập số liệu ☐

Phân tích, xử lý số liệu ☐ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương nhập môn. ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	1			1	2	- Đọc TLC, Chương nhập môn
I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phạm vi nghiên cứu						- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2. Nhiệm vụ của môn học						
III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể						
Chương 1. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẦU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)	4		2	6	12	
I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1. Bối cảnh lịch sử 2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	2		1	3	6	
II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945) 1. Phong trào cách mạng 1930 - 1935 và khôi phục phong trào 1932 - 1935 2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939 3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945						
Chương 2. ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)	7		2	9	18	- Đọc TLC, Chương 2; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) 1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946 2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951 - 1954 4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ	3		1	4	8	
II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975) 1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975	4		1	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 – 1975						
Kiểm tra			1	1	2	Ôn tập kiến thức đã học ở chương 1 và 2
Chương 3. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)	9		4	13	26	- Đọc TLC, Chương 3; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1981 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 – 1986	3		1	4	8	
II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018) 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 - 1996 2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 - 2018 3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	6		3	9	18	
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**
 - + Tiếng Anh: **Basic Law**
- Mã học phần: LTPL2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung;
 - + Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- Về kỹ năng:

- + So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;
- + So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau;
- + Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.
- + NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;
- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý;
- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), *Pháp luật đại cương*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Minh Đoan (2016), *Lý luận về Nhà nước và Pháp luật*, NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội
3. Vũ Quang (2015), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Lê Thu (2012), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;
2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*);
3. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*;
4. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*;
5. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*;
6. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*;
7. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động năm 2012*;
8. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*;
9. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp năm 2014*;

10. Quốc hội (2018), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2018***5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần**

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	04		02	06	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước <i>1.1.1. Nguồn gốc</i> <i>1.1.2. Bản chất</i> <i>1.1.3. Hình thức</i> <i>1.1.4. Chức năng</i>	02		01	03	06	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, VI - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật <i>1.2.1. Nguồn gốc và bản chất</i> <i>1.2.2. Thuộc tính</i> <i>1.2.3. Hình thức</i>	02		01	03	06	
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ	05	03		08	16	
2.1. Quy phạm pháp luật <i>2.1.1. Khái niệm, đặc điểm</i> <i>2.1.2. Các thành phần cấu thành</i>	01	01		1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương VII - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.2. Quan hệ pháp luật <i>2.2.1. Khái niệm, đặc điểm</i> <i>2.1.2. Các thành phần cấu thành</i>	01			1.5	03	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						- Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.3. Vi phạm pháp luật 2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu 2.3.2. Các yếu tố cấu thành	02	02		04	08	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.4. Trách nhiệm pháp lý 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Phân loại	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	11	02	03	16	32	
3.1. Luật Hiến pháp 3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh 3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp năm 2013	01		01	02	04	- Đọc TLC 1, Chương IV - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 3 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						hướng dẫn của giảng viên.
3.2. Luật Hành chính 3.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương V - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.3. Luật Dân sự 3.3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.3.2. Quyền sở hữu 3.3.3. Quyền thừa kế	01	02		03	06	- Đọc TLC 1, Chương VII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 5 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.4. Luật Hình sự 3.4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.4.2. Tội phạm 3.4.3. Hình phạt	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương VI - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 6 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.5. Luật lao động 3.5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương VIII

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.5.2. Hợp đồng lao động 3.5.3. Bảo hiểm xã hội						- Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 7 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.6. Luật hôn nhân và gia đình 3.6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.6.2. Chế định kết hôn	01			01	02	- Đọc TLĐT 1, Chương 6 - Đọc TLĐT 8 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.7. Luật kinh tế 3.7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.7.2. Các loại hình doanh nghiệp	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương IX - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 9 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng 3.8.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.8.2. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng 3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng	04		01	05	10	- Đọc TLĐT 2 - Đọc TLĐT 10 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
Kiểm tra			01	01	02	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng	20	05	05	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Tiếng Trung Quốc 1**
 - * Tiếng Trung Quốc: 汉语 1
- Mã học phần: NNTT 2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo: bắt buộc

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 28 tiết
 - * Bài tập : 8.5 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm : 5.5 tiết
 - * Kiểm tra : 3 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: BM Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức
- + Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Sinh viên có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng Trung Quốc và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Trung Quốc.
- + Nắm được cách đọc chính xác phiên âm tiếng Hán, hiểu được tiếng Hán là một ngôn ngữ có thanh điệu, tiếng Hán phổ thông có 4 thanh điệu và thanh nhẹ.

- + Nắm được các nét cơ bản và thứ tự các nét trong chữ Hán và một số bộ cơ bản cấu tạo thành chữ Hán. Nắm vững cách nghe, nói, đọc, viết của khoảng 150 chữ Hán thông dụng.
- + Lượng từ vựng học được khoảng 300 từ thông dụng trong giao tiếp hằng ngày và trong cuộc sống sinh viên.
- + Hiểu và nắm vững thứ tự cơ bản các thành phần câu trong tiếng Hán, các mẫu câu thường dùng; các câu hỏi nghi vấn và phủ định thường dùng; các danh từ, số từ, lượng từ thường dùng; các đại từ nhân xưng, đại từ chỉ thị; động từ, tính từ và phó từ mức độ thường dùng.
- + Biết cách thực hành chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt...trong thực tế giao tiếp.
- + Biết vận dụng thành thạo tiếng Hán để nói về các chủ đề đơn giản trong cuộc sống như: gia đình, giới thiệu bản thân, mua bán, ăn uống, học tập, nơi ở, tiền bạc...
- *Về kỹ năng*
- + Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, biết cách tự học và cách làm việc theo nhóm, cách giao tiếp với người nước ngoài nói tiếng Trung Quốc trong các tình huống giao tiếp hằng ngày ... Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm.
- + Nghe hiểu và có thể phản ứng nhanh trong các trường hợp đơn giản trong cuộc sống như: các mệnh lệnh và yêu cầu của giáo viên trong lớp học, các chủ đề cơ bản liên quan đến cá nhân, cuộc sống hằng ngày và cuộc sống học tập.
- + Có thể đọc theo, thuật lại, học thuộc những câu từ, bài khóa học ở trên lớp. Có thể giới thiệu những thông tin cơ bản về bản thân, chủ động chào hỏi và trả lời khi được hỏi thăm, biết dùng những từ ngữ đơn giản để biểu đạt những nhu cầu cơ bản của bản thân.
- + Biết phân biệt các phiên âm, biết dùng phiên âm để tra từ điển, dùng bộ thủ để tra từ điển. Đọc hiểu và biết lấy thông tin từ các bài khóa hoặc đoạn văn đơn giản. Cơ bản đọc hiểu được những từ ngữ được dùng trong giao tiếp hằng ngày như chào hỏi, cảm ơn.
- + Biết viết chữ Hán theo đúng thứ tự các nét. Biết điền một số thông tin cơ bản về cá nhân như: họ tên, quốc tịch...Biết viết các từ đơn giản liên quan đến cuộc sống hằng ngày: số từ, tiền, số điện thoại.
- *Về thái độ*
- + Nâng cao năng lực giao tiếp độc lập, tự tin bằng ngoại ngữ của sinh viên, giúp sinh viên chủ động sử dụng tiếng Hán trong giao tiếp.
- + Hình thành niềm say mê, hứng thú học tập đối với tiếng Hán.
- + Hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập.
- *Các mục tiêu khác*
- + Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc theo nhóm, bài tập lớn ngoài giờ học trên lớp.
- + Có tư duy sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.
- + Xác định trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học.
- + Phát triển kỹ năng cộng tác làm việc theo nhóm theo cặp.

- + Bước đầu tìm hiểu về phong tục tập quán trong giao tiếp của người Trung Quốc, từ đó tạo ra hứng thú đối với văn hóa Trung Quốc.
- + Bước đầu tìm hiểu về sự khác nhau và giống nhau giữa văn hóa của Việt Nam và Trung Quốc.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tiếng Trung Quốc 1 trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp và những câu giao tiếp đơn giản theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.

Học phần gồm 15 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học từ bài 1 đến bài 15 trong Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất - Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 1, quyển thượng) “对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 1 年级教材 - 修订本（第一册，上）

- Mỗi bài học gồm 5 phần: Bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ pháp, ngữ âm, luyện tập
- Cách thức phát âm chính xác của phiên âm tiếng Hán: các thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu.
 - Nguyên tắc viết phiên âm tiếng Hán, các nét và các bộ cơ bản của chữ Hán.
 - Bài khóa và nội dung đàm thoại có quan hệ chủ điểm đồng nhất với bài luyện đọc trong phần bài tập, trên cơ sở bảng từ mới của từng bài.
 - Từ mới: Người học được cung cấp một hệ thống từ mới xoay quanh một chủ đề. Người học biết sử dụng vốn từ đã học để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp. Từ vựng, câu trong chương trình học là các từ, câu đơn giản trong giao tiếp sinh hoạt hằng ngày; các từ ngữ, bài khóa đều có phiên âm đi kèm.
 - Ngữ pháp: Người học được cung cấp một hệ thống ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Trong phần này người học nắm được các hiện tượng ngữ pháp, các cấu trúc câu cơ bản để sử dụng phù hợp trong các tình huống của bài học. Ngữ pháp chủ yếu là các kết cấu cơ bản nhất, các loại câu đơn.
 - Ngữ âm: Chủ yếu là các bài tập nghe và luyện phát âm từ đơn giản đến phức tạp. Đây là phần giúp người học được thường xuyên tập luyện và thực hành phát âm từng âm tiết cho đến từng từ, cụm từ và câu.
 - Các bài tập: Hệ thống các bài tập củng cố từ vựng, ngữ pháp; bài tập đọc hiểu và các bài tập viết theo chủ đề của từng bài học.

Nội dung của học phần tiếng Trung Quốc 1 giúp người học rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Trung Quốc, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tham gia các hoạt động nhóm, làm các bài tập bắt buộc, mở rộng ... thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của sinh viên.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. 杨寄洲(2006), 对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 一年级教材 - 修订本 (第一册, 上), 北京语言大学出版社, 北京.
2. Dương Ký Châu, Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 1, quyển thượng), Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất, Nxb. Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2006.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Từ điển Hán Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
2. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Từ điển Hán Việt hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
3. Trần Thị Thanh Liêm, *301 câu đàm thoại tiếng Hoa*, Nxb. Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
4. Trần Thị Thanh Liêm, *Tập viết chữ Hán*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
第一课：你好 Bài 1: Xin chào 语音、注释 Ngữ âm, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	做练习： 在老师的指导下学习、练习发音 练读练习 1、2、3 Luyện phát âm Học và luyện tập phát âm theo sự hướng dẫn của giáo viên. Luyện đọc bài tập 1, 2, 3 sách giáo trình.
第一课：你好 Bài 1: Xin chào 生词、课文 Từ mới, bài khóa						做练习： 做练习 4、5 写生词： 每个生词写 5 行。 Làm bài tập: Làm bài tập 4, 5 và bài tập bổ sung Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第二课：汉语不太难 Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm	2	0.5	0.5	3	6	做练习： 在老师的指导下学习、练习发音

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
语音、注释 Ngữ âm, chú thích						练读练习 1、2、3、4 Luyện phát âm Học và luyện tập phát âm theo sự hướng dẫn của giáo viên. Luyện đọc bài tập 1, 2, 3, 4
第二课：汉语不太难 Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm 生词、课文、练习 Từ mới, bài khóa, bài tập						做练习： 做练习 4、5、6、7、8 写生词： 每个生词写 5 行 Làm bài tập: Làm bài tập 5, 6, 7, 8 Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第三课：明天见 Bài 3: Ngày mai gặp lại 语音、注释 Ngữ âm, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	做练习： 在老师的指导下学习、练习发音 练读练习 1、2、3 Luyện phát âm Học và luyện tập phát âm theo sự hướng dẫn của giáo viên. Luyện đọc bài tập 1, 2, 3.
第三课：明天见 Bài 3: Ngày mai gặp lại 生词、课文、练习 Từ mới, bài khóa, bài tập						做练习： 做练习 4、5、6 写生词： 每个生词写 5 行 Làm bài tập: Làm bài tập 4, 5, 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第四：你去哪儿 Bài 4: Bạn đi đâu đấy 语音、注释 Ngữ âm, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	Làm bài kiểm tra 做练习： 在老师的指导下学习、练习发音 练读练习 1、2、3 Luyện đọc Học và luyện tập phát âm theo sự hướng dẫn của giáo viên. Luyện đọc bài tập 1, 2, 3
第四：你去哪儿 Bài 4: Bạn đi đâu đấy 生词、课文 Từ mới, bài khóa						做练习： 学习生词、练习会话 写生词： 每个生词写 5 行 预习新课： 查生词。 Làm bài tập： Học từ mới, luyện bài khóa Viết mỗi từ mới 5 dòng. Chuẩn bị bài mới: Tra từ
第四：你去哪儿 Bài 4: Bạn đi đâu đấy Bài tập 第五课：这是王老师 Bài 5: Đây là thầy giáo Vương 语音、注释	2	0.5	0.5	3	6	做练习 4、5、6、7 Làm bài tập 4, 5, 6, 7 做练习： 在老师的指导下学习、练习发音 练读练习 1、2、3 Luyện đọc Học và luyện tập phát âm

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)		
	LT	BT	TL, KT			Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Ngữ âm, chú thích						theo sự hướng dẫn của giáo viên. Luyện đọc bài tập 1, 2, 3
第五课：这是王老师 Bài 5: Đây là thầy giáo Vương 生词、课文 Từ mới, bài khóa						做练习： 学习生词、练习会话 写生词： 每个生词写 5 行 预习新课： 查生词。 Luyện tập Học thuộc từ mới và luyện tập bài khoá Viết mỗi từ mới 5 dòng. Chuẩn bị bài mới: Tra từ
第五课：这是王老师 Bài 5: Đây là thầy giáo Vương Bài tập bài 5 第六课：我学习汉语 Bài 6: Tôi học tiếng Hán 生词 Từ mới	2	0.5	0.5	3	6	练习 做练习 4、5、6 Làm Bài tập: Làm bài tập 4, 5, 6 做练习： 学习生词 写生词： 每个生词写 5 行 Luyện tập Học từ mới Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第六课：我学习汉语 Bài 6: Tôi học tiếng Hán 课文、作业 Bài khóa, bài tập						练习会话 做练习 1、2、3 Luyện tập bài khoá Làm Bài tập: Bài tập 1, 2, 3
第六课：我学习汉语						练习

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài 6: Tôi học tiếng Hán 练习 Bài tập						做练习 4、5、6 预习新课：查生词。 Làm Bài tập: Bài tập 4, 5, 6 Chuẩn bị bài mới: Tra từ
第七课：你吃什么 Bài 7: Bạn ăn cái gì? 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习 学会生词、练习造句 写每词五行 做练习 1 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu Viết mỗi từ mới 5 dòng. Làm bài tập 1
第七课：你吃什么 Bài 7: Bạn ăn gì 课文、作业 Bài khóa, bài tập						练习 练习会话、做剩下的练习 预习新课：查生词 Luyện tập Luyện bài khoá và làm các bài tập còn lại Chuẩn bị bài mới: Tra từ
第八课：苹果一斤多少钱 Bài 8: Một cân táo bao nhiêu tiền 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习 学会生词、练习造句 写每词五行 做练习 1、2 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu Viết mỗi từ mới 5 dòng.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Làm bài tập 1, 2
第八课：苹果一斤多少钱 Bài 8: Một cân táo bao nhiêu tiền 课文、练习 Bài khoá, bài tập						练习 练习会话、做剩下的练习 预习新课：查生词 Luyện tập Luyện bài khoá và làm các bài tập còn lại Chuẩn bị bài mới: Tra từ
第九课：我换人民币 Bài 9: Tôi đổi Nhân dân tệ 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习 学会生词、练习造句 写每词五行 做练习 1 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu Viết mỗi từ mới 5 dòng. Làm bài tập 1
第九课：我换人民币 Bài 9: Tôi đổi Nhân dân tệ 课文、练习 Bài khoá, bài tập						练习 练习会话、做剩下的练习 预习新课：查生词 Luyện tập Luyện bài khoá và làm các bài tập còn lại Chuẩn bị bài mới: Tra từ
第十课：他住哪儿 Bài 10: Ông ấy đang sống ở đâu 生词 Từ mới	2	0.5	0.5	3	6	练习 学会生词、练习造句 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第十课：他住哪儿 Bài 10: Ông ấy đang sống ở đâu 课文、语法、练习 Bài khoá, ngữ pháp, bài tập						练习 练习会话、做练习 1, 2 Luyện tập Luyện bài khoá và làm bài tập 1, 2
第十课：他住哪儿？ Bài 10: Ông ấy đang sống ở đâu？ 第十一课：我们都是留学生 Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh 练习 做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại 生词 Từ mới						练习 做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại 练习 学会生词、练习造句 做练习 1 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu Làm bài tập 1 Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第十一课：我们都是留学生 Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh 课文、语法、练习 Bài khoá, ngữ pháp, bài tập	2	0.5	0.5	3	6	练习 练习会话、语法、做练习 2、3 Luyện tập Luyện bài khoá, ngữ pháp và làm bài tập 2, 3
第十一课：我们都是留学生 Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh						练习 做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại 练习

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
第十二课：你在哪儿学习？ Bài 12: Bạn học ở đâu? 练习 做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại 生词 Từ mới						学会生词、练习造句 做练习 1 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第十二课：你在哪儿学习 Bài 12: Bạn học ở đâu? 课文、语法、练习 Bài khoá, ngữ pháp, bài tập	2	0.5	0.5	3	6	练习 练习会话、 做练习 2, 3, 4 Luyện tập Luyện bài khoá, ngữ pháp và làm bài tập
第十二课：你在哪儿学习 Bài 12: Bạn học ở đâu? 练习 做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại						练习 做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại
第十三课：这是不是中药 Bài 13: Đây có phải thuốc đông y không 生词、练习 Từ mới, bài tập	2	0.5	0.5	3	6	练习 学会生词、练习造句 做练习 1, 2, 3 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu Làm bài tập 1, 2, 3 Viết mỗi từ mới 5 dòng.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
第十三课：这是不是中药 Bài 13: Đây có phải thuốc đông y không 语法、课文、练习 Ngữ pháp, bài khoá, bài tập						练习 练习会话、做剩下的练习 预习新课：查生词 Luyện tập Luyện bài khoá và làm các bài tập còn lại Chuẩn bị bài mới: Tra từ
第十四课：你的车是新的还是旧的 Bài 14: Xe của bạn mới hay cũ 生词、练习 Từ mới, bài tập	2	0.5	0.5	3	6	练习 学会生词、练习造句 做练习 1, 2 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu Làm bài tập 1, 2 Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第十四课：你的车是新的还是旧的 Bài 14: Xe của bạn mới hay cũ 语法、课文、练习 Ngữ pháp, bài khoá, bài tập						练习 练习语法、会话 做练习 3, 4, 5 Luyện tập Luyện bài khoá và làm các bài tập 3, 4, 5
第十四课：你的车是新的还是旧的 Bài 14: Xe của bạn mới hay cũ 练习 Bài tập 生词、练习						练习 做剩下的练习 Bài tập Làm các bài tập còn lại 练习 学会生词、练习造句 做练习 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Từ mới, bài tập						写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu Làm bài tập 1 Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第十五课：你们公司有多少职员 Bài 15: Công ty của ông có bao nhiêu nhân viên 语法、课文、练习 Ngữ pháp, bài khoá, bài tập						练习 练习语法、会话 做练习 2, 3, 4 Luyện tập Luyện bài khoá ngữ pháp Làm các bài tập 2, 3, 4
第十五课：你们公司有多少职员 Bài 15: Công ty của ông có bao nhiêu nhân viên 练习 Bài tập						练习 做剩下的练习 Bài tập Làm các bài tập còn lại
Kiểm tra trình		0.5	0.5	1	2	
Ôn tập		1	1	2	4	
Cộng	28	8.5	8.5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Tiếng Trung Quốc 2**
 - * Tiếng Trung Quốc: 汉语 2
- Mã học phần: NNTT 2102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo: bắt buộc

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐				
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐			

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 28 tiết
 - * Bài tập : 8.5 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm : 5.5 tiết
 - * Kiểm tra : 3 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: BM Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức
 - + Hiểu được ý nghĩa của ngữ âm trong việc học tiếng Hán.
 - + Dùng ngữ âm, ngữ điệu chính xác trong hội thoại thường ngày.
 - + Nắm được khoảng 300 chữ Hán thường dùng.
 - + Hiểu được mối quan hệ giữa chữ Hán và từ.
 - + Lượng từ vựng học được khoảng 600 từ thông dụng trong giao tiếp hàng ngày và trong cuộc sống học tập.

- + Hiểu và nắm vững về nhân dân tộc, số tiền; cách biểu đạt thời gian, phương vị, địa điểm; một số loại câu hỏi nghi vấn đặc biệt; kết cấu và chức năng cơ bản của trạng ngữ và định ngữ; biểu đạt sự tồn tại của sự vật; biểu đạt mong muốn của bản thân.
- + Biết cách thực hành chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt... trong thực tế giao tiếp.
- + Biết vận dụng thành thạo tiếng Hán để hỏi thăm, giới thiệu, giải thích những vấn đề đơn giản trong giao tiếp.
- + Vận dụng thành thạo tiếng Hán vào các chủ đề liên quan đến cuộc sống thường ngày, sở thích... Bước đầu làm quen với các chủ đề đơn giản về cuộc sống học tập và công việc.
- *Về kỹ năng*
- + Nghe hiểu và nắm bắt được thông tin trong các trường hợp đơn giản như: các mệnh lệnh và yêu cầu của giáo viên trong lớp học, các chủ đề cơ bản liên quan đến cá nhân và cuộc sống hàng ngày.
- + Có thể dùng những từ ngữ đơn giản để giới thiệu về bản thân và người khác. Có thể dùng các từ, câu đơn giản để nói về những đề tài thân thuộc trong cuộc sống với người khác, có thể đưa ra những câu hỏi đơn giản và các câu trả lời đơn giản, rõ ràng.
- + Có thể tìm ra những thông tin chủ yếu trong các đoạn văn, đoạn hội thoại, đoạn văn bản... gặp được trong bài học hoặc trong cuộc sống hàng ngày.
- + Biết sử dụng những từ ngữ đơn giản để điền thông tin cá nhân liên quan mật thiết trong cuộc sống. Biết sử dụng từ, câu đơn giản để biểu thị ý cảm ơn, xin lỗi, chúc mừng, tạm biệt...
- *Về thái độ*
- + Nâng cao năng lực giao tiếp độc lập, tự tin bằng ngoại ngữ của sinh viên, giúp sinh viên chủ động sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp.
- + Hình thành niềm say mê, hứng thú học tập đối với tiếng Trung.
- + Hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập.
- *Các mục tiêu khác*
- + Phát triển kỹ năng cộng tác làm việc theo nhóm.
- + Tìm hiểu thêm về phong tục tập quán trong giao tiếp của người Trung Quốc, từ đó tạo ra hứng thú đối với văn hoá Trung Quốc.
- + Tìm hiểu thêm về sự khác nhau và giống nhau giữa văn hoá của Việt Nam và Trung Quốc.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tiếng Trung Quốc 2 tiếp tục củng cố, trang bị cho sinh viên các kiến thức về ngữ âm, chữ viết, ngữ pháp cơ bản và những câu giao tiếp đơn giản. Cơ bản hoàn thiện hệ thống kiến thức tiếng Trung Quốc sơ cấp dùng trong sinh hoạt hàng ngày. Giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp cơ bản; các bài khoá có chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày, giúp sinh viên củng cố trình độ và có khả năng vận dụng vào giao tiếp xã hội.

Học phần gồm 15 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học từ bài 16 đến bài 30 trong Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất - Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 1, quyển hạ) “对外汉语本科系列教材 - 语言技能类 - 1 年级教材 - 修订本 (第一册, 下)”

Mỗi bài học gồm 5 phần: Bài khóa; từ mới; chú thích; ngữ pháp; ngữ âm; luyện tập.

- Bài khóa và nội dung đàm thoại có quan hệ chủ điểm đồng nhất với bài luyện đọc trong phần bài tập, trên cơ sở bảng từ mới của từng bài.
- Từ mới: Người học được cung cấp một hệ thống từ mới xoay quanh một chủ đề. Người học biết sử dụng vốn từ đã học để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp.
- Ngữ pháp: Người học được cung cấp một hệ thống ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Trong phần này người học nắm được các hiện tượng ngữ pháp, các cấu trúc câu cơ bản để sử dụng phù hợp trong các tình huống của bài học.
- Ngữ âm: Chủ yếu là các bài tập nghe và luyện phát âm từ đơn giản đến phức tạp. Đây là phần giúp người học được thường xuyên tập luyện và thực hành phát âm từng âm tiết cho đến từng từ, cụm từ và câu.
- Các bài tập: Hệ thống các bài tập củng cố từ vựng, ngữ pháp; bài tập đọc hiểu và các bài tập viết theo chủ đề của từng bài học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. 杨寄洲(2006), 对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 一年级教材 - 修订本 (第一册, 下), 北京语言大学出版社, 北京.
2. Dương Ký Châu, Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 1, quyển hạ), Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất, Nxb. Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2006.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Từ điển Hán - Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
2. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Từ điển Việt - Hán hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
3. Trần Thị Thanh Liêm, *301 câu đàm thoại tiếng Hoa*, Nxb. Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
4. Trần Thị Thanh Liêm, *Tập viết chữ Hán*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2004.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒ Phát vấn ☒ Đàm thoại ☐

Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
第十六课：你常去图书馆吗 Bài 16: Bạn có thường xuyên đến thư viện không 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第十六课：你常去图书馆吗 Bài 16: Ban có thường xuyên đến thư viện không 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá	2	0.5	0.5	3	6	练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第十六课：你常去图书馆吗 Bài 16: Ban có thường xuyên đến thư viện không 练习 Bài tập	2	0.5	0.5	3	6	做练习 Làm các bài tập
第十七课：他在做什么呢 Bài 17: Bạn ấy đang làm gì đấy 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第十七课：他在做什么呢	2	0.5	0.5	3	6	练习语法、课文 练习语法，练习造句

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài 17: Bạn ấy đang làm gì đấy 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第十七课：他在做什么呢 Bài 17: Bạn ấy đang làm gì đấy 练习 Bài tập	2	0.5	0.5	3	6	做练习 Làm các bài tập
第十八课：我去邮局寄包裹 Bài 18: Tôi đi bưu điện gửi bưu phẩm 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第十八课：我去邮局寄包裹 Bài 18: Tôi đi bưu điện gửi bưu phẩm 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá	2	0.5	0.5	3	6	练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
第十八课：我去邮局寄包裹 Bài 18: Tôi đi bưu điện gửi bưu phẩm 练习 Bài tập						做练习 Làm các bài tập
		0.5	0.5	1	2	
第十九课：可以试试吗？ Bài 19: Có thể thử được không 生词 Từ mới	2	0.5	0.5	3	6	练习生词 学会用生词，每一词写 5 行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, mỗi từ viết 5 dòng
第十九课：可以试试吗？ Bài 19: Có thể thử được không 注释、语法 Chú thích, ngữ pháp						练习 学会注释、语法、练习造句 Luyện tập Học thuộc phần chú thích, luyện tập ngữ pháp, luyện tập đặt câu
第十九课：可以试试吗？ Bài 19: Có thể thử được không 课文、练习 Bài khoá, bài tập						练习： 练习会话 做练习 bài tập: Luyện tập hội thoại bài khoá Làm bài tập
第十九课：可以试试吗？	2	0.5	0.5	3	6	做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại 练习

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài 19: Có thể thử được không 第二十课：祝你生日快乐 Bài 20: Chúc bạn sinh nhật vui vẻ 注释、语法 Chú thích, ngữ pháp						学会生词、练习造句 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第二十课：祝你生日快乐 Bài 20: Chúc bạn sinh nhật vui vẻ 课文、练习 Bài khoá, bài tập	2	0.5	0.5	3	6	练习： 练习会话 做练习 bài tập: Luyện tập hội thoại bài khoá Làm bài tập
第二十课：祝你生日快乐 Bài 20: Chúc bạn sinh nhật vui vẻ 练习 Bài tập 第二十一课：我们七点一刻出发 Bài 21: Ngày mai chúng ta xuất phát lúc 7h15 生词 Từ mới						做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại 练习 学会生词、练习造句 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第二十一课：我们七点一刻出发						练习

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài 21: Ngày mai chúng ta xuất phát lúc 7h15 注释、语法 Chú thích, ngữ pháp						学会注释、语法、练习造句 Luyện tập Học thuộc phần chú thích, luyện tập ngữ pháp, luyện tập đặt câu
第二十一课：我们七点一刻出发 Bài 21: Ngày mai chúng ta xuất phát lúc 7h15 课文、练习 Bài khoá, bài tập						练习： 练习会话 做练习 bài tập: Luyện tập hội thoại bài khoá Làm bài tập
第二十一课：我们七点一刻出发 Bài 21: Ngày mai chúng ta xuất phát lúc 7h15 练习 Bài tập						做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại
第二十二课：我打算请老师教京剧 Bài 22: Tôi định mời giáo viên dạy tôi kinh kịch 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第二十二课：我打算请老师教京剧						练习语法、课文 练习语法，练习造句

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài 22: Tôi định mời giáo viên dạy tôi kinh kịch 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第二十二课：我打算请老师教京剧 Bài 22: Tôi định mời giáo viên dạy tôi kinh kịch 练习 Bài tập						做练习 Làm các bài tập
第二十三课：学校里边有邮局吗？ Bài 23: Trong trường học có bưu điện không 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第二十三课：学校里边有邮局吗？ Bài 23: Trong trường học có bưu điện không 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
第二十三课：学校里边有邮局吗？ Bài 23: Trong trường học có bưu điện không 练习 Bài tập						做练习 Làm các bài tập
第二十四课：我想学太极拳 Bài 24: Tôi muốn học Thái cực quyền 生词 Từ mới	2	0.5	0.5	3	6	学会生词、练习造句 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第二十四课：我想学太极拳 Bài 24: Tôi muốn học Thái cực quyền 课文、语法、注释、练习 Bài khoá, ngữ pháp, chú thích, bài tập						做练习： 练习语法、会话 做练习 4 Làm bài tập: Luyện tập hội thoại bài khoá Làm bài tập 4
第二十四课：我想学太极拳 Bài 24: Tôi muốn học Thái cực quyền 练习 做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại						练习 做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại
第二十四课：我想学太极拳 Bài 24: Tôi muốn học Thái cực quyền						做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại 练习

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
练习 Bài tập 第二十五课：她学得很好 Bài 25: Cô ấy học rất giỏi 生词 Từ mới						学会生词、练习造句 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, luyện tập đặt câu Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第二十五课：她学得很好 Bài 25: Cô ấy học rất giỏi 注释、语法 Chú thích, ngữ pháp						练习 学会注释、语法、练习造句 Luyện tập Học thuộc phần chú thích, luyện tập ngữ pháp, luyện tập đặt câu
第二十五课：她学得很好 Bài 25: Cô ấy học rất giỏi 课文、练习 Bài khoá, bài tập						练习： 练习会话 做练习 bài tập: Luyện tập hội thoại bài khoá Làm bài tập
第二十五课：她学得很好 Bài 25: Cô ấy học rất giỏi 练习 Bài tập						做剩下的练习 Làm các bài tập còn lại
第二十六课：田芳去哪儿了 Bài 26: Điền Phương đi đâu						练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
生词、注释 Từ mới, chú thích						写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第二十六课：田芳去哪儿了 Bài 26: Điền Phương đi đâu 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第二十六课：田芳去哪儿了 Bài 26: Điền Phương đi đâu 练习 Bài tập						做练习 Làm các bài tập
第二十七课：玛丽哭了 Bài 27: Mary khóc rồi 生词、注释 Từ mới, chú thích						练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第二十七课：玛丽哭了						练习语法、课文

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài 27: Mary khóc rồi 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第二十七课：玛丽哭了 Bài 27: Mary khóc rồi 练习 Bài tập						做练习 Làm các bài tập
第二十八课：我吃了早饭就来了 Bài 28: Tôi ăn sáng xong rồi đến ngay 生词、注释 Từ mới, chú thích						练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第二十八课：我吃了早饭就来了 Bài 28: Tôi ăn sáng xong rồi đến ngay 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
第二十八课：我吃了早饭就来了 Bài 28: Tôi ăn sáng xong rồi đến ngay 练习 Bài tập						做练习 Làm các bài tập
第二十九课：我都做对了 Bài 29: Tôi làm đúng hết rồi 生词、注释 Từ mới, chú thích						练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第二十九课：我都做对了 Bài 29: Tôi làm đúng hết rồi 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第二十九课：我都做对了 Bài 29: Tôi làm đúng hết rồi 练习 Bài tập						做练习 Làm các bài tập

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
第三十课：我来了两个多月了 Bài 30: Tôi đã đến được hơn 2 tháng rồi 生词、注释 Từ mới, chú thích						练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第三十课：我来了两个多月了 Bài 30: Tôi đã đến được hơn 2 tháng rồi 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第三十课：我来了两个多月了 Bài 30: Tôi đã đến được hơn 2 tháng rồi 练习 Bài tập						做练习 Làm các bài tập
Kiểm tra trình						
Ôn tập		1	1	2	4	Ôn tập
Cộng	28	8.5	8.5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Tiếng Trung Quốc 3**
 - * Tiếng Trung Quốc: 汉语 3
- Mã học phần: NNTT 2103
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo: bắt buộc

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 28 tiết
 - * Bài tập : 8.5 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm : 5.5 tiết
 - * Kiểm tra : 3 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

- Về kiến thức

- + Hiểu được ý nghĩa của ngữ âm trong việc học tiếng Hán.
- + Dùng ngữ âm, ngữ điệu chính xác trong hội thoại thường ngày.
- + Nắm được khoảng 300 chữ Hán thường dùng.
- + Hiểu được mối quan hệ giữa chữ Hán và từ.
- + Lượng từ vựng học được khoảng 600 từ thông dụng trong giao tiếp hàng ngày và trong cuộc sống học tập.
- + Hiểu và nắm vững về nhân dân tệ, số tiền; cách biểu đạt thời gian, phương vị, địa điểm; một số loại câu hỏi nghi vấn đặc biệt; kết cấu và chức năng cơ bản của trạng ngữ và định ngữ; biểu đạt sự tồn tại của sự vật; biểu đạt mong muốn của bản thân.
- + Biết cách thực hành chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt... trong thực tế giao tiếp.
- + Biết vận dụng thành thạo tiếng Hán để hỏi thăm, giới thiệu, giải thích những vấn đề đơn giản trong giao tiếp.
- + Vận dụng thành thạo tiếng Hán vào các chủ đề liên quan đến cuộc sống thường ngày, sở thích... Bước đầu làm quen với các chủ đề đơn giản về cuộc sống học tập và công việc.
- *Về kỹ năng*
- + Nghe hiểu và nắm bắt được thông tin trong các trường hợp đơn giản như: các mệnh lệnh và yêu cầu của giáo viên trong lớp học, các chủ đề cơ bản liên quan đến cá nhân và cuộc sống hàng ngày.
- + Có thể dùng những từ ngữ đơn giản để giới thiệu về bản thân và người khác. Có thể dùng các từ, câu đơn giản để nói về những đề tài thân thuộc trong cuộc sống với người khác, có thể đưa ra những câu hỏi đơn giản và các câu trả lời đơn giản, rõ ràng.
- + Có thể tìm ra những thông tin chủ yếu trong các đoạn văn, đoạn hội thoại, đoạn văn bản... gặp được trong bài học hoặc trong cuộc sống hàng ngày.
- + Biết sử dụng những từ ngữ đơn giản để điền thông tin cá nhân liên quan mật thiết trong cuộc sống. Biết sử dụng từ, câu đơn giản để biểu thị ý cảm ơn, xin lỗi, chúc mừng, tạm biệt...
- *Về thái độ*
- + Nâng cao năng lực giao tiếp độc lập, tự tin bằng ngoại ngữ của sinh viên, giúp sinh viên chủ động sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp.
- + Hình thành niềm say mê, hứng thú học tập đối với tiếng Trung.
- + Hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập.
- *Các mục tiêu khác*
- + Phát triển kỹ năng cộng tác làm việc theo nhóm.
- + Tìm hiểu thêm về phong tục tập quán trong giao tiếp của người Trung Quốc, từ đó tạo ra hứng thú đối với văn hoá Trung Quốc.
- + Tìm hiểu thêm về sự khác nhau và giống nhau giữa văn hoá của Việt Nam và Trung Quốc.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tiếng Trung Quốc 3 gồm nhiều bài với nội dung từ dễ đến khó. Bắt đầu từ luyện tập ngữ âm cơ bản tiếng Hán, từ đó tiến hành giảng dạy kết cấu ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, cuối cùng là giai đoạn giảng dạy ngữ đoạn, thông qua sự hiểu biết sâu hơn về ngữ pháp và vận dụng từ ngữ, để nâng cao hơn nữa khả năng biểu đạt thành đoạn văn của người học.

Học phần gồm 10 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học từ bài 1 đến bài 10 trong Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất - Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 2, quyển thượng) “对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 1 年级教材 - 修订本 (第二册, 上)

Mỗi bài học gồm 5 phần: Bài khóa; từ mới; chú thích; ngữ pháp, ngữ âm; luyện tập.

- Bài khóa và nội dung đàm thoại có quan hệ chủ đề đồng nhất với bài luyện đọc trong phần bài tập, trên cơ sở bảng từ mới của từng bài.
- Từ mới: Người học được cung cấp một hệ thống từ mới xoay quanh một chủ đề. Người học biết sử dụng vốn từ đã học để giao tiếp trong các tình huống giao tiếp.
- Ngữ pháp: Người học được cung cấp một hệ thống ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Trong phần này người học nắm được các hiện tượng ngữ pháp, các cấu trúc câu cơ bản để sử dụng phù hợp trong các tình huống của bài học.
- Ngữ âm: Chủ yếu là các bài tập nghe và luyện phát âm từ đơn giản đến phức tạp. Đây là phần giúp người học được thường xuyên tập luyện và thực hành phát âm từng âm tiết cho đến từng từ, cụm từ và câu.
- Các bài tập: Hệ thống các bài tập củng cố từ vựng, ngữ pháp; bài tập đọc hiểu và các bài tập viết theo chủ đề của từng bài học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. 杨寄洲(2006), 对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 一年级教材 - 修订本 (第二册, 上), 北京语言大学出版社, 北京.
2. Dương Ký Châu, Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 2, quyển thượng), Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất, Nxb. Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2006.

4.2. Tài liệu tham khảo lựa chọn

1. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Từ điển Hán Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
2. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Từ điển Hán Việt hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
3. Trần Thị Thanh Liêm, *301 câu đàm thoại tiếng Hoa*, Nxb. Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.

4. Trần Thị Thanh Liêm, *Tập viết chữ Hán*, Nxb.Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐
☒ ☒

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
第一课：我比你更喜欢音乐 Bài 1: Tôi thích âm nhạc hơn bạn 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第一课：我比你更喜欢音乐 Bài 1: Tôi thích âm nhạc hơn bạn 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第一课：我比你更喜欢音乐 Bài 1: Tôi thích âm nhạc hơn bạn 练习 Bài tập	2	0.5	0.5	3	6	做练习 Làm các bài tập
第二课：我们那儿的冬天跟北京一样冷 Bài 2: Mùa đông ở chỗ chúng tôi lạnh như ở Bắc Kinh 生词、注释	2	0.5	0.5	3	6	练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Từ mới, chú thích						Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第二课：我们那儿的冬天 跟北京一样冷 Bài 2: Mùa đông ở chỗ chúng tôi lạnh như ở Bắc Kinh 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第二课：我们那儿的冬天 跟北京一样冷 Bài 2: Mùa đông ở chỗ chúng tôi lạnh như ở Bắc Kinh 练习 Bài tập	2	0.5	0.5	3	6	做练习 Làm các bài tập
第三课：冬天快要到了 Bài 3: Mùa đông sắp đến rồi 生词、注释 Từ mới, chú thích						练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第三课：冬天快要到了	2	0.5	0.5	3	6	练习语法、课文

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài 3: Mùa đông sắp đến rồi 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
		0.5	0.5	1	2	
第三课：冬天快要到了 Bài 3: Mùa đông sắp đến rồi 练习 Bài tập	2	0.5	0.5	3	6	做练习 Làm các bài tập
第四课：快上来吧，要开车了 Bài 4: Nhanh lên, xe sắp chạy rồi 生词、注释 Từ mới, chú thích						练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第四课：快上来吧，要开车了 Bài 4: Nhanh lên, xe sắp chạy rồi 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
第四课：快上来吧，要开车了 Bài 4: Nhanh lên, xe sắp chạy rồi 练习 Bài tập	2	0.5	0.5	3	6	做练习 Làm các bài tập
第五课：我听过钢琴协奏曲（黄河） Bài 5: Tôi đã nghe bản hòa tấu piano “hoàng hà” 生词、注释 Từ mới, chú thích						练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第五课：我听过钢琴协奏曲（黄河） Bài 5: Tôi đã nghe bản hòa tấu piano “hoàng hà” 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第五课：我听过钢琴协奏曲（黄河） Bài 5: Tôi đã nghe bản hòa tấu piano “hoàng hà” 练习 Bài tập	2	0.5	0.5	3	6	做练习 Làm các bài tập

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
第六课：我是跟旅游团一起来的 Bài 6: Tôi đến cùng đoàn du lịch 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第六课：我是跟旅游团一起来的 Bài 6: Tôi đến cùng đoàn du lịch 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第六课：我是跟旅游团一起来的 Bài 6: Tôi đến cùng đoàn du lịch 练习 Bài tập						 做练习 Làm các bài tập
第七课：我的护照你找到了没有 Bài 7: Em tìm thấy hộ chiếu của anh chưa 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第七课：我的护照你找到了没有 Bài 7: Em tìm thấy hộ chiếu của anh chưa 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第七课：我的护照你找到了没有 Bài 7: Em tìm thấy hộ chiếu của anh chưa 练习 Bài tập						做练习 Làm các bài tập
第八课：我的眼镜摔坏了 Bài 8: Kính của tôi hỏng rồi 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第八课：我的眼镜摔坏了						练习语法、课文 练习语法，练习造句

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài 8: Kính của tôi hỏng rồi 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第八课：我的眼镜摔坏了 Bài 8: Kính của tôi hỏng rồi 练习 Bài tập						做练习 Làm các bài tập
第九课：钥匙忘拔下来了 Bài 9: Quên lấy chìa khóa ra rồi 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第九课：钥匙忘拔下来了 Bài 9: Quên lấy chìa khóa ra rồi 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第九课：钥匙忘拔下来了						做练习 Làm các bài tập

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bài 9: Quên lấy chìa khóa ra rồi 练习 Bài tập						
第十课：会议厅的门开着呢 Bài 10: Cửa phòng họp vẫn đang mở 生词、注释 Từ mới, chú thích	2	0.5	0.5	3	6	练习生词、注释 学会生词、能运用注释语法点 写每词五行 Luyện tập từ mới Học thuộc từ mới, học thuộc và vận dụng phần chú thích. Viết mỗi từ mới 5 dòng.
第十课：会议厅的门开着呢 Bài 10: Cửa phòng họp vẫn đang mở 语法、课文 Ngữ pháp, bài khoá						练习语法、课文 练习语法，练习造句 练习会话 Luyện tập Luyện tập ngữ pháp, đặt câu Luyện tập hội thoại bài khoá
第十课：会议厅的门开着呢 Bài 10: Cửa phòng họp vẫn đang mở 练习 Bài tập	2	0.5	0.5	3	6	做练习 Làm các bài tập
Kiểm tra trình						
Ôn tập		1	1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Cộng	28	8.5	8.5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ
NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kỹ năng tư duy phản biện**
 - * Tiếng Anh: **Critical thinking skills**
- Mã học phần: NNTA2203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
☒		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 16 tiết
 - * Bài tập : 6 tiết
 - * Thảo luận, Kiểm tra : 08 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nhận biết tầm quan trọng của việc tư duy một cách rõ ràng, minh bạch, độc lập và phản biện; Tự chủ trong suy nghĩ, giải quyết vấn đề hợp lý, sáng tạo; Độc lập, công bằng trong tranh luận, bày tỏ quan điểm với người khác
- *Về kỹ năng:* Phát triển các khả năng nhận diện vấn đề; phân tích, đánh giá thông tin một cách rõ ràng, minh bạch, khách quan; Thực hiện khả năng phản biện trong điều kiện văn hóa xã hội Việt Nam

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Có thái độ phản biện đối với những vấn đề của hiện thực.
- + Xác định trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học.
- + Có tư duy sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Tư duy phản biện là đặc điểm của tư duy bậc cao, nó là điều kiện cần thiết cho sự thành công của bất kỳ người lao động làm việc trong bất kỳ ngành nghề nào, cấp độ nào.
- Môn học này sẽ thảo luận về những khái niệm, những quy tắc nền tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả.
- Bên cạnh đó, môn học sẽ phát triển những kỹ năng tư duy phản biện thông qua thảo luận và thực hành những phương pháp, những công cụ tư duy hữu ích cho sự phát triển năng lực trí tuệ của cá nhân và cộng đồng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Roy van den Brink – Budgen, *Critical thinking for Students*, 3rd edition, Howtobook, United Kingdom 2006.
2. Brooke Noel Moore & Richard Parker, *Critical Thinking*, 8 th edition, Mc.Graw Hill, New York 2007.
3. Đỗ Kiên Trung, *Lịch sử tư duy phản biện* (Tập bài giảng).

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Tử Thành, *Logic học và phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb.Trẻ, Tp.HCM 2005.
2. Phạm Đình Nghiệm, *Nhập môn logic học*, Nxb.ĐHQG, Tp.HCM 2007.
3. Lauren Starkey, *Critical thinking skills success in 20 minutes a day*, Learning express, New York 2004.
4. Đỗ Kiên Trung, *Những giải pháp nhằm định hình một phong cách tư duy phản biện*, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, số 4, 2012
5. Đỗ Kiên Trung, *Về vai trò của Tư duy phản biện và những yêu cầu cho việc giảng dạy ở Việt Nam*, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, số 5, 2012

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒

- Dạy học theo dự án ☐ Dạy học thực hành ☐ Thu thập số liệu ☐
 Phân tích, xử lý số liệu ☐ Trình bày báo cáo kết quả ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. NHẬP MÔN TƯ DUY PHẢN BIỆN; GIỚI THIỆU MÔN HỌC 1.1. Tư duy là gì? 1.2. Những dạng tư duy cơ bản 1.3. Tư duy phản biện là gì? 1.4. Những lợi ích của tư duy phản biện	4			4	8	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5. Những rào cản đối với tư duy phản biện 1.6. Như thế nào là người có tư duy phản biện?						
Chương 1. CÁC PHƯƠNG PHÁP TƯ DUY 2.1. Cách đặt câu hỏi 2.2. Bản đồ tư duy (Mindmap)	2	1	1	4	8	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 1. CÁC PHƯƠNG PHÁP TƯ DUY (TT) 2.3 Sáu chiếc nón tư duy (Six thinking hats) 2.4. Phân tích SWOT	2	1	1	4	8	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 1 CÁC PHƯƠNG PHÁP TƯ DUY (TT) 2.5. Phương pháp Porter 2.6. Sơ đồ Ishikawa	2	1	1	4	8	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 2 LÝ THUYẾT LẬP LUẬN 3.1. Các quy luật cơ bản của tư duy. 3.2. Như thế nào là một suy luận.	2	1	1	4	8	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 2 LÝ THUYẾT LẬP LUẬN 3.3. Chứng minh và bác bỏ. 3.4. Suy luận diễn dịch và quy nạp. 3.5. Phân tích và đánh giá suy luận.	2	1	1	4	8	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 3 CÁC DẠNG NGỤY BIỆN 4.1. Ngụy biện không tương hợp. 4.2. Ngụy biện tương hợp.	2	1	1	4	8	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Kiểm tra			2		4	
Cộng	16	6	8	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Phương pháp luận nghiên cứu khoa học**
 - * Tiếng Anh: **Methodology of Scientific Research**
- Mã học phần: NNTA2106
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 25 tiết
 - * Bài tập : 8 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm : 8 tiết
 - * Kiểm tra : 4 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: BM Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trang bị cho học viên phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Hiểu các khái niệm và bản chất logic của nghiên cứu khoa học (NCKH); Phương pháp xây dựng cơ sở lý luận của đề tài, thu thập và định hướng xử lý thông tin, trình tự thực hiện đề tài;
- *Về kỹ năng:* Học viên có thể viết được bài báo khoa học, luận văn tốt nghiệp và có khả năng thuyết trình một báo cáo khoa học.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Tuân thủ quy định đạo đức nghiên cứu khoa học trong việc kế thừa kết quả nghiên cứu của tác giả khác và trích dẫn nguồn tài liệu.
- + Xác định trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về nghiên cứu khoa học và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 7 chương bao quát như sau:

Chương 1 ĐẠI CƯƠNG VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Chương 2 VẤN ĐỀ KHOA HỌC

Chương 3 GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Chương 4 CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

Chương 5 PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

Chương 6 CÁC HÌNH THỨC CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chương 7 LUẬN VĂN KHOA HỌC

Chương 8 TRÌNH BÀY VÀ THUYẾT TRÌNH LUẬN VĂN KHOA HỌC

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TRUNG NGUYỄN. 2005. *Phương Pháp Luận Nghiên Cứu (Cẩm nang hướng dẫn từng bước dành cho người bắt đầu)*. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội. Hà Nội.
2. VŨ CAO ĐÀM. 2003. *Phương Pháp Luận Nghiên Cứu Khoa Học* (xuất bản lần thứ IX). Nhà xuất bản KH & KT. Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. DƯƠNG THIỆU TỔNG. 2002. *Phương Pháp Nghiên Cứu Khoa Học Giáo Dục và Tâm Lý*. Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh.
2. Paul C.C. 2004. *Methods in Behavioral Research* (eighth edition). Mc Graw-Hill College. Mayfield Publishing Company.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1 ĐẠI CƯƠNG VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 1. Khái niệm nghiên cứu khoa học 2. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học 3. Phân loại nghiên cứu khoa học 4. Một số sản phẩm đặc trưng của nghiên cứu khoa học 5. Sự phát triển của lý thuyết khoa học 6. Cấu trúc logic của một khảo luận khoa học	3	1	1	5	10	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 2 VẤN ĐỀ KHOA HỌC 1. Khái niệm “vấn đề khoa học”	3	1	1	5	10	SV đọc tài liệu chương 2 về các

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2. Phân loại vấn đề khoa học 3. Hình thức ngôn ngữ của vấn đề khoa học 4. Ba tình huống của vấn đề khoa học 5. Phương pháp phát hiện vấn đề khoa học						vấn đề khoa học ; Đọc tài liệu tham khảo, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 3 GIẢ THUYẾT KHOA HỌC 1. Khái niệm “giả thuyết khoa học” 2. Vai trò của giả thuyết trong nghiên cứu khoa học 3. Tiêu chí xem xét một giả thuyết khoa học 4. Thuộc tính cơ bản của giả thuyết khoa học 5. Bản chất logic của giả thuyết khoa học 6. Liên hệ giữa giả thuyết với phân loại nghiên cứu 7. Liên hệ giữa giả thuyết với vấn đề khoa học 8. Thao tác logic để đưa ra một giả thuyết khoa học 9. Kiểm chứng giả thuyết khoa học	3	1	1	5	10	SV đọc tài liệu chương 3 về các vấn đề khoa học ; Đọc tài liệu tham khảo, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 4 CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI 1. Khái niệm “cơ sở lý luận của đề tài” 2. Nội dung cơ sở lý luận của đề tài 3. Phương pháp xây dựng luận cứ lý thuyết	3	1	1	5	10	SV đọc tài liệu chương 4 về các vấn đề khoa học ; Đọc tài liệu tham khảo, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 5 PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN 1. Bản chất thông tin của quá trình nghiên cứu 2. Thông tin và vật mang thông tin 3. Phương pháp tiếp cận thu thập thông tin 4. Phương pháp nghiên cứu tài liệu 5. Phương pháp phi thực nghiệm 6. Phương pháp trắc nghiệm 7. Phương pháp thực nghiệm 8. Phạm vi áp dụng các phương pháp thu thập thông tin	3	1	1	5	10	SV đọc tài liệu chương 5 về các vấn đề khoa học ; Đọc tài liệu tham khảo, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Kiểm tra			2	2	4	
Chương 6 CÁC HÌNH THỨC CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU 1. Ý nghĩa của việc công bố kết quả nghiên cứu 2. Các hình thức công bố kết quả nghiên cứu 3. Viết báo cáo kết quả nghiên cứu	3	1	1	5	10	SV đọc tài liệu chương 6 về các vấn đề khoa học ; Đọc tài liệu tham khảo, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 7 LUẬN VĂN KHOA HỌC 1. Dẫn nhập 2. Phân loại luận văn khoa học 3. Trình tự chuẩn bị luận văn 4. Viết luận văn 5. Khung logic của luận văn (Logical framework)	3	1	1	5	10	SV đọc tài liệu chương 7 về các vấn đề khoa học ; Đọc tài liệu tham khảo, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 8 TRÌNH BÀY VÀ THUYẾT TRÌNH LUẬN VĂN KHOA HỌC 1. Trình bày luận văn trên Powerpoint - Nội dung - Hình thức 2. Kỹ năng thuyết trình luận văn trước hội đồng chấm - Chuẩn bị bài báo cáo - Cách trình bày - Trợ huấn cụ - Những điều nên tránh 3. Quản lý tài liệu tham khảo bằng Endnote V.8.	4	1	1	5	10	SV đọc tài liệu chương 8 về các vấn đề khoa học ; Đọc tài liệu tham khảo, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Kiểm tra			2	2	4	
Cộng	25	8	12	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tin học đại cương**
 - Tiếng Anh: **General Informatics**
- Mã học phần: **CTKH2151**
- Số tín chỉ: 2
- Đối tượng học: **Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết: Toán cao cấp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Thực hành trên lớp: 9 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học máy tính và ứng dụng, Khoa Công nghệ Thông tin

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính, Internet.
- *Về kỹ năng*: Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, về mạng máy tính, các phần mềm thông dụng,... để tiếp tục học các môn

tin học ứng dụng trong chuyên ngành sau này. Học xong học phần này sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng văn phòng, internet.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Chăm chỉ, tích cực tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà; nâng cao tính tích cực trong học và tự học.
- + Xác định trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng. Nội dung chính gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.
- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Tài liệu học tập

4.1. Sách, giáo trình chính

1. Đỗ Thị Mơ – Dương Xuân Thành, *Giáo trình nhập môn tin học*, NXB Nông nghiệp.
2. *Tự học Microsoft Excel 2010, Tự học PowerPoint 2010* (2012), NXB Văn hóa Thông tin.
3. *Tự học Word 2010* (2011), NXB Hồng Bàng.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Lê Lan Anh, *Giáo trình Tin học đại cương*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Công Tuấn - Công Bình, *20 Bài thực hành Microsoft Word 2010*, NXB Văn hóa Thông tin.
3. Công Tuấn - Công Bình, *20 Bài thực hành Microsoft Excel 2010*, NXB Văn hóa Thông tin.
4. Bùi Thế Tâm, 2010, *Giáo trình Tin học đại cương*, NXB Giao thông Vận tải.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ TIN HỌC	2			1	3	6	
1.1. Thông tin và xử lý thông tin	1				1	2	Đọc TLC [1], TLĐT [1] SV chuẩn bị các kiến thức cơ bản để nhận biết các thiết bị của máy tính.
1.2. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							
1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính	0.5				0.5	1	
1.4. Virus tin học và cách phòng chống	0.5				1.5	3	

1.5. Mạng máy tính và Internet			1			
1.6. Ứng dụng của công nghệ thông tin						
CHƯƠNG 2. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS	2		1	3	6	
2.1. Giới thiệu chung 2.1.1. Khái niệm Hệ điều hành 2.1.2. Chức năng của Hệ điều hành 2.1.3. Sự phát triển của Hệ điều hành 2.1.4. Giới thiệu một số Hệ điều hành phổ biến	1			1	2	Độc TLC [1], TLĐT [1] SV phải thao tác được với hệ điều hành Windows
2.2. Hệ điều hành Windows 2.2.1. Giao diện của hệ điều hành Windows 2.2.2. Quản lý tệp tin, thư mục	1		1	2	4	
2.2.3. Quản lý đĩa từ 2.5.4. Thay đổi cấu hình (Control Panel)						
CHƯƠNG 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN.	6	1	3	10	20	
3.1. Giới thiệu màn hình làm việc	0.5			0.5	1	- Độc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.2. Các thao tác cơ bản						
3.3. Thực hiện định dạng văn bản 3.3.1. Định dạng ký tự (Font) 3.3.2. Định dạng đoạn văn bản (Paragraph)	2		1	3	6	

3.3.3. Bao khung và tô nền cho đoạn văn 3.3.4. Đánh chỉ mục tự động đầu đoạn văn bản (Bullets and Numbering) 3.3.5. Chia cột văn bản (Columns) 3.3.6. Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap) 3.3.7. Định dạng Tab							
3.4. Chèn các đối tượng vào văn bản 3.4.1. Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol) 3.4.2. Chèn chữ nghệ thuật (Word Art) 3.4.3. Chèn ClipArt và hình ảnh 3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box) 3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes) 3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart) 3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán học (Equation)	1.5			1	2.5	5	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.5. Bảng biểu 3.5.1. Tạo bảng 3.5.2. Các thao tác trên bảng 3.5.3. Định dạng trên bảng	1			0.5	1.5	3	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.5.3. Tính toán trên bảng							
3.6. Một số chức năng khác 3.6.1. Tìm kiếm và thay thế	0.5			0.5	1	2	- Đọc TLC [2], TLĐT [2]

3.6.2. Đặt chế độ tự động 3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm 3.6.4. Tạo bookmark 3.6.5. Tạo mục lục tự động 3.6.6. Trộn thư							- SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.7. In ấn 3.7.1. Định dạng trang in 3.7.2. Tạo Header and Footer 3.7.3. Ngắt trang 3.7.4. Chèn số trang 3.7.5. Xem trước khi in 3.7.6. Thực hiện lệnh in	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel 4.1.1. Giới thiệu 4.1.2. Màn hình làm việc 4.1.3. Cấu trúc một Workbook 4.1.4. Cấu trúc một Worksheet 4.1.5. Các kiểu dữ liệu và các toán tử	0.5				0.5	1	- Đọc TLC [3], TLĐT [3] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
4.2. Các thao tác cơ bản	0.5			0.5	1	2	
4.2.1. Xử lý trên vùng 4.2.2. Thao tác trên cột và dòng 4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin 4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel							

4.3. Các hàm cơ bản trong Excel	3			1.5	4.5	9	
4.3.1.Cách sao chép công thức							
4.3.2. Cú pháp chung của hàm							
4.3.3. Cách sử dụng các hàm							
4.3.4. Các hàm thông dụng							
4.4. Cơ sở dữ liệu	1			0.5	1.5	3	
4.4.1.Khái niệm							
4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu							
4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu							
4.5. Biểu đồ trong Excel	0.5			0.5	1	2	
4.5.1. Các thành phần của biểu đồ							
4.5.2. Các bước dựng biểu đồ							
4.5.3. Điều chỉnh và định dạng biểu đồ							
4.6. In ấn	0.5				0.5	1	
4.6.1. Định dạng trang in							
4.6.2. Xem văn bản trước khi in							
4.6.3. In tài liệu							
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4	8	- Đọc TLC [4] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn	0.5				0.5	1	
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint							

5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0.5			0.5	1	2	
5.4. Cập nhật và định dạng <i>5.4.1. Cửa sổ trong các Slide</i>	1.5			0.5	2	4	
<i>5.4.2. Thao tác trên Slide</i> <i>5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình</i>							
<i>5.5. Thực hiện một buổi trình diễn</i>	0.5				0.5	1	
Cộng	19		2	9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Phương pháp thuyết trình**
 - * Tiếng Anh: **Presentation Method**
- Mã học phần: NNTA2201
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☑	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 6 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm, thực hành và kiểm tra: 24tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Tự học, tự nghiên cứu: Sinh viên được hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu với sự kiểm tra của giảng viên theo định kì. Thời gian tự học tối thiểu là 60 giờ.
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Nhận biết được cấu trúc của một bài thuyết trình.
 - + Sử dụng hiệu quả vốn từ vựng và kiến thức về cấu trúc câu sử dụng cho bài thuyết trình.
 - + Giải thích được mô hình giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.
 - + Xác định được các yếu tố tạo nên một bài thuyết trình hiệu quả
- Về kỹ năng:

- + Trình bày mạch lạc một vấn đề trước đám đông.
- + Tham gia thảo luận và làm việc nhóm
- + Phản biện và giải quyết tình huống
- + Nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ : nghe, nói, đọc, viết
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Có năng lực thuyết trình trong công việc cũng như trong các cuộc hội thảo và trên các diễn đàn.
- + Có tự học, tự nghiên cứu, làm việc theo nhóm, bài tập lớn ngoài giờ học trên lớp.
- + Có thái độ tự tin và linh hoạt trong xử lý các tình huống phát sinh khi trình bày hoặc thuyết trình một vấn đề trước đám đông.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và giao tiếp của sinh viên trong chuyên môn và trong công tác mà mình đảm nhận. Môn học gồm 6 chương học (units) giúp sinh viên phát triển và rèn luyện kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, cụ thể:

- Các bước tiến hành một bài thuyết trình;
- Các kỹ thuật (techniques) trong thuyết trình;
- Ngôn ngữ sử dụng trong thuyết trình;
- Sử dụng ngôn ngữ hình thể (body language) khi thuyết trình;
- Cách đặt và trả lời các câu hỏi thảo luận.
- **Phương pháp học**
- + Trong mỗi buổi học, sinh viên được thực hành theo cặp, nhóm về kỹ năng thuyết trình cũng như vốn kiến thức Anh ngữ cần thiết cho từng phần của bài thuyết trình. Việc thực hành trong mỗi buổi học giúp cho sinh viên tự tin hơn cho bài thuyết trình cuối khóa.
- + Từng sinh viên phải chuẩn bị bài thuyết trình riêng của mình theo các chủ đề của bài học.
- + Sau mỗi bài thuyết trình của sinh viên, sinh viên sẽ nhận được những lời góp ý của các bạn sinh viên trong lớp và của giảng viên để các em biết phát huy điểm mạnh và khắc phục những điểm hạn chế của mình.
- + Sinh viên tham gia nhận xét và đặt câu hỏi về nội dung bài thuyết trình giúp cho sinh viên luyện nghe hiểu về các chủ đề khác nhau và dần có khả năng đánh giá thể nào là một bài thuyết trình hiệu quả.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Grussendorf, M. (2007). *English for presentations*. Oxford: OUP.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Comfort, J. (2001). *Effective Presentations*. Oxford: Oxford University Press.

2. Powell, M. (2011). *Presenting in English – How to Give Successful Presentations*. Stamford: Heinle ELT.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm, tập thuyết trình
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1: Let’s get started: Introduction	1		3	4	8	-Thảo luận theo nhóm, tập thuyết trình ngắn để xác định những sai sót và vấn đề chung mà các em đang gặp phải khi thuyết trình. -Gv giao bài tập và gợi ý topics cho các em về chuẩn bị
Unit 2:Today’s topic is Body language tips	1		3	4	8	-Thuyết trình ngắn(10 minutes) để xác định những sai sót và vấn đề chung mà các em đang gặp phải khi thuyết trình. -Gv giao bài tập và gợi ý topics cho các em về chuẩn bị
Unit 3: My next slide shows Presentation the rule of six	1		3	4	8	-Thuyết trình ngắn(10 minutes) để xác định những sai sót và vấn đề chung mà các em đang gặp phải khi thuyết trình. -Gv giao bài tập và gợi ý topics cho các em về chuẩn bị
Unit 4: As you can see from this graph.....	1		3	4	8	-Thuyết trình ngắn(10 minutes) để xác định những sai sót và vấn đề

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Describing graphs and charts						chung mà các em đang gặp phải khi thuyết trình. -Gv giao bài tập và gợi ý topics cho các em về chuẩn bị
Unit 5: To sum up..... Strategies for a good conclusion.....	1		3	4	8	-Thuyết trình ngắn(10 minutes) để xác định những sai sót và vấn đề chung mà các em đang gặp phải khi thuyết trình. -Gv giao bài tập và gợi ý topics cho các em về chuẩn bị
Unit 6: Handling the question and answering session Dealing with questions	1		3	4	8	Thuyết trình ngắn(10 minutes) để xác định những sai sót và vấn đề chung mà các em đang gặp phải khi thuyết trình. Ôn tập theo nhóm và thảo luận về những đặc điểm cần lưu ý khi thuyết trình. -Gv giao bài tập và gợi ý topics cho các em về chuẩn bị
Students give their own presentation			2	2	4	- Sinh viên chuẩn bị tốt phần thuyết trình. Các sinh viên trong

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						lớp đặt các câu hỏi và đưa ra nhận xét và đánh giá.
Kiểm tra			4	4	8	
Cộng	6		24	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh**
 - * Tiếng Anh: **English for Job Interview**
- Mã học phần: NNTA2202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 10 tiết
 - * Bài tập: 19 tiết
 - * Kiểm tra: 1 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Ghi nhớ được quá trình phỏng vấn, những điều lưu ý để buổi phỏng vấn mang lại kết quả tốt, những thủ thuật trả lời phỏng vấn. Được trang bị và củng cố những cấu trúc, từ vựng tiếng Anh sử dụng trong quá trình phỏng vấn.
- *Về kỹ năng*: Phát triển kỹ năng nghe hiểu và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh. Vận dụng thực hành ngôn ngữ một cách tự nhiên, chuẩn xác trong các cuộc phỏng vấn.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:
- + Có được tính kiên trì, ham hiểu biết.

- + Có khả năng bình tĩnh, tự tin, thể hiện năng lực thuyết phục người nghe.
- + Nghiêm túc, chịu trách nhiệm cho các phát ngôn của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học Kỹ năng trả lời phỏng vấn cung cấp cho người học những kiến thức, thủ thuật và kỹ năng giao tiếp. Các nội dung chính trong môn học bao gồm:

- How to get the first impression
- How to deal with difficult questions
- Some pointers on body language and interview techniques
- Fillers and unprepared questions
- Making role plays

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

TJ TayLor, *English for Job interviews*, <http://blog.tjtaylor.net/content/uploads..>

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Dương Cao, *500 câu hỏi và trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh*,
<http://tailieu.vn/doc/ebook-500-cau-hoi-va-tra-loi-phong-van-xin-viec-bang-tieng>
2. Victoria Sportelli, *Preparing for a Job interview*,
<http://www.geo.uniba.it/attachment/article/284..>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, K T	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1: First impression and common questions: 1. Before the day of the interview 2. How to dress for the Interview 3. Commonly asked questions	2	4		6	12	Nghiên cứu tài liệu học và tham khảo
Unit 2: Difficult questions 1. How to stand out 2. Questions to ask and questions to avoid 3. Some pointers on body language and interview techniques 4. Turning our bad points into good points	3	4		7	14	Nghiên cứu tài liệu tham khảo để chuẩn bị kiến thức cho bài học và thực hành
Unit 3: Fillers and unprepared questions 1. Time fillers 2. Unprepared questions	3	4		7	14	Nghiên cứu tài liệu tham khảo để chuẩn bị kiến

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 4: Role plays Observation sheets	2	5		7	14	thức cho bài học và thực hành
Revision		2				
Test			1			
Cộng	10	19	1	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Tiếng Việt thực hành**
 - * Tiếng Anh: **Applied Vietnamese**
- Mã học phần: NNTA2301
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
 - * Bài tập: 23 tiết
 - * Ôn tập: 2 tiết
 - * Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

- *Kiến thức*: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, sử dụng từ ngữ, đặt câu, tạo lập và tiếp thu văn bản; những lỗi sử dụng tiếng Việt thường mắc, thường gặp, và cách khắc phục những lỗi đó.
- *Kỹ năng*: Rèn luyện và phát triển các kỹ năng: dùng từ, đặt câu; tạo lập và tiếp nhận văn bản, thuyết trình; khả năng phát hiện và sửa chữa các lỗi sử dụng tiếng Việt; làm việc theo nhóm, tự học và tự nghiên cứu.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

- + Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc theo nhóm, bài tập lớn ngoài giờ học trên lớp.
- + Có tư duy sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.
- + Xác định trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học này có những nội dung chính sau:

- Những hiểu biết cần thiết về lịch sử tiếng Việt, đặc điểm tiếng Việt;
- Kiến thức và kỹ năng về sử dụng chính âm, chính tả;
- Kiến thức và kỹ năng về dùng từ, đặt câu;
- Kiến thức và kỹ năng về việc tạo lập và tiếp nhận văn bản;
- Kiến thức và kỹ năng về viết tiểu luận, luận văn khoa học;
- Kiến thức và kỹ năng về thuyết trình

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bùi Minh Toán (2012). *Tiếng Việt thực hành*. Nxb Giáo dục Việt Nam
2. Hoàng Thị Lan (chủ biên) Lê Kim Cúc, Nguyễn Thị Bạch Dương (2017). *Rèn luyện kỹ năng thực hành Tiếng Việt*. NXBGD Việt Nam

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng điện tử học phần Tiếng Việt thực hành, Bộ môn Ngoại ngữ - trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Diệp Quang Ban (2009). *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo văn bản*. Nxb Giáo dục Việt Nam
3. Hữu Đạt (2001). *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội
4. Cù Đình Tú (2008). *Phong cách học và đặc điểm tu từ Tiếng Việt*. Nxb Giáo dục
5. Nguyễn Khắc Phi (2005). *Từ điển chính tả Tiếng Việt*. Nxb Văn học
6. Lã Thị Bắc Lý, Phan Thị Hồng Xuân, Nguyễn Thị Thu Nga (2011). *Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội
7. Hoàng Phê (chủ biên) (2002). *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị các điều kiện học từ xa (máy tính, camera, micro có kết nối Internet)
- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Tổ chức kiểm tra đánh giá theo hình thức trực tiếp tại trường hoặc tại các cơ sở khác
- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ VĂN BẢN 1. Khái niệm và đặc trưng của văn bản 1.1. Khái niệm văn bản 1.2. Đặc trưng của văn bản.	2	1	2	5	10	- chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu 1 và 2 - làm bài tập tài

2. Giảm yếu về một số loại văn bản. 2.1. Văn bản khoa học 2.2. Văn bản nghị luận 2.3. Văn bản hành chính 2.4 Văn bản nghệ thuật						liệu 1 và 2 - chuẩn bị báo cáo nội dung thảo luận
Chương 2: RÈN KĨ NĂNG TIẾP NHẬN VĂN BẢN 1. Tìm hiểu khái quát nội dung văn bản (đề tài, chủ đề) 2. Thực hành phân tích đoạn văn. 2.1. Tìm ý chính của đoạn văn 2.2. Tìm hiểu cách lập luận trong đoạn văn 2.3. Phân tích sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn	3	1	2	6	12	- chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu 1 và 2 - làm bài tập tài liệu 1 và 2 - chuẩn bị báo cáo nội dung thảo luận
Chương 2: (tiếp) 3. Phân tích bố cục và lập luận toàn văn bản 3.1. Bố cục của văn bản 3.2. Tái tạo đề cương văn bản 4. Thuật lại nội dung tài liệu khoa học 4.1. Tóm tắt văn bản. 4.2. Tổng thuật tài liệu khoa học	2	1	2	5	10	- chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu 1 và 2 - làm bài tập tài liệu 1 và 2 - chuẩn bị báo cáo nội dung thảo luận
Chương 3: RÈN KĨ NĂNG TẠO LẬP VĂN BẢN 1. Xác định các nhân tố giao tiếp trong văn bản 2. Lập đề cương cho văn bản 2.1. Mục đích và yêu cầu của việc lập đề cương 2.2. Một số loại đề cương thường dùng 2.3. Các thao tác lập đề cương	3	1	2	6	12	- chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu 1 và 2 - làm bài tập tài liệu 1 và 2 - chuẩn bị báo cáo nội dung thảo luận

2.4. Một số lỗi thường mắc khi lập đề cương 3. Kỹ năng viết đoạn văn 3.1. Yêu cầu về đoạn văn trong văn bản 3.2. Các thao tác viết đoạn văn						
Chương 3: (tiếp) 4. Kỹ năng viết văn bản 4.1. Viết phần mở đầu 4.2. Viết phần triển khai 4.3. Viết phần kết thúc 5. Sửa chữa và hoàn thiện văn bản 5.1. Các lỗi trong đoạn 5.2. Các lỗi về cấu tạo văn bản 6. Thực hành tạo lập văn bản 6.1. Viết đoạn văn theo chủ đề 6.2. Viết văn bản hoàn chỉnh	2	1	2	5	10	- chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu 1 và 2 - làm bài tập tài liệu 1 và 2 - chuẩn bị báo cáo nội dung thảo luận
kiểm tra bài 1			1		2	
Chương 4: RÈN KỸ NĂNG ĐẶT CÂU, DÙNG TỪ TRONG VĂN BẢN 1. Rèn kỹ năng đặt câu 1.1. Khái quát về câu tiếng Việt. 1.2. Những yêu cầu chung của việc dùng câu trong văn bản. 1.3. Chữa lỗi dùng câu.	2	1	2	5	10	- chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu 1 và 2 - làm bài tập tài liệu 1 và 2 - chuẩn bị báo cáo nội dung thảo luận
Chương 4: (tiếp) 2. Rèn kỹ năng dùng từ 2.1. Khái quát chung về từ tiếng Việt. 2.2 Những yêu cầu chung của việc dùng từ trong văn bản tiếng Việt và trong các hoạt động giao tiếp.	2	1	2	5	10	- chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu 1 và 2 - làm bài tập tài liệu 1 và 2 - chuẩn bị báo cáo nội dung thảo luận

2.3. Chữa lỗi dùng từ trong văn bản.						
Chương 5: RÈN NGŨ ÂM VÀ CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT 1. Âm tiết tiếng Việt. 1.1. Khái niệm, đặc điểm âm tiết tiếng Việt. 1.2. Cấu tạo âm tiết tiếng Việt 2. Chính tả tiếng Việt 2.1. Đặc điểm và nguyên tắc kết hợp chính tả tiếng Việt 2.2. Quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt 2.3. Một số lỗi chính tả thường gặp 2.4. Cách khắc phục lỗi chính tả	2	1	2	5	10	- chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu 1 và 2 - làm bài tập tài liệu 1 và 2 - ôn tập chương 1 đến chương 5
Ôn tập tổng hợp			1		2	
Kiểm tra			1		2	
Cộng	18	8	19	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Dẫn luận ngôn ngữ**
 - * Tiếng Anh: General Linguistics
- Mã học phần: NNTA2302
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - * Bài tập : 08 tiết
 - * Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Miêu tả được từng âm vị trong tiếng Anh, một số các biến thể âm vị của các âm vị chính được giới thiệu; xác định được cấu trúc của âm tiết; miêu tả được bản chất của trọng âm trong tiếng Anh;
 - + Hiểu được các cách cấu tạo từ dựa vào cấu trúc hình thái học;
 - + Hiểu được các cấu trúc câu trong tiếng Anh;
 - + Phân biệt được các loại nghĩa của từ vựng, mối liên hệ nghĩa của các đơn vị từ vựng

- *Về kỹ năng:*
 - + Có thể viết được phiên âm rộng, hẹp của các từ, các phát ngôn ngắn, xác định trọng âm trong phần lớn các từ đa âm tiết, dựa trên các qui luật chính được giới thiệu;
 - + Có thể áp dụng được kiến thức về hình thái học để cấu tạo từ trong khi sử dụng tiếng Anh;
 - + Có thể phân tích được cấu trúc câu trong tiếng Anh, áp dụng trong viết và nói tiếng Anh đúng ngữ pháp;
 - + Có thể sử dụng được các mối liên hệ ngữ nghĩa để giải thích các từ cơ bản trong tiếng Anh;
 - + Có thể làm việc được theo nhóm trong các thảo luận, trình bày trên lớp và ngoài lớp học.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc theo nhóm, bài tập lớn ngoài giờ học trên lớp.
 - + Có tư duy sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.
 - + Xác định trách nhiệm, tác phong học tập, rèn luyện nghiêm túc, khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Dẫn luận ngôn ngữ là môn học được giới thiệu vào học kỳ 5 hoặc 6, khi sinh viên đã có năng lực tiếng Anh cơ bản. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm học, hình thái học, ngữ pháp học, và ngữ nghĩa học (từ vựng) một cách sơ bộ và hệ thống. Những kiến thức này giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh được chính xác về mặt ngôn ngữ, từ phát âm đến sử dụng từ và cấu trúc câu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính thức

Fromkin, V., Rodman, R., & Hyams, N. (2011). *An introduction to language* (9th ed.). Wadsworth, OH: Cengage Learning.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Trước các buổi học, giờ học: Nghiên cứu giáo trình, tài liệu (cá nhân, nhóm), thực hành (cá nhân, nhóm), nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu; chuẩn bị kiến thức, các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần theo sự hướng dẫn của giảng viên;

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi thảo luận, thực hành dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy định.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Mục tiêu cụ thể (SV cần đạt)
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1 -Introduction to the course, assessment, materials, learning activities; - Phonology (1): English consonants (Places of articulation and manner of articulation)	3			3	6	- N2: Sts can summarise what they are expected to learn, how they are going to learn and how they are going to be assessed. - N1: Sts can categorize English consonants according to their places and manners of articulation
Unit 2: Phonology (2): English consonants (voicing and state of vocal cords)	2	1		3	6	Sts can describe the distinctive features of a given consonant

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Mục tiêu cụ thể (SV cần đạt)
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 3: English vowels: Height, position of the highest point of the tongue, vowel length and degrees of lip-rounding - BrE and AmE vowels	3			3	6	Sts can describe English vowels based on the the 4 main features of vowels - Sts can identify the difference comparing the vowel charts
Unit 4: - Rules for English allophones	2	1		3	6	Students can transcribe words and phrases using symbols for allophones applying rules introduced
Unit 5: Suprasegmental features - Stress: the nature of stress - Rhythm	2	1		3	8	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Work in pair - Speak - Do exercises
Unit 6: - Morpheme types - Rules for word formation	2	1		3	6	Sts can categorize morphemes into groups Sts can form a new word applying the introduced rules
Unit 7: Theories of word meanings	3			3	6	Sts can distinguish between sense and reference
Unit 8 Lexical relations	2	1		3	6	Sts can explain the meaning of basic vocabulary items based on the relations with other items
Unit 9 : Phrase structure trees:	2	1		3	6	-Students can draw a tree for a simple sentence with simple phrases

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Mục tiêu cụ thể (SV cần đạt)
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. simple sentence and phrases 2. compound sentence complex sentence and phrases						- Sts can draw a tree for a compound sentence - Sts can draw a tree for a complex sentence
Unit 10 - Lexical and syntactic categories - In-class test	1		2	3	6	Sts can name the lexical and syntactic categories of English and illustrate these categories with examples
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Ngôn ngữ học đối chiếu**
 - * Tiếng Anh: **Contrastive Linguistics**
- Mã học phần: NNTA2303
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
 - * Bài tập/ Thảo luận: 25 tiết
 - * Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Hiểu được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp, ý nghĩa của việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ; các bình diện, các khuynh hướng nghiên cứu.
 - + Hiểu được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ học đối chiếu (Phân biệt với nghiên cứu miêu tả, ngôn ngữ học so sánh – lịch sử, ngữ vực học, loại hình học). Xác định được khách thể, đối tượng, mục đích nghiên cứu.

- + Hiểu được tính kế thừa (Ngôn ngữ học cấu trúc), tính bổ sung lý luận (cho ngôn ngữ học lý thuyết, cho loại hình học, phổ quát ngôn ngữ), tính phục vụ thực tiễn (dạy học ngoại ngữ, phiên dịch, soạn sách dạy tiếng, từ điển song ngữ...). Bổ sung cho các môn học lân cận: Ngôn ngữ học tâm lý, giao tiếp giao văn hóa, đất nước học...
- + Ý nghĩa tiếp cận đối chiếu đồng đại với ngôn ngữ cùng và khác loại hình. Vai trò của nó đối với học các ngoại ngữ, các ngôn ngữ dân tộc cũng như dạy tiếng Việt, ngôn ngữ các dân tộc cho người học. Gián tiếp giúp tránh sốc văn hóa trong giao tiếp với người nước ngoài.
- *Về kỹ năng:*
 - + Biết cách huy động khái niệm, phạm trù đặc điểm loại hình, cấu trúc các ngôn ngữ đưa vào đối chiếu.
 - + Biết phân biệt phạm vi đối tượng cho các loại nghiên cứu với mục đích lý luận và thực tiễn cụ thể.
 - + Biết cách huy động kiến thức thuộc phạm vi nghiên cứu thuộc hai nền ngôn ngữ học liên quan, tính đồng nhất cách tiếp cận, kết quả tương ứng khi đưa vào đối chiếu.
 - + Biết thực hành thao tác đối chiếu định hướng xác định để thu kết quả mong muốn, thiết thực.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về ngôn ngữ học đối chiếu.
 - + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
 - + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
 - + Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngôn ngữ học đối chiếu có phạm vi bao quát một lúc nhiều ngôn ngữ, thông thường là từng cặp ngôn ngữ của hai dân tộc tương ứng. Nhiệm vụ khám phá của nó là tìm ra sự giống nhau và khác nhau của hai phạm vi thuộc hai ngôn ngữ được đưa vào nghiên cứu. Những nghiên cứu theo loại này mang tính chất xuyên ngữ và liên/xuyên văn hóa, nghĩa là việc nghiên cứu bao giờ cũng liên đới với hai ngôn ngữ, đồng thời hai nền văn hóa. Việc tiếp cận các sự kiện ngôn ngữ bao giờ cũng liên đới với các sự kiện văn hóa của ngôn ngữ tương ứng, liên đới chứ không đồng nhất, không lẫn lộn, ngay cả trường hợp ngôn ngữ được xem như một sự kiện văn hóa.

Vốn bản thân sự tồn tại của ngôn ngữ ở dạng tĩnh (hệ thống cấu trúc) hay dạng động (hành vi ngôn ngữ trong hành chức, trong hoạt động) bao giờ cũng bị chế định bởi thuộc tính ngôn ngữ và văn hóa. Vì vậy, việc nghiên cứu phát hiện cái giống và cái khác phải từ các sự

kiện ngôn ngữ mà xét rồi mới nói đến văn hóa như là hệ quả, nguyên nhân. Không nên sa đà vào hiện tượng không xác định để bình tán mà phải bám vào đặc điểm ngôn ngữ thuộc ngữ hệ, loại hình xác định để thấy rõ cấu tạo cũng như hoạt động của chúng.

Việc nghiên cứu có tính xuyên ngữ, xuyên cấp độ nhưng bao giờ cũng phải bắt đầu từ cấp độ, phạm trù, bình diện, hành vi ngôn ngữ xác định để đối chiếu thì kết quả mới xác đáng và có giá trị lý luận, ứng dụng thiết thực.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Quang Thiêm. (1989, 2004). *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, NXB ĐHTH, ĐHQG, Hà Nội.
2. Lôbe Radô. (2004). *Ngôn ngữ học qua các nền văn hóa*, Hoàng Văn Vân dịch, NXB ĐHQG, Hà Nội.
3. Bùi Mạnh Hùng. (2008). *Ngôn ngữ học đối chiếu*, NXB Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Chiến. (1992). *Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu tiếng Việt với các ngôn ngữ Đông Nam Á*, Đại học Sư phạm ngoại ngữ, Hà Nội.
2. James, C. (1980). *Contrastive Analysis*, New York: Longman.
3. Seliger, H. W., Seliger, H., Shohamy, E. G., & Shohamy, E. (1989). *Second language research methods*. Oxford University Press.
4. Vương Toàn. (2006). *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb KHXH.
5. Phan Văn Quốc & Đàm Huệ Mẫn. (2006). *Contrastive Linguistics: Historical and Philosophical Survey*, Shanghai Educational Publishing House.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Nêu vấn đề	☒
Tổng hợp tài liệu	☒	Trình bày báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1: Tổng quan về Ngôn ngữ học đối chiếu	3			3	6	Nghiên cứu tài liệu học và tham khảo
1. Ngôn ngữ học đối chiếu là gì 2. Lịch sử hình thành của ngôn ngữ học đối chiếu						
Chương 2: Những ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu trên lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ	4	3	2	9	18	
2.1. Ngôn ngữ học đối chiếu và hiệu quả của quá trình dạy và học ngoại ngữ						Nghiên cứu tài liệu tham khảo để chuẩn bị kiến thức cho bài học và thực hành
2.2. Ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ đối với quá trình học ngoại ngữ						
2.3. Mối quan hệ giữa sự giống nhau và khác nhau giữa tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ với những thuận lợi và khó khăn đối với việc học ngoại ngữ						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4. Khả năng và hình thức ứng dụng vào quá trình dạy và học tiếng						
Ôn tập + Kiểm tra 1		2	1	3	6	
Chương 3: Cơ sở, nguyên tắc và phương pháp của việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	4	2	3	9	18	Nghiên cứu tài liệu tham khảo để chuẩn bị kiến thức cho bài học và thực hành
3.1. Khái niệm so sánh và các loại so sánh						
3.2. Khái niệm Tertium comparationis (TC) và các kiểu TC trong đối chiếu ngôn ngữ						
3.3. Các nguyên tắc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ						
3.4. Các phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ						
Chương 4: Các bình diện nghiên cứu đối chiếu	7	8	3	18	36	Nghiên cứu tài liệu tham khảo để chuẩn bị kiến thức cho bài học và thực hành
4.1. Nghiên cứu đối chiếu ngữ âm						
4.2.Nghiên cứu đối chiếu từ vựng						
4.3. Nghiên cứu đối chiếu ngữ pháp						
4.4. Nghiên cứu đối chiếu ngữ dụng						
Ôn tập + Kiểm tra 2		2	1	3	6	
Cộng	18	17	10	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - *Tiếng Việt: **Cơ sở văn hóa Việt Nam**
 - *Tiếng Anh: **Introduction to Vietnamese Culture**
- Mã học phần: LCML2208
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - * Bài tập : 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản cần thiết cho việc hiểu một nền văn hóa, giúp sinh viên nắm được các đặc trưng cơ bản cùng các quy luật hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam
- *Về kỹ năng:* Trang bị cho sinh viên khả năng tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu văn hóa Việt Nam; khả năng nhận thức và ứng xử văn hóa trong cuộc sống, lao động và học tập;
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về ngôn ngữ học đối chiếu.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.
- + Có Tinh thần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- + Từng bước hình thành và phát triển lối sống văn hóa

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội
2. Huỳnh Công Bá (2008), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Chu Xuân Diên (1999), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Đại học Quốc Gia Tp.HCM, Trường Đại học KHXHNV.
2. Trần Ngọc Thêm, 2001, *Tìm về bản sắc Văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tp. HCM.
3. Trần Quốc Vượng (1998), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1: VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM	3		1	4	8	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Khái niệm văn hóa	1			1		
1.2. Định vị văn hóa Việt Nam						
1.3.Tiến trình văn hóa Việt Nam	2		1	3		
1.3.1. Lóp văn hóa bản địa						
1.3.2. Lóp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và khu vực						
1.3.3. Lóp văn hóa giao lưu với văn hóa phương Tây						
Chương 2. VĂN HÓA NHẬN THỨC	4		2	6	12	Đọc TLC 1 từ trang 50 –87
2.1. Tư tưởng xuất phát về bản chất của vũ trụ: triết lý âm dương	1		1	2	4	Đọc TLC 2 từ trang 295 – 319
2.2. Cấu trúc không gian của vũ trụ: mô hình tam tài - ngũ hành	2			1	6	Chuẩn bị bài, tự học và

2.3. Triết lý về cấu trúc thời gian của vũ trụ: lịch âm dương và hệ can chi	1			1	2	thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.4. Nhận thức về con người	1		1	2	4	
Chương 3. VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG TẬP THỂ	3		2	5	10	Đọc TLC 1 từ trang 88 – 125
3.1. Tổ chức nông thôn	1		1	2		Đọc TLC 2 từ trang 374 – 398 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận
3.2. Tổ chức quốc gia	2			2		
3.3 Tổ chức đô thị	1		1	2		
Chương 4. VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG CÁ NHÂN	4		2	6	12	Đọc TLC1 từ trang 126 – 185
4.1. Tín ngưỡng	1		1	2		Đọc TLC 2 từ trang 398 – 438, 471 - 573
4.2. Phong tục	1		1	2		
4.3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật	1			1		
4.4. Nghệ thuật thanh sắc và hình khối	1			1		
Chương 5. VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN	3		1	4	8	Đọc TLC 1 từ trang 186 –225
5.1. Tận dụng môi trường tự nhiên: ăn	1		0.5	1.5	3	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Ứng phó với môi trường tự nhiên: Mặc	1		0.5	1.5	3	
5.3. Ứng phó với môi trường tự nhiên: ở và đi lại	1			1	2	
Chương 6. VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI	3		1	4	8	Đọc TLC1 từ trang 226 – 313
6.1. Giao lưu với Ấn Độ: văn hóa Chăm	0.5			0.5	1	Đọc TLC 3 từ trang 438 –471 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.2. Phật giáo và văn hóa Việt Nam	0.5		0.5	1	2	
6.3. Nho giáo và văn hóa Việt Nam	0.5		0.5	1	2	
6.4. Đạo giáo và văn hóa Việt Nam	0.5			0.5	1	
6.5. Phương tây với văn hóa Việt Nam	0.5			0.5	1	

6.6. Văn hóa ứng phó với môi trường xã hội: tính dung hợp	0.5			0.5	1	
Kiểm tra			01	01	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Văn hóa các nước Asean**
 - * Tiếng Anh: **Asean Culture**
- Mã học phần: NNTA2401
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 9 tiết
 - * Bài tập : 18 tiết
 - * Kiểm tra : 3 tiết
- Thời gian tự học : 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được kiến thức cơ bản về Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), quá trình thành lập Hiệp hội, những tôn chỉ của hiệp hội, lịch sử phát triển, các chính sách, những thành tựu và thách thức của tổ chức ASEAN.
 - + Hiểu biết về từng thành viên trong Hiệp hội ASEAN như các thông tin tổng quan về đất nước con người, về văn hóa và tôn giáo, về những địa điểm du lịch của đất nước.
- Về kỹ năng:

- + Giới thiệu được bằng tiếng Anh (nói và viết) về Hiệp hội các nước Đông Nam Á, về những đặc điểm, những giá trị văn hóa của các thành viên trong hiệp hội thuộc các lĩnh vực như đất nước và con người, các nét văn hóa và tôn giáo truyền thống cũng như hiện đại, các điểm điểm có giá trị phát triển du lịch của các nước thành viên ASEAN.
- + Vận dụng được các kiến thức đã có về các nước ASEAN và năng lực tiếng Anh vào các công việc liên quan đến du lịch, văn hóa, cũng như nghề nghiệp sau này.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về văn hóa các nước Asean.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình được xây dựng cho sinh viên ngành Ngoại ngữ, chuyên ngành tiếng Anh du lịch, sư phạm tiếng Anh. Được bố trí học vào học kỳ I (Sư phạm tiếng Anh) và học kỳ VI (tiếng Anh Du lịch) sau khi sinh viên đã hoàn thành các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và ngành khi sinh viên đã đạt trình độ ngoại ngữ B1 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ chuẩn chung Châu Âu. Chương trình được dạy bằng tiếng Anh để vừa củng cố, phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh của học sinh vừa bổ sung những kiến thức cơ sở về môn học cho học sinh.

Chương trình được biên soạn theo chủ điểm nhằm giới thiệu khái quát những nét chính về đất nước, con người và văn hóa của các nước ASEAN. Sinh viên sẽ làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm theo phương thức các bài tập tự xây dựng (project-based approach). Mỗi nhóm làm một dự án, tự nghiên cứu, từng bước phát triển kiến thức, tạo kỹ năng và thái độ hợp tác trong nhiều thể loại như thảo luận, báo cáo, thuyết trình, nhận xét... Sinh viên sẽ được đánh giá kết quả môn học dựa trên kết quả nghiên cứu và khả năng thể hiện kiến thức qua hình thức thuyết trình hoặc viết báo cáo.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thành Long. (2017). Tài liệu giảng dạy học phần Văn hóa các nước ASEAN dành cho sinh viên chuyên Anh. Đại học Hạ Long.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Cotterell, A. (2014). *A History of South East Asia*. Marshall Cavendish International Asia Pte Ltd.

2. Tô Văn Hòa. (2012). *Nghiên cứu so sánh hiến pháp các quốc gia ASEAN*. Học viện chính trị quốc gia.
3. Phạm Đức Dương và Diệp Đình Hoa. (2013). *Lịch sử văn hóa Đông Nam Á*, NXB văn hóa thông tin.
4. Fau, N., Khonthapane, S., & Taillard, C. (Eds.). (2014). *Transnational dynamics in Southeast Asia: The greater Mekong subregion and Malacca straits economic corridors*. Institute of Southeast Asian Studies.
5. Hofstede, G. (2001). *Culture's consequences: Comparing values, behaviors, institutions and organizations across nations*. Sage publications.
6. Các trang mạng Internet:
<https://en.wikipedia.org/wiki/Culture>
<https://asianinspirations.com.au/asian-culture/5-important-festivals-and-celebrations-in>
<https://asean.org/asean-socio-cultural/>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Nêu vấn đề	☒
Tổng hợp tài liệu	☒	Trình bày báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Trước các buổi học, giờ học giảng viên giao nhiệm vụ, sinh viên nghiên cứu giáo trình, tài liệu (cá nhân, nhóm), thực hành (cá nhân, nhóm), chuẩn bị các nội dung học tập, thực hành; sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và báo cáo các kết quả của nhiệm vụ được giao dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy định.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. *Điểm đánh giá quá trình*: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒Trắc nghiệm ☐Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
		LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1	- Introduction to the course, assessment, materials - Fixed study plan according to the course - Other personal study plans ASEAN in general	1	2		3	6	-Ss to read and prepare questions and information at home -Ss work in the class in pairs or groups -Do tasks for homework and next lesson
Unit 2	Thailand - Land and people - Culture and religion - Popular tourist destination	1	2		3	6	-Ss to read and prepare questions and information at home -Ss work in the class in pairs or groups -Do tasks for homework and next lesson
Unit 3	Singapore - Land and people - Culture and religion - Popular tourist destination	1	2		3	6	-Ss to read and prepare questions and information at home -Ss work in the class in pairs or groups

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)					
		LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
							-Do tasks for homework and next lesson
Unit 4	Malaysia - Land and people - Culture and religion - Popular tourist destination	1	2		3	6	-Ss to read and prepare questions and information at home -Ss work in the class in pairs or groups -Do tasks for homework and next lesson
Unit 5	Indonesia - Land and people - Culture and religion - Popular tourist destination	1	2		3	6	-Ss to read and prepare questions and information at home -Ss work in the class in pairs or groups -Do tasks for homework and next lesson
Unit 6	Philippines - Land and people - Culture and religion - Popular tourist destination	1	2		3	6	-Ss to read and prepare questions and information at home -Ss work in the class in pairs or groups

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)					
		LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
							-Do tasks for homework and next lesson
Unit 7	Vietnam - Land and people - Culture and religion - Popular tourist destination	1	2		3	6	-Ss to read and prepare questions and information at home-Ss work in the class in pairs or groups -Do tasks for homework and next lesson
Unit 8	Laos - Land and people - Culture and religion - Popular tourist destination	1	2		3	6	-Ss to read and prepare questions and information at home -Ss work in the class in pairs or groups -Do tasks for homework and next lesson
Unit 9	Myanmar - Land and people - Culture and religion - Popular tourist destination	1	2		3	6	-Ss to read and prepare questions and information at home -Ss work in the class in pairs or groups -Do tasks for homework and next lesson

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
		Lên lớp (Tiết)					
		LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 10	Presentation as test 1 Practice presenting skills and reproducing the knowledge			3		6	Group by group present T and other groups listen and give feedback
	Cộng	9	18	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kỹ năng Đọc - Viết 1**
 - * Tiếng Anh: **Reading - Writing skill 1**
- Mã học phần: NNTA2501
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Các học phần tiên quyết/ học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - o Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
 - o Làm bài tập trên lớp: 8 tiết
 - o Thảo luận, kiểm tra: 10 tiết
 - o Thực hành: 9 tiết
- Thời gian tự học : 90 tiết
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được được các ý chính của một đoạn văn, một thông báo hay một quảng cáo, thư mời, sách hướng dẫn.
 - + Sử dụng các cách liên kết các ý tưởng trong câu.
 - + Viết được một thông báo, thư mời, thư quảng cáo, CV...

- *Về kỹ năng:*
- + Kỹ năng đọc: trình bày được những văn bản ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc, cụ thể được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày; trình bày được các bài đọc ngắn, đơn giản sử dụng những từ vựng xuất hiện với tần suất cao; phát triển kỹ năng đọc sau: đọc tìm kiếm thông tin cụ thể và dễ nhận biết từ những tài liệu đơn giản hàng ngày như quảng cáo, thực đơn, lịch trình, danh sách; đọc hiểu những biển chỉ dẫn và thông báo hàng ngày ở nơi công cộng, như trên đường phố, nhà hàng, nhà ga, nơi làm việc, biển chỉ đường, thông báo, các biển báo nguy hiểm.
- + Kỹ năng viết: viết thư cá nhân, email đơn giản; viết các tin nhắn đơn giản; viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng những từ nối như “and”, “but” và “because”; viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn, công việc, chuyến đi, sự kiện hay học tập.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kỹ năng đọc-viết.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học bao gồm 12 module có nội dung chính như sau:

- **Đọc:** Tập trung xây dựng và phát triển cho người học các chiến thuật đọc hiểu như xem trước và đoán nội dung (previewing), tìm ý chính (finding the main idea), đọc lướt/đọc quét (scanning), xác định ví dụ minh họa (identifying examples), xác định định nghĩa (identifying definitions), xác định các từ chỉ thời gian và tiến trình (identifying time and sequence words), đọc hiểu bảng số liệu (reading numerical tables), phân biệt fact và opinion thông qua 10 đơn vị bài học. Mỗi nội dung bài dạy đọc gồm ba phần:
 - + Phần 1: đọc hiểu nội dung của bài học (Reading comprehension);
 - + Phần 2: xây dựng và phát triển các chiến thuật đọc hiểu (Reading strategies);
 - + Phần 3: phát triển vốn từ vựng liên quan đến chủ đề đọc hiểu ở cấp độ từ và cấp độ câu (Vocabulary activities)
- **Viết:** Gồm 6 nội dung lớn: cấu trúc câu, đoạn văn miêu tả, đoạn văn nêu ví dụ, đoạn văn miêu tả một quá trình hay một công đoạn, đoạn văn bày tỏ quan điểm và đoạn văn trần thuật. Mỗi nội dung bài dạy viết gồm năm phần:
 - + Phần 1: Người học được cung cấp từ vựng, cụm từ, các loại câu mẫu thường được dùng trong các loại bài viết và các bài viết mẫu.

- + Phần 2: Người học thảo luận theo nhóm, theo cặp, nhận xét về các bài viết mẫu.
- + Phần 3: Người học thực hành viết bài.
- + Phần 4: Người học chỉnh sửa bài viết.
- + Phần 5: Ôn tập, củng cố nội dung bài học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

4.1.1. Kỹ năng đọc:

Arline Burgmeier & Cheryl Boyd Zimmerman (2009), *Inside Reading – The Academic Wordlist in Context*, Oxford University Press

4.1.2. Kỹ năng viết:

Alice Savage & Masoud Shafiei (2008), *Effective Academic Writing 1: The Paragraph answer key*, Oxford University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLDT)

4.2.1. Kỹ năng đọc:

1. Elaine Kirn & Pamela Hartmann (2007), *Interaction 1*, Oxford University Press.
2. Neil J. Anderson (2013), *Active Skills for Reading 1*, National Geographic Learning.
3. Sam McCarter Norman & Whitby (2018), *Improve your IELTS Reading Skills*, Macmillan Education.
4. Rachael Roberts, Joanne Gakonga & Andrew Preshous (2008), *IELTS Foundation Study Skills*, Macmillan Education.

4.2.2. Kỹ năng viết:

1. Donald, R. B., Moore, J. D., Morrow, B. R., Wargetz, L. G. & Werner, K., (1987), *Writing Clear Paragraphs* (pp. 1-29). (3rd ed.) New Jersey: Prentice Hall Inc.
2. Smalley, R.L., Ruetten, M.K., & Kozyrev J. R., (2001), *Refining composition skills* (5th ed.), Boston: Heinle & Heinle Publishers.
3. Keith S. Folse & others, (1999), *Great Paragraphs - An Introduction to Writing Paragraphs*, Houghton Mifflin Company.
4. Langan, John, (1987), *Sentence Skills*, McGraw-Hill International Editions.
5. Oshima, Alice, (1998), *Writing Academic Writing*. Library of Congress Cataloging - in- Publication Data.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Nêu vấn đề	☒
Tổng hợp tài liệu	☒	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. *Điểm đánh giá quá trình*: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Khác ☐

8.2. *Điểm thi kết thúc học phần*: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Module 1 I. Reading: Unit 1 (Riding through history) 1. Part 1: Reading comprehension 2. Part 2: Reading strategy (Previewing) 3. Part 3: Vocabulary activities	1.5	0.5	0.5	0.5	3	6	- Yêu cầu SV đọc đoạn tóm tắt cho sẵn trong khung; quan sát tranh và tiêu đề của bài đọc để nắm được; nội dung chính của bài học (previewing)

II. Writing: The sentence and the paragraph 1. Stimulating ideas 2. Developing a paragraph 3. Unity and coherence							Ôn lại các cấu trúc câu căn bản; Viết hoa và dấu chấm câu chính xác; câu chứa 2 mệnh đề độc lập trở lên, nhưng lại không có dấu câu hoặc thành phần kết nối phù hợp để ngăn cách chúng (run-on sentences);
Module 2	1.5	0.5	0.5	0.5	3	6	
I. Reading: Unit 2 (Fighting disease) 1. Part 1: Reading comprehension 2. Part 2: Reading strategy (Finding main ideas) 3. Part 3: Vocabulary activities							- Yêu cầu SV đọc bài khóa về cuộc chiến chống sốt rét và hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu: đánh dấu câu đúng (T) hay sai (F) và giải thích cho lựa chọn của mình
II. Writing: The sentence and the paragraph (continued) 1. Editing your writing 2. Putting it all together 3. Writing practice							Nắm được cấu trúc đoạn; định dạng đoạn văn bản; Tính nhất quán và tính mạch lạc trong văn bản.
Module 3	1.5	0.5	0.5	0.5	3	6	
I. Reading: Unit 3 (They know what you want) 1. Part 1: Reading comprehension 2. Part 2: Reading strategy (Scanning) 3. Part 3: Vocabulary activities							Yêu cầu SV tóm tắt bài đọc (khoảng 60-80 từ) và kể lại nội dung chính của bài đọc ở buổi học sau; hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu (task G) phần từ vựng

II. Writing: Descriptive paragraph 1. Stimulating ideas 2. Brainstorming and outlining 3. Developing your ideas							Viết đoạn văn miêu tả một cách rõ ràng, chi tiết và theo trình tự thời gian; Sử dụng được động từ “be” trong miêu tả một cách phù hợp
Module 4	1.5	0.5	0.5	0.5	3	6	
I. Reading: Unit 4 (What your clothes say about you?) 1. Part 1: Reading comprehension 2. Part 2: Reading strategy (Identifying examples in a text) 3. Part 3: Vocabulary activities							- Yêu cầu SV tóm tắt bài đọc (khoảng 60-80 từ) và kể lại nội dung chính của bài đọc ở buổi học sau; hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu (task G) phần từ vựng
Writing: Descriptive paragraph (cont.) 1. Editing your writing 2. Putting it all together 3. Writing practice.							Yêu cầu sinh viên đọc lại các nội dung của bài trước, nắm được các bước viết đoạn
Module 5	1.5	0.5	0.5	0.5	3	6	
I. Reading: Unit 4 (What your clothes say about you?) - continue 1. Part 1: Reading comprehension 2. Part 2: Reading strategy (Identifying examples in a text)							- Yêu cầu SV tóm tắt bài đọc (khoảng 60-80 từ) và kể lại nội dung chính của bài đọc ở buổi học sau; hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu (task F, G, H) phần từ vựng.

3. Part 3: Vocabulary activities							
Writing: Example paragraphs 1. Stimulating ideas 2. Brainstorming and outlining 3. Developing your ideas							Nắm vững và thuần thục động từ ở thời hiện tại đơn; Sự phù hợp giữa chủ ngữ và động từ (Subject-verb agreement).
Module 6	1.5	0.5	0.5	0.5	3	6	
I. Reading: Unit 5 (Success story) 1. Part 1: Reading comprehension 2. Part 2: Reading strategy (Identifying definitions within a text) 3. Part 3: Vocabulary activities							- Trước khi đọc, yêu cầu SV trả lời những câu hỏi lead-in sau theo cặp hoặc nhóm - Yêu cầu SV tóm tắt bài đọc (khoảng 60-80 từ) và kể lại nội dung chính của bài đọc ở buổi học sau
II. Writing: Example paragraphs (cont) 1. Editing your writing 2. Putting it all together 3. Writing practice							
Consolidation Modules 1-6 I. Reading: Review of reading strategies and vocabulary activities Units 1-5. II. Writing: Review of writing task types; Practice test 1.		1		1	2	4	- Yêu cầu sinh viên tự ôn tập và hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.

Progress Test 1			2		2	4	- Sinh viên làm bài kiểm tra tiến độ theo quy định.
Module 7	1.5	0.5	0.5	0.5	3	6	
I. Reading: Unit 5 (Success story) – cont. 1. Part 1: Reading comprehension 2. Part 2: Reading strategy (Identifying definitions within a text) 3. Part 3: Vocabulary activities							- Yêu cầu SV đọc bài khóa về việc biết yêu quý bản thân và hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu: đánh dấu câu đúng (T) hay sai (F) và giải thích cho lựa chọn của mình; tự tra cứu từ mới nếu có.
II. Writing: Process paragraph 1. Stimulating ideas 2. Brainstorming and outlining 3. Developing your ideas							- Ôn lại các dạng mệnh lệnh, động từ khuyết thiếu chỉ lời khuyên...
Module 8	1.5	0.5	0.5	0.5	3	6	
I. Reading: Unit 6 (Solving crimes with science) 1. Part 1: Reading comprehension 2. Part 2: Reading strategy (Identifying time and sequence words) 3. Part 3: Vocabulary activities							- Yêu cầu SV đọc bài khóa về việc phá án và hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu: đánh dấu câu đúng (T) hay sai (F) và giải thích cho lựa chọn của mình; tự tra cứu nghĩa của những từ không biết nghĩa.
II. Writing: Process paragraphs (cont.) 1. Editing your writing							Nắm vững cấu trúc một đoạn văn miêu tả một quá trình hay một công đoạn;

2. Putting it all together 3. Writing practice							Sử dụng được các từ chỉ thời gian (time order words) trong đoạn văn miêu tả quá trình.
Module 9	1.5	0.5	0.5	0.5	3	6	
I. Reading: Unit 7 (The fast food revolution) 1. Part 1: Reading comprehension 2. Part 2: Reading strategy (Learning how to read numerical tables) 3. Part 3: Vocabulary activities							Yêu cầu sinh viên đọc bài khóa, hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu, làm bài tập và tóm tắt lại nội dung bài
II. Writing: Opinion paragraphs 1. Stimulating ideas 2. Brainstorming and outlining 3. Developing your ideas							Sử dụng được “There is, There are” để đưa ra một thực tế, một sự thực (fact); Sử dụng được “because of” và “because” để đưa ra lý do.
Module 10	1.5	0.5	0.5	0.5	3	6	
I. Reading: Unit 8 (The autism puzzle) 1. Part 1: Reading comprehension 2. Part 2: Reading strategy (Learning how to make inferences in your reading) 3. Part 3: Vocabulary activities							- Yêu cầu SV đọc bài khóa về cuộc cách mạng đồ ăn nhanh và hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu: đánh dấu câu đúng (T) hay sai (F) và giải thích cho lựa chọn của mình; tự tra cứu nghĩa của những từ không biết nghĩa

II. Writing: Opinion paragraphs (cont) 1. Editing your writing 2. Putting it all together 3. Writing practice							Đọc và chuẩn bị bài trước ở nhà
Module 11	1.5	0.5	0.5	0.5	3	6	
I. Reading: Unit 9 (Sea of life) 1. Part 1: Reading comprehension 2. Part 2: Reading strategy (Learning how to read and interpret statistical tables) 3. Part 3: Vocabulary activities							- Yêu cầu SV tóm tắt bài đọc (khoảng 60-80 từ) và kể lại nội dung chính của bài đọc ở buổi học sau; hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu E, F phần từ vựng
II. Writing: Narrative paragraphs 1. Stimulating ideas 2. Brainstorming and outlining 3. Developing your ideas							- Ôn bài, chuẩn bị các kiến thức, cấu trúc câu, vốn từ liên quan đến dạng viết
Module 12	1.5	0.5	0.5	0.5	3	6	
I. Reading: Unit 10 (Giving nature a hand) 1. Part 1: Reading comprehension 2. Part 2: Reading strategy (Learning to distinguish fact from opinion) 3. Part 3: Vocabulary activities							- Yêu cầu SV đọc bài khóa “Giving nature a hand” và hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu: đánh dấu câu đúng (T) hay sai (F) và giải thích cho lựa chọn của mình; tự tra cứu từ mới bằng từ điển đơn ngữ.

II. Writing: Narrative paragraphs (cont) [3] 1. Editing your writing 2. Putting it all together 3. Writing practice							Nắm vững cấu trúc một đoạn văn trần thuật (Narrative paragraph); Sử dụng được các từ vựng chỉ giác quan và cảm xúc.
Consolidation Modules 7-12 I. Reading: Review of reading strategies and vocabulary activities Units 6-10. II. Writing: Review of writing task types; Practice test 2.		1		2	3	6	- Yêu cầu sinh viên tự ôn tập và hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.
Progress test 2			2		2	4	- SV làm bài kiểm tra tiến độ theo quy định.
Cộng	18	8	10	9.0	45.0	90.0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **KỸ NĂNG NGHE – NÓI 1**
 - * Tiếng Anh: **LISTENING- SPEAKING SKILL 1**
- Mã học phần: NNTA2502
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết
 - * Bài tập : 23 tiết
 - * Kiểm tra : 04 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Nắm được cách phát âm đúng hệ thống phụ âm và nguyên âm trong tiếng Anh; hiểu biết về trọng âm trong các từ đa âm tiết và về ngữ điệu;
 - + Có đủ vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp để có thể sử dụng trong các tình huống giao tiếp cụ thể, với các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày, mô tả môi trường xung quanh, và nêu quan điểm, ý kiến cá nhân ở mức độ đơn giản.
- Về kỹ năng:

- + **Kỹ năng nghe:** nghe được những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày (các thông tin cá nhân, gia đình, mua bán, công việc) khi người khác nói rõ ràng và chậm rãi; hiểu chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng, chậm rãi; hiểu và nhận biết được một số thông tin đơn giản trình bày trên đài/TV khi những thông tin đó liên quan đến những chủ đề gần gũi hàng ngày.
- + **Kỹ năng nói:** giao tiếp một cách tương đối dễ dàng trong những tình huống cố định và với những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi, có thể cần đến sự giúp đỡ của người khác; hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong những tình huống giao tiếp quen thuộc hàng ngày như sở thích, gia đình, quê hương, nhà cửa.
- **Về đạo đức nghề nghiệp:** Có thái độ tích cực trong việc học và luyện tập tiếng Anh trong lớp học và ngoài lớp học và có thái độ ý thức học tập và rèn luyện đạt được hiệu quả cao trong học tập và công tác sau này.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 1 (tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2. Chương trình cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) với những chủ điểm trong cuộc sống hàng ngày và môi trường xung quanh, như công việc, địa điểm, du lịch, giải trí, thể thao, môi trường, học tập.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Sally Logan and Craig Thaine (2008), *Real Listening and Speaking 2*, Cambridge University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Flint, C., & Flockhart, J. (2013). *English for life: Listening – A2 Pre-intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
2. Snelling, R. (2013). *English for life: Speaking – A2 Pre-intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
3. Snelling, R. (2006). *Get ready for IELTS Speaking – A2 Pre-intermediate*. Collins
4. *English Pronunciation in Use* (hoặc: *Sheep or Ship*)
5. Các trang web hữu ích cho học tiếng Anh ở bậc 2
<https://www.vocabulary.com>
<https://www.gamestolearnenglish.com>
<http://www.5minuteenglish.com/grammar.htm>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thực hành ngôn ngữ thông qua thảo luận nhóm/ cặp hoặc làm việc cá nhân.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Trước các buổi học, giờ học: Nghiên cứu giáo trình, tài liệu (cá nhân, nhóm), thực hành (cá nhân, nhóm), nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu; chuẩn bị kiến thức, các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi thảo luận, thực hành dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy định.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; bao gồm 02 đầu điểm hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Introduction to the course, assessment, materials. - Study plan. UNIT 1: HOW DO YOU KNOW MARK? - <u>Listening:</u> Phoning a friend	2	2		4	8	- Listen and take notes - Work individual - Practice - Do homework

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- <u>Speaking:</u> Socializing						
UNIT 2: I'M PHONING ABOUT THE HOUSE. - <u>Listening:</u> Getting information and asking polite questions - <u>Speaking:</u> Describing a problem and suggesting a solution	2	2		4	8	- Listen - Work in pair - Speak - Do exercises - Work in group
UNIT 3: HOW DO I BUY A TICKET? - <u>Listening:</u> Getting information about public transport and travel - <u>Speaking:</u> Talking about public transport	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Do exercise - Speak
UNIT 4: SHALL WE GO OUT FOR DINNER? - <u>Listening:</u> Describing about food and meals - <u>Speaking:</u> Talking about meals and eating habits	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Practice - Work in group - Present
UNIT 5: YOU SHOULD GO TO THE POLICE - <u>Listening:</u> Getting general and detailed description - <u>Speaking:</u>	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Work in pair

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Describing an event/ emergency						- Speak - Do exercises
REVIEW 1 + PROGRESS TEST 1		2	2	4	8	Review from Unit 1 to Unit 5
UNIT 6: HAVE YOU GOT A HEADACHE? - <u>Listening:</u> Giving instructions and advice Explaining health problems - <u>Speaking:</u> Talking about health/ or how to avoid being ill	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Speak - Work in pairs - Present
UNIT 7: HOW ABOUT A HOSTEL? - <u>Listening:</u> Asking about different kinds of accommodation - <u>Speaking:</u> Describing rooms and objects	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Listen - Do exercises - Work in groups - Drill speaking
UNIT 8: THE WEATHER IS CHANGING. - <u>Listening:</u> Understanding a news story - <u>Speaking:</u> Talking about the weather and its changes	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Speak - Do exercises - Work in pair
UNIT 9: WHAT ARE YOUR GOALS? - <u>Listening:</u>	2	2		4	8	- Prepare lesson at home

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Advice on how to learn and improve English - <u>Speaking:</u> Talking about study habits and goals						- Listen - Work individual - Speak - Do exercises - Work in groups
REVISION Practice + Progress Test 2		3	2	5	10	- Revise from unit 6 to unit 9 - Do the test
Cộng	18	23	4	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kỹ năng Đọc - Viết 2**
 - * Tiếng Anh: **Reading - Writing skill 2**
- Mã học phần: NNTA2503
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kỹ năng Đọc - Viết 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 60 tiết
 - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - + Bài tập: 38 tiết
 - + Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 120 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; xử lý được phần lớn các tình huống xảy ra khi đến khu vực, đất nước có sử dụng tiếng Anh; viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.
- *Về kỹ năng:*
 - + Kỹ năng đọc: đọc hiểu các bài khóa đơn giản về các đề tài yêu thích hoặc liên quan đến chuyên môn; đọc lướt các văn bản dài để xác định thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản hay từ nhiều văn bản khác nhau; tìm ra và hiểu được thông

tin phù hợp trong các tài liệu thường nhật như thư từ, sách báo; nhận biết được các ý chính được trình bày trong các bài báo đơn giản về các đề tài quen thuộc. Ở bậc 3, sinh viên phân biệt được sự khác nhau, ở mức độ cơ bản, về từ vựng thông dụng trong các biến thể tiếng Anh sử dụng ở các nước nói tiếng Anh (Anh, Mỹ, Úc, New Zealand) bản ngữ.

- + Kỹ năng viết: viết được bài miêu tả chi tiết về đề tài yêu thích, viết tường thuật về những trải nghiệm, miêu tả sự kiện, chuyến đi, viết các bài luận ngắn; tóm tắt, báo cáo và nêu ý kiến về các sự kiện quan tâm; viết thư, email hay ghi chú cá nhân...
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kỹ năng đọc-viết.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng Đọc – Viết 2 (tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 3. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ với những chủ điểm trong cuộc sống hàng ngày và môi trường xung quanh

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Osborn, A. (2013). *English for life: Reading – B1+ Intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
2. Campbell-Howes, K., & Dignall, C. (2013). *English for life: Writing – B1+ Intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Cambridge. (2003). *Cambridge Key English Test (1-2-3-4-5-6)*. UK: Cambridge University Press.
2. <https://www.vocabulary.com>
3. <https://www.gamestolearnenglish.com>
4. <http://www.5minuteenglish.com/grammar.htm>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐

Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Nêu vấn đề	☒
Tổng hợp tài liệu	☒	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Introduction to the course, assessment, materials. - Study plan. Unit 1. Websites Unit 2. Emails to friends	2	2	2	6	12	- Skim and then scan a website - Write invitations and thank you letters - Further practice reading websites and writing invitations and thank you letters

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 3. Social networking sites Unit 4.Thank you letters	2	2		4	8	- Skim and then scan social networking sites - Write thank you letters
Unit 5. Signs and labels Unit6: Postcards	2	2		4	8	- Skim and then scan texts about signs and labels - Write postcards - Further practice reading texts about signs and labels and writing postcards
Unit 7. Job advertisements and description Unit 8.Making polite enquiries	2	2	2	6	12	- Skim and then scan texts of advertisements and description - Make polite enquiries - Further practice reading texts about advertisements and description and making polite enquiries
Unit 9. Reports Unit 10.Writing to confirm arrangements	2	2	2	6	12	- Skim and then scan texts of reports - Write to confirm arrangements - Further practice reading texts about reports and writing to confirm arrangements
Unit 11. Newspapers	2	2	2	6	12	- Skim and then scan texts of newspapers

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 12.Writing a summary Progress Test						- Write a summary - Further practice reading texts newspapers and writing a summary
Unit 13. Magazines Unit 14.Writing an article or essay	2	2	2	6	12	- Skim and then scan texts of magazines - Write an article or essay - Further practice reading texts magazines and writing an article or essay
Unit 15. Advertisements and brochures Unit 16.Writing formal notes and notices	2	2		4	8	- Skim and then scan texts of advertisements and brochures - Write formal notes and notices - Further practice reading texts advertisements and brochures and writing formal notes and notices.
Unit 17. Autobiographies and biographies Unit 18. A letter or email of complaint	2	2	2	6	12	- Skim and then scan texts of Autobiographies and biographies - Write a letter or email of complaint

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						- Further practice reading texts of Autobiographies and biographies and writing a letter or email of complaint
Unit 19. Recipes Unit 20. Applying for a job	2	2	2	6	12	- Skim and then scan texts of recipes - Write an applying for a job - Further practice reading texts of recipes and writing an applying for a job
REVISION End-of-term test		5	1	6	12	- Revise - Do the test
Cộng	20	25	15	60	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kỹ năng nghe – nói 2**
 - * Tiếng Anh: **Listening - Speaking skill 2**
- Mã học phần: NNTA2504
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kỹ năng nghe – nói 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 60 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - * Bài tập : 36 tiết
 - * Kiểm tra : 4 tiết
- Thời gian tự học : 120 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được đầy đủ về cách phát âm, hệ thống âm vị trong tiếng Anh, giải thích được các kiến thức cơ bản về ngữ điệu, trọng âm, âm mạnh và yếu của các từ thông dụng; các giọng nói tiếng Anh khác nhau trong số các nước nói tiếng Anh bản ngữ.
 - + Trình bày được các từ vựng và cấu trúc ngữ pháp để có thể sử dụng trong hầu hết các tình huống thường ngày liên quan đến các chủ đề khác nhau; đặc biệt giới thiệu được những

nét đẹp chính của quê hương, đất nước Việt Nam, khu danh thắng, sự hiếu khách của người dân.

- *Về kỹ năng:*
- + *Kỹ năng nghe:* trình bày được các thông tin sự kiện đơn giản về các đề tài phổ biến hàng ngày hay các đề tài liên quan đến công việc, xác định được cả thông điệp chính lẫn ý chi tiết, miễn là ngôn bản phải được nói một cách rõ ràng và bằng một giọng quen thuộc; hiểu được điểm chính của những ngôn bản chuẩn, rõ ràng quanh các đề tài quen thuộc, thường gặp tại nơi làm, trường học, vui chơi giải trí v.v... bao gồm cả đoạn tường thuật ngắn. Ở bậc 3, sinh viên làm quen với nhiều dạng giọng nói tiếng Anh của người bản ngữ (Anh, Mỹ, Úc, New Zealand), bao gồm cả từ vựng.
- + *Kỹ năng nói:* có thể duy trì hợp lý và trôi chảy những bài miêu tả đơn giản về nhiều kiểu đề tài, giao tiếp với mức độ tự tin nhất định trong các hoạt động thường ngày hay không thường ngày có liên quan đến sở thích và lĩnh vực chuyên môn cá nhân; trình bày có chuẩn bị trước một cách dễ dàng về một đề tài quen thuộc một cách rõ ràng và hầu như là dễ theo dõi, với các điểm chính được giải thích với độ chính xác phù hợp...
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kỹ năng nghe-nói.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 2 (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2. Chương trình cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng ở trình độ trung cấp và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói). Sinh viên có thể trình bày, giải thích, lập luận, nêu quan điểm ở mức độ đơn giản với những chủ điểm tương đối rộng như thể thao, giải trí, giáo dục, kinh tế, văn hoá, học tập, công việc giao tiếp tương đối thành thạo bằng tiếng Anh.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Brook-Hart, G., Jakeman, V., & Jay, D. (2012). *Complete IELTS Bands 4-5*. UK: Cambridge University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Badger, I. (2013). *English for life: Listening – B1+ Intermediate*. HCM City,

2. VN: Nhan Tri Viet
3. Pelteret, C. (2013). *English for life: Speaking – B1+ Intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
4. Short, J. (2012). *Get ready for ielts: Listening- A2+ .* Cobuild.
5. Snelling, R. (2012). *Get ready for ielts: Speaking- A2+ .* Cobuild
6. Các trang web hữu ích cho học tiếng Anh ở bậc 2+
<https://www.vocabulary.com>
<https://www.gamestolearnenglish.com>
<http://www.5minuteenglish.com/grammar.htm>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Nêu vấn đề	☒
Tổng hợp tài liệu	☒	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Trước các buổi học, giờ học giảng viên giao nhiệm vụ, sinh viên nghiên cứu giáo trình, tài liệu (cá nhân, nhóm), thực hành (cá nhân, nhóm), chuẩn bị các nội dung học tập, thực hành; sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và báo cáo các kết quả của nhiệm vụ được giao dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy định.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Vấn đáp ☒

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Introduction to the course, assessment, materials - Fixed study plan according to the course - Other personal study plans UNIT 1 <u>Listening:</u> Your family <u>Speaking:</u> Starting an informal conversation	2	2	2	6	12	- Study - Work individual - Practice - Do homework
UNIT 2 <u>- Listening:</u> Book a holiday apartment Your country <u>- Speaking:</u> Answer questions Your hometown	2	2	2	6	12	- Listen - Work in pairs - Speak - Do exercises - Work in groups
UNIT 3 <u>- Listening:</u> Find a travelling companion Accommodation Travel , countries and nationalities <u>- Speaking:</u> Talk about people’lives Your country Family and describe people	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Do exercise - Speak
UNIT 4: Getting from A to B <u>- Listening:</u> A ship’s information announcement Travelling Food and cooking	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Listen

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- <u>Speaking:</u> Topic development (1) Your travelling experience Freetime activities						- Work individual - Practice - Work in groups - Present
UNIT 5 - <u>Listening:</u> At an exhibition Your home town Academic subjects - <u>Speaking:</u> Topic development (2) Main features of your home town; Special occasions	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Work in pairs - Speak - Do exercises
UNIT 6 - <u>Listening:</u> Information about a zoo Hotel information Types of work, workplaces - <u>Speaking:</u> Talk about people and other topics Hotels in your home town; Changing the subject Describe cities	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Speak - Work in pairs - Present

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
UNIT 7 - <u>Listening:</u> Successful people Transactions University facilities - <u>Speaking:</u> Give opinions Hospitality; Showing interest and ending a conversation TV and radio programmes	2	2	2	6	12	 - Prepare lesson at home - Listen - Do exercises - Work in groups - Speak
UNIT 8 - Literacy skills - Apply for an online course - <u>Listening:</u> Announcements - <u>Speaking:</u> Making suggestions	2	2	1	5	10	 - Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Speak - Do exercises - Work in pairs
UNIT 9 - Tourist attractions - Welcome visitors to a science museum - <u>Listening:</u> School days Crime, protection and safety - <u>Speaking:</u> School system Weather	2	2	1	5	10	 - Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Speak - Do exercises - Work in groups

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
UNIT 10 Every drop counts - <u>Listening:</u> Prepare for a talk on desalination Higher education - <u>Speaking:</u> Ask for and give advice Studying and academic subjects	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Speak - Do exercises - Present
REVISION <i>Practice + Test</i>		3	3	6	12	- Revise - Do the test
Cộng	20	23	17	60	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kỹ năng Đọc – Viết 3**
 - * Tiếng Anh: **Reading – Writing skill 3**
- Mã học phần: NNTA2505
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kỹ năng Đọc - Viết 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 60 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 16 tiết
 - * Bài tập, kiểm tra, thảo luận : 44 tiết
- Thời gian tự học : 120 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Trình bày được các ý chính của một đoạn văn, một thông báo hay một quảng cáo, thư mời, sách hướng dẫn.
 - + Sử dụng các cách liên kết các ý tưởng trong câu.
 - + Viết được một thông báo, thư mời, thư quảng cáo, CV...
- *Về kỹ năng:*
 - + Kỹ năng đọc: Đọc và tìm ra ý chính của nhiều dạng văn bản khác nhau như thư từ, quảng cáo, thông báo, sách hướng dẫn...

- + Kỹ năng viết: viết được thư, email, hướng dẫn hay ghi chú cá nhân, viết được bài báo cáo về một sự kiện.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kỹ năng đọc-viết.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần bao gồm 8 bài được dạy trong 32 tiết, 2 bài ôn tập, 2 bài kiểm tra trên lớp. Sinh viên sẽ có một bài thi tích hợp kỹ năng Đọc-Viết cuối học phần.

Trong học phần này sinh viên được học cách tìm ra ý chính của đoạn văn, có thể viết các loại văn bản khác nhau như CV, thư mời, quảng cáo, thông báo... từ các chủ đề như: Thể thao, Du lịch, Động vật, Thói quen ăn uống, Chế độ ăn...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Black, M. & Sharp, W. (2006). *Cambridge Objective IELTS Intermediate*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Brook-Hart, G., Jakeman, V., & Jay, D. (2012). *Complete IELTS Bands 5-6.5*. UK: Cambridge University Press.
2. Driscoll, L. (2008). *Real Reading 3*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
3. Gower, R. (2008). *Real Writing 3*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
4. Thorn, S. (2015). *Real Lives Real Listening Intermediate B1-B2*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
5. Cambridge. (2003). *Cambridge Key English Test (1-2-3-4-5-6)*. UK: Cambridge University Press.
6. Oshima, A., & Hoyge, A. (2006). *Writing academic english*. Pearson Longman.
7. <http://learnenglish.britishcouncil.org/en/listen-and-watch>
8. <http://www.englisch-hilfen.de/en>
9. http://www.exploratorium.edu/listen/online_watch.php

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình



Phát vấn



Đàm thoại



Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Nêu vấn đề	☒
Tổng hợp tài liệu	☒	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Yêu cầu của môn học đối với sinh viên

- Trước các buổi học, giờ học: Nghiên cứu giáo trình, tài liệu (cá nhân, nhóm), thực hành (cá nhân, nhóm), chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy định.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Introduction to the course, assessment, materials - Fixed study plan according to the course - Other personal study plans UNIT 1 : COMMUNICATIVE	2	2	1	5	10	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Reading Comprehension Communication - Writing Test folder 1						
UNIT 2: A HEALTHY DIET - Reading Comprehension Food and drinks - Writing Writing: Describing a process	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
UNIT 3: CITY ATTRACTIONS - Reading Comprehension Leisure in city - Writing Transition signals between paragraphs	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
UNIT 4: WAYS OF LIVING - Reading comprehension Education - Writing Writing task: Line graphs	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
REVISION 1-4 Progress test		2	4	6	12	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
UNIT 5: DISCOVERING THE PAST Discovering the past	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Individual

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Reading comprehension History - Writing Chronological order						- Pairwork - Group discussion
UNIT 6: WHAT IS JOB SATISFACTION? - Reading Comprehension Work - Writing Logical division of ideas	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
UNIT 7: ADVERTISEMENT - Reading Comprehension Advertising - Writing Block organization with transition paragraphs	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
UNIT 8: LEISURE ACTIVITIES - Reading Entertainment - Writing Chain organization	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
REVISION 5-8 End-of-Term Test		2	5	7	14	- Individual - Pairwork - Group discussion
Cộng	16	44		60	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kỹ năng nghe – nói 3**
 - * Tiếng Anh: **Listening - Speaking skill 3**
- Mã học phần: NNTA2506
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kỹ năng Nghe - Nói 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 60 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 16 tiết
 - * Bài tập : 40 tiết
 - * Kiểm tra : 04 tiết
- Thời gian tự học : 120 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Trình bày được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, sử dụng trong giao tiếp với người bản ngữ và người nói tiếng Anh như ngoại ngữ;
 - + Trình bày được vốn từ vựng, ngữ pháp trong giao tiếp nghe và nói tiếng Anh ở mức độ tương đối trôi chảy.
- *Về kỹ năng:*

- + Kỹ năng nghe: nghe hiểu các bài nói trực tiếp hoặc ghi âm về các chủ đề trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng tiếng Anh chuẩn; hiểu được cơ bản khi người nói là người nước ngoài nói tiếng Anh như ngoại ngữ và nói rõ ràng; theo dõi được bài nói tương đối dài cũng như các lập luận khá phức tạp về các chủ đề quen thuộc khi bài nói có cấu trúc rõ ràng; giải thích được tương đối chính xác các ý chính trong các bài giảng, bài phát biểu, bài tường thuật và các dạng trình bày khác trong học thuật hay nghề nghiệp có sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng phức tạp; nghe được một cách cơ bản các chương trình tài liệu trên đài phát thanh và truyền hình, các văn bản ghi âm, truyền hình sử dụng ngôn ngữ chuẩn thường gặp trong đời sống xã hội, nghề nghiệp hay học thuật.
- + Kỹ năng nói: giao tiếp được về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc tương đối mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ tương đối trôi chảy, chính xác; trình bày được ý nghĩa của một sự kiện hay trải nghiệm của cá nhân, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận tương đối chặt chẽ và phù hợp; mô tả tương đối rõ ràng, chi tiết về các chủ đề liên quan hoặc thuộc lĩnh vực quan tâm; trình bày một cách rõ ràng những bài thuyết trình đã được chuẩn bị, nêu được lý do ủng hộ hay phản đối một quan điểm cụ thể, đưa ra những lợi thế và bất lợi của những lựa chọn khác nhau, sử dụng tương đối chính xác từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp tuy vẫn cần hỗ trợ lựa chọn từ ngữ phù hợp; có thể diễn đạt ý một cách tự tin, rõ ràng và lịch sự.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kỹ năng nghe-nói.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 3 (tương đương trình độ B1+ và B2- theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2+. Chương trình cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng trình độ trung cấp và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) của trình độ trung cấp. Sinh viên có thể trình bày, giải thích, lập luận, nêu quan điểm ở mức độ tương đối trôi chảy với những chủ điểm giải trí, thể thao, môi trường, học tập đến những chủ đề tương đối rộng như môi trường, thể thao, giải trí, giáo dục, kinh tế, văn hoá, chủ động trong giao tiếp liên văn hoá.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Black, M. & Sharp, W. (2006). *Cambridge Objective IELTS Intermediate*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Badger, I. (2013). *English for life: Listening – B1+ Intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
2. Pelteret, C. (2013). *English for life: Speaking – B1+ Intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
3. Badger, I. (2014). *English for life: Listening – B2+ Upper Intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
4. Prentis, N. (2014). *English for life: Speaking – B2+ Upper Intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
5. Logan, S., & Thaine, C. (2008). *Real Listening and Speaking 2*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
6. Các trang web hữu ích cho học tiếng Anh ở bậc 3+
<http://learnenglish.britishcouncil.org/en/listen-and-watch>
<http://www.englisch-hilfen.de/en>
http://www.exploratorium.edu/listen/online_watch.php

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Nêu vấn đề	☒
Tổng hợp tài liệu	☒	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Yêu cầu của môn học

- Trước các buổi học, giờ học: Nghiên cứu giáo trình, tài liệu (cá nhân, nhóm), thực hành (cá nhân, nhóm), nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu; chuẩn bị kiến thức, các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi thảo luận, thực hành dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy định.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Vấn đáp ☒

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☒

9. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Introduction to the course, assessment, materials. - Study plan <u>Unit 1: Communication</u> - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	1	5	10	- Study - Work individual - Practice - Do homework
<u>Unit 2: A healthy diet</u> Food and drink - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	2	6	12	- Listen - Work in pair - Speak - Do exercises - Work in group
<u>Unit 3: City attractions</u> Leisure incity - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Do exercises - Speak
<u>Unit 4: Ways of learning</u> Education - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Practice

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						- Work in groups - Present
Revision Units 1-4 Progress test (Listening)		2	3	5	10	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Work in pairs - Speak - Do exercises
Unit 5: Discovery the past History - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Speak - Work in pairs - Present
Unit 6: Work What is job satisfaction? - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Do exercises - Work in groups - Speak
Unit 7: Selling dreams Advertising - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Speak - Do exercises - Work in pairs
Unit 8: Time to waste? Leisure activities - Listening (L)	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Speaking (S)						- Work individual - Speak - Do exercises - Work in groups
- Revision Units 5-8 - End-of-Term test (Listening and Speaking)		2	2	4	8	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Speak - Do exercises - Present
Revision and Preparation for the final exam		2	2	4	8	- Revise
Cộng	16	22	22	60	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kỹ năng Đọc – Viết 4**
 - * Tiếng Anh: **Reading - Writing skill 4**
- Mã học phần: NNTA2507
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kỹ năng Đọc - Viết 3
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 60 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 16 tiết
 - * Bài tập, kiểm tra, thảo luận : 44 tiết
- Thời gian tự học : 120 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Trình bày được các ý chính của một đoạn văn, một thông báo hay một quảng cáo, thư mời, sách hướng dẫn.
 - + Sử dụng các cách liên kết các ý tưởng trong câu.
 - + Viết được một thông báo, thư mời, thư quảng cáo, CV...
- *Về kỹ năng:*
 - + Kỹ năng đọc: Đọc và tìm ra ý chính của nhiều dạng văn bản khác nhau như thư từ, quảng cáo, thông báo, sách hướng dẫn...

- + Kỹ năng viết: viết được thư, email, hướng dẫn hay ghi chú cá nhân, viết được bài báo cáo về một sự kiện, viết câu và đoạn theo văn phong của một bài báo cáo/ nghiên cứu khoa học.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kỹ năng đọc-viết.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.

3. Mô tả học phần

Học phần bao gồm 8 bài được dạy trong 32 tiết, trong đó có 2 bài ôn tập, 2 bài kiểm tra điểm viết trên lớp. Sinh viên sẽ có 1 bài thi tích hợp kỹ năng Đọc-Viết cuối học phần.

Trong học phần này sinh viên được học cách tìm ra ý chính của đoạn văn, có thể viết các loại văn bản khác nhau như CV, thư mời, quảng cáo, thông báo... từ các chủ đề như: Thể thao, Du lịch, Động vật, Thói quen ăn uống, Chế độ ăn...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Black, M. & Capel, A. (2006). *Cambridge Objective IELTS Advanced*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Brook-Hart, G., Jakeman, V., & Jay, D. (2012). *Complete IELTS Bands 5-6.5*. UK: Cambridge University Press.
2. Driscoll, L. (2008). *Real Reading 3*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
3. Gower, R. (2008). *Real Writing 3*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
3. Thorn, S. (2015). *Real Lives Real Listening Intermediate B1-B2*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
4. Cambridge. (2003). *Cambridge Key English Test (1-2-3-4-5-6)*. UK: Cambridge University Press.
5. Weissberg, R. & Buker, S. (1990). *Writing Up Research*, New Jersey: Prentice Hall.
6. <http://learnenglish.britishcouncil.org/en/listen-and-watch>
7. <http://www.englisch-hilfen.de/en>
8. http://www.exploratorium.edu/listen/online_watch.php

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☐	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Nêu vấn đề	☒
Tổng hợp tài liệu	☒	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Yêu cầu của môn học

- Trước các buổi học, giờ học: Nghiên cứu giáo trình, tài liệu (cá nhân, nhóm), thực hành (cá nhân, nhóm), chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy định.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Introduction to the course, assessment, materials - Fixed study plan according to the course	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Other personal study plans Unit 1: Animal life - Reading Animals - Writing Cause and effect structure words						
Unit 2: Sport: just for fun? - Reading Sports - Writing Comparison structure words	2	2	1	5	10	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
Unit 3: Choice - Reading Making decisions - Writing Contrast structure words concession	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
Unit 4: The importance of colour - Reading Colour - Writing Writing task	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
Revision 1-4 Progress test 1		2	4	6	12	- Revise - Do the test

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 5: Social interaction - Reading Understanding other people - Writing Organization for comparison and contrast order	2	2	2	5	10	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
Unit 6: The body clock - Reading Sleep and the body - Writing Practice	2	2	2	5	10	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
Unit 7: The tourist boom - Reading Travel and tourism - Writing Overview of an experimental research report	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
Unit 8: Transport - Reading Methods of transportation - Writing The information conventions of an experimental research report	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion
Revision 5-8 Progress test 2		2	5	7	14	- Prepare lesson at home - Individual - Pairwork - Group discussion

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Cộng	16	44		60	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kỹ năng Nghe – Nói 4**
 - * Tiếng Anh: **Listening – Speaking skill 4**
- Mã học phần: NNTA2508
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kỹ năng Nghe - Nói 3
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 60 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 16 tiết
 - * Bài tập, thảo luận : 40 tiết
 - * Kiểm tra : 04 tiết
- Thời gian tự học : 120 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, có thể sử dụng trong giao tiếp với người bản ngữ và người nói tiếng Anh như ngoại ngữ;
 - + Trình bày được vốn từ vựng, ngữ pháp trong giao tiếp nói và viết tiếng Anh ở mức độ tương đối trôi chảy.
- Về kỹ năng:

- + **Kỹ năng nghe:** nghe hiểu các bài nói trực tiếp hoặc ghi âm về các chủ đề trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng tiếng Anh chuẩn; hiểu được cơ bản khi người nói là người nước ngoài nói tiếng Anh như ngoại ngữ và nói rõ ràng; theo dõi được bài nói tương đối dài cũng như các lập luận khá phức tạp về các chủ đề quen thuộc khi bài nói có cấu trúc rõ ràng; giải thích được tương đối chính xác các ý chính trong các bài giảng, bài phát biểu, bài tường thuật và các dạng trình bày khác trong học thuật hay nghề nghiệp có sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng phức tạp; nghe được một cách cơ bản các chương trình tài liệu trên đài phát thanh và truyền hình, các văn bản ghi âm, truyền hình sử dụng ngôn ngữ chuẩn thường gặp trong đời sống xã hội, nghề nghiệp hay học thuật.
- + **Kỹ năng nói:** giao tiếp được về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc tương đối mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ tương đối trôi chảy, chính xác; trình bày được ý nghĩa của một sự kiện hay trải nghiệm của cá nhân, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận tương đối chặt chẽ và phù hợp; mô tả tương đối rõ ràng, chi tiết về các chủ đề liên quan hoặc thuộc lĩnh vực quan tâm; trình bày một cách rõ ràng những bài thuyết trình đã được chuẩn bị, nêu được lý do ủng hộ hay phản đối một quan điểm cụ thể, đưa ra những lợi thế và bất lợi của những lựa chọn khác nhau, sử dụng tương đối chính xác từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp tuy vẫn cần hỗ trợ lựa chọn từ ngữ phù hợp; có thể diễn đạt ý một cách tự tin, rõ ràng và lịch sự.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về kỹ năng nghe - nói.
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 4 (tương đương trình độ B1+ và B2- theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 2+. Chương trình cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng trình độ trung cấp và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) của trình độ trung cấp. Sinh viên có thể trình bày, giải thích, lập luận, nêu quan điểm ở mức độ tương đối trôi chảy với những chủ điểm giải trí, thể thao, môi trường, học tập đến những chủ đề tương đối rộng như môi trường, thể thao, giải trí, giáo dục, kinh tế, văn hoá, chủ động trong giao tiếp liên văn hoá.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính thức

1. Black, M. & Capel, A. (2006). *Cambridge Objective IELTS Advanced*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.

4.2. Tài liệu tham khảo

1. Badger, I. (2013). *English for life: Listening – B1+ Intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
2. Pelteret, C. (2013). *English for life: Speaking – B1+ Intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
3. Badger, I. (2014). *English for life: Listening – B2+ Upper Intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
4. Prentis, N. (2014). *English for life: Speaking – B2+ Upper Intermediate*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
5. Logan, S., & Thaine, C. (2008). *Real Listening and Speaking 2*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
6. Các trang web hữu ích cho học tiếng Anh ở bậc 3+
7. <http://learnenglish.britishcouncil.org/en/listen-and-watch>
8. <http://www.englisch-hilfen.de/en>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Nêu vấn đề	☒
Tổng hợp tài liệu	☒	Trình bày báo cáo kết quả	☐	Tự học	☒

6. Yêu cầu của môn học

- Trước các buổi học, giờ học: Nghiên cứu giáo trình, tài liệu (cá nhân, nhóm), thực hành (cá nhân, nhóm), nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu; chuẩn bị kiến thức, các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần theo sự hướng dẫn của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi thảo luận, thực hành dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy định.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. *Điểm đánh giá quá trình*: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Vấn đáp ☒

8.2. *Điểm thi kết thúc học phần*: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☒

9. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Introduction to the course, assessment, materials. - Study plan Unit 9: Climate change The environment - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	2	6	12	- Study - Work individual - Practice - Do homework
Unit: 10 A place to work or to live in buildings - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	2	6	12	- Listen - Work in pairs - Speak - Do exercises - Work in groups
Unit 11: Animal life Animals - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	1	5	10	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Do exercises - Speak
Unit 12: Sports - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Practice - Work in groups

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						- Present
- Revision Units 9-13 - Progress test 1		2	2	4	8	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Work in pairs - Speak - Do exercises
Unit 13: Choices - Making decisions - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Speak - Work in pairs - Present
Unit 14: The importance of colour - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Do exercises - Work in groups - Speak
Unit 15: Social interaction Understanding other people - Listening (L) - Speaking (S)	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Speak - Do exercises - Work in pairs
Unit 16: Books, writing and signs - Listening (L)	2	2	2	6	12	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Speaking (S)						- Speak - Do exercises - Work in groups
- Revision Units 13-16 - Progress test 2 (Listening and Speaking)		2	2	4	8	- Prepare lesson at home - Listen - Work individual - Speak - Do exercises - Present
Revision and Preperation for the final exam		3	2	5	10	- Revise
Cộng	16	23	21	60	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kỹ năng Đọc – Viết 5**
 - * Tiếng Anh: **Reading – Writing skills 5**
- Mã học phần: NNTA2509
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đọc - Viết 1,2,3,4
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - * Bài tập/ Thảo luận, hoạt động nhóm : 23 tiết
 - * Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn/ Khoa phụ trách: Bộ môn Tiếng Anh khoa Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức* Nhận ra và phân tích và sử dụng được các nét ngữ âm tiếng Anh để có thể sử dụng trong giao tiếp với người bản ngữ và người nói tiếng Anh như ngoại ngữ, kiến thức về cấu tạo từ, cấu trúc ngữ pháp, văn bản;
- *Về kỹ năng*
- + Kỹ năng đọc:
 - Có thể hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó;

- Có thể hiểu tường tận nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật, xác định được các chi tiết tinh tế như thái độ hay ý kiến ẩn ý hoặc rõ ràng;
- + **Kỹ năng viết:**
 - Có thể viết bài chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp;
 - Có thể viết những bài bình luận rõ ràng, cấu trúc chặt chẽ về những chủ đề phức tạp, nhấn mạnh những điểm quan trọng nổi bật có liên quan; có thể viết triển khai ý và bảo vệ quan điểm của mình với độ dài nhất định, với các ý kiến, lập luận và các minh chứng cụ thể;
 - Có thể lựa chọn cách trình bày phù hợp từ một vốn từ rộng để diễn đạt bản thân một cách rõ ràng mà không có dấu hiệu về sự giới hạn điều người viết muốn diễn đạt;
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Xác định được tầm quan trọng của môn học
- + Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn
- + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà
- + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), chủ yếu tập trung vào các kỹ năng đọc hiểu và viết các loại bài luận ở trình độ cao cấp với những chủ điểm: mua sắm, sức khỏe, đọc sách và kỹ năng đọc sách, du lịch, học ngoại ngữ, nghiên cứu, công việc, du lịch, giải trí.
- Học phần giúp sinh viên luyện tập các kỹ năng đọc hiểu như đoán dựa trên tiêu đề, chủ đề, xác định từ khóa để hiểu ý chính, hàm ý, các chi tiết trong các đoạn văn, các báo cáo, các bài báo trên tạp chí ... Bên cạnh việc đọc phân tích học phần giúp sinh viên diễn đạt ý kiến qua các bài luận, phát triển ý tưởng theo cách đưa ý kiến tranh luận, bình luận, so sánh, đối chứng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Black, M., & Capel, A. (2006). *Advanced Objective IELTS*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Driscoll, L. (2008). *Real Reading 4*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
2. Brook-Hart, G., & Jakeman, V. (2013). *Complete IELTS Band 6.5 – 7.5*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
3. Practice tests for IELTS (1-10). Cambridge, UK: Cambridge University Press.
4. Cullen, P. (2012). *Vocabulary for IELTS Advanced*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
5. <http://www.elllo.org>
6. <http://edition.cnn.com/services/podcasting>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Yêu cầu của môn học đối với sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập, trước các buổi học, giờ học: nghiên cứu giáo trình, tài liệu (cá nhân, nhóm), thực hành (cá nhân, nhóm), nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu; chuẩn bị kiến thức, các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hành và bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên;
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi thảo luận, thực hành dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. *Điểm đánh giá quá trình*: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần và phân phối thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Introduction to the course, assessment, materials: - Study plan Unit 1: Information overload Studying - Reading: Headings	2	2		4	8	- Individual - Pair work - Individual - Pair work - Discussion
Unit 2: Only a game Sport - Reading: Headings - Writing: Task 2 Planning an essay	2	2		4	8	- Individual - Pair work - Discussion
Unit 3: Brands Marketing - Reading: Global multiple choice; Yes/No/Not Given - Test folder, pp.24-25 True/False/Not Given Yes/No/Not Given - Writing: Task 2	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Analyze the given outline -Build an outline -Practice: -Writing
Unit 4: Spotlight on communication Human and animal communication - Reading: Locating information - Writing folder: Writing task 1	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Work individual - Discussion - Do exercise - Practice: Writing
Revisions Units 1-4	2	2		4	8	[1], pp.32-33

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 5: Is plastic fantastic? Plastic products - Reading: Sentence completion - Writing: Task 1 (continued)	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Individual - Pair work - Discussion
Unit 6: Music matters Music - Reading: Multiple choice - Writing folder: Task 2 Reporting ideas	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Individual - Pair work - Discussion
Progress test - Assess progress - Have plan for the next go	2	2		4	8	- Prepare the knowledge and skills at home
Unit 7: Worlds to explore Exploration - Reading: Global multiple choice; multiple choice with multiple answers; summary completion - Writing: Task 1 Describing a bar chart	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Individual - Pair work - Discussion
Unit 8: Culinary tools Food technology - Reading: Global multiple choice; Deducing meaning of words from context - Writing: task 1- Describing a process	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Individual - Pair work - Discussion
- Revision Units 5-8 - End-of-Term Test		3	2	5	10	- Revision - Units 5-8;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Wrap up						- Do the test
Cộng	20	23	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kỹ năng nghe - nói 5**
 - * Tiếng Anh: **Listening – Speaking skills 5**
- Mã học phần: NNTA2510
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nghe nói 1, 2, 3, 4
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - * Bài tập/ Thảo luận, hoạt động nhóm : 23 tiết
 - * Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn/ Khoa phụ trách: Bộ môn Tiếng Anh khoa Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- **Về kiến thức**
 - + Nhận ra và phân tích và sử dụng được các nét ngữ âm tiếng Anh để có thể sử dụng trong giao tiếp với người bản ngữ và người nói tiếng Anh như ngoại ngữ, kiến thức về cấu tạo từ, cấu trúc ngữ pháp, văn bản;
 - + Hiểu rõ và có thể mô tả các nét văn hoá cơ bản khi sử dụng tiếng Anh trong các giao tiếp liên văn hoá một cách phù hợp.
- **Về kỹ năng**

+ *Kỹ năng nghe:*

- Có thể theo dõi và hiểu được những bài nói dài về những chủ đề phức tạp và trừu tượng ngay cả khi cấu trúc bài nói không rõ ràng và mối quan hệ giữa các ý không tường minh; Có thể theo dõi và hiểu được các cuộc trò chuyện sôi nổi giữa những người bản ngữ; Có thể nghe hiểu cơ bản đa dạng các giọng nói tiếng Anh; Có thể theo dõi và hiểu được những tranh luận hay lập luận mang tính trừu tượng; Có thể hiểu được những thông tin cần thiết khi nghe các thông báo qua các phương tiện thông tin đại chúng;
- Có thể theo dõi và hiểu được các hội thoại phức tạp giữa người bản ngữ ngay cả khi nội dung là những chủ đề trừu tượng, phức tạp, không quen thuộc;
- Có thể theo dõi và hiểu được một cách khá dễ dàng hầu hết các bài giảng trong lĩnh vực chuyên môn hoặc chung cũng như các cuộc thảo luận và tranh luận;
- Có thể hiểu các thông tin cụ thể nhất định từ các thông báo công cộng với âm thanh có nhiều như ở nhà ga, sân bay; Có thể hiểu các thông tin kỹ thuật phức tạp như hướng dẫn vận hành, chi tiết kỹ thuật, các sản phẩm và dịch vụ quen thuộc;
- Có thể hiểu được nhiều loại tài liệu phát thanh, truyền hình có sử dụng ngôn ngữ không chuẩn mực; nhận biết được các chi tiết tinh tế bao gồm cả thái độ và mối quan hệ hàm ẩn giữa những người giao tiếp;

+ *Kỹ năng nói:*

- Có thể diễn đạt ý một cách trôi chảy và tức thời, gần như không gặp khó khăn. Có thể sử dụng tốt một vốn từ vựng lớn, đủ khả năng xử lý khi thiếu từ bằng lối nói vòng vo;
- Có thể mô tả rõ ràng, chi tiết về các chủ đề phức tạp; Có thể mô tả, tường thuật tỉ mỉ, tích hợp các chủ đề nhỏ, phát triển các ý cụ thể thành những kết luận phù hợp;
- Có thể lập luận một cách có hệ thống, nhấn mạnh được những điểm quan trọng bằng những chi tiết minh họa liên quan;
- Có thể trình bày một bài thuyết trình một cách rõ ràng, được tổ chức một cách khoa học về một chủ đề phức tạp, mở rộng và củng cố ý kiến của bản thân bằng những lập luận và các ví dụ minh họa liên quan; Có thể kiểm soát xúc cảm tốt khi nói, thể hiện một cách tự nhiên và hầu như không cần phải nỗ lực;
- Có thể thể hiện bản thân một cách trôi chảy, tự nhiên và không cần phải quá nỗ lực. Làm chủ được vốn từ vựng và có thể dễ dàng biến báo trong những tình huống quanh co. Không còn phải tìm kiếm cách diễn đạt hay tìm cách né tránh câu hỏi;
- Có thể sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và hiệu quả cho những mục đích xã hội, bao gồm các biểu đạt cảm xúc, cách nói bóng gió, nói đùa;
- Có thể thể hiện tốt vai trò của người phỏng vấn và người được phỏng vấn, mở rộng và phát triển chủ đề được thảo luận một cách trôi chảy mà không cần tới bất kỳ sự hỗ trợ nào và có thể xử lý tốt những phần ngoài chủ đề;

- Có thể thay đổi ngữ điệu và đặt trọng âm câu chuẩn xác để thể hiện các sắc thái ý nghĩa tinh tế; Có thể diễn đạt ý mình một cách trôi chảy, tự nhiên và gần như không khó khăn gì. (Chỉ một số chủ đề khó về mặt khái niệm mới có thể cản trở được mạch diễn đạt trôi chảy và tự nhiên.)
 - Có thể sử dụng chính xác, tự tin và hiệu quả cách phát âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp tuy nhiên đôi khi vẫn phải ngừng câu, chuyển ý và tìm cách diễn đạt khác; Có thể nhận diện được nhiều cách diễn đạt kiểu thành ngữ hoặc thông tục, cảm nhận được những thay đổi về cách giao tiếp, tuy nhiên đôi khi vẫn phải hỏi lại các chi tiết, đặc biệt khi nghe giọng không quen;
 - Có hiểu biết về các lĩnh vực văn hóa đời sống xã hội khác nhau qua các chủ đề đã học.
 - Có khả năng tương tác, giao tiếp bằng tiếng Anh.
 - Định hình được kỹ năng lập kế hoạch học tập, tự học, tự tìm kiếm nguồn ngữ liệu học tập và luyện tập tiếng Anh phù hợp với sở thích, phong cách học tập của bản thân.
- ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:***
- + Xác định được tầm quan trọng của môn học
 - + Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh.
 - + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn
 - + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà
 - + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng Nghe – Nói 5 (tương đương trình độ B2 cao- theo Khung tham chiếu Châu Âu) dành cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh đã đạt mức năng lực tiếng Anh bậc 4 thấp. Chương trình này cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói) ở trình độ cao cấp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Black, M., & Capel, A. (2006). *Advanced Objective IELTS*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Practice tests for IELTS (1-10). Cambridge, UK: Cambridge University Press.
2. Thorn, S. (2015). *Real lives, Real Listening – Advanced B2-C1*. HCM City, VN: Nhan Tri Viet.
3. Cullen, P. (2012). *Vocabulary for IELTS Advanced*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.

4. Craven, M. (2008). *Real Listening & Speaking 4*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
5. Brook-Hart, G., & Jakeman, V. (2013). *Complete IELTS Band 6.5 – 7.5*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
6. <http://www.elllo.org>
7. <http://edition.cnn.com/services/podcasting>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Yêu cầu của môn học đối với sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập, trước các buổi học, giờ học: nghiên cứu giáo trình, tài liệu (cá nhân, nhóm), thực hành (cá nhân, nhóm), nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu; chuẩn bị kiến thức, các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hành và bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên;
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi thảo luận, thực hành dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☒

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Vấn đáp ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần và phân phối thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Introduction to the course, assessment, materials: - Study plan Unit 1: Information overload Studying - Listening: Multiple choice and note completion - Speaking: Part 1	2	2		4	8	- Individual - Pair work - Discussion
Unit 2: Only a game Sport - Listening: Note completion - Speaking: Part 3	2	2		4	8	- Individual - Pair work - Discussion
Unit 3: Brands Marketing - Listening: Multiple choice; Matching - Speaking: Part 2	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Listen -Work individual -Do exercise - Speak
Unit 4: Spotlight on communication Human and animal communication - Listening: Summary completion; Matching - Speaking: Part 3	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Listen -Work individual -Do exercise - Speak
Revisions Units 1-4 - Use words of the covered topics in Speaking and Writing	2	2		4	8	- Prepare lesson at home

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Grasp and use strategies to get answers from listening and in Speaking. - Have own tips and share						
Unit 5: Is plastic fantastic? Plastic products - <i>Listening:</i> Sentence completion; Note completion - <i>Speaking:</i> Part 2 Test folder Speaking Parts 1,2 and 3	2	2		4	8	- Individual - Pair work - Discussion
Unit 6: Music matters Music - <i>Listening:</i> Classification - <i>Speaking:</i> Part 3	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Listen - Do exercises - Work in group - Pair work
In-class Progress test - Assess progress - Have plan for the next go	2	2		4	8	- Prepare the knowledge and skills at home
Unit 7: Worlds to explore Exploration - <i>Listening:</i> Matching; Labeling a diagram - <i>Speaking:</i> Part 3	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Individual - Pair work - Discussion
Unit 8: Culinary tools Food technology <i>Listening:</i> Flow-chart completion: read the flow chart, predict word that might fit each space; underline key words	2	2		4	8	- Prepare lesson at home - Listen - Do exercises - Work in group - Pair work

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Speaking: synonyms/antonyms, similar expressions						
Revision Units 5-8 End-of-Term Test		3	2	5	10	Revision Units 5-8 - Do the test
Cộng	20	23	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Ngữ âm học và Âm vị học**
 - * Tiếng Anh: **Phonetics and Phonology**
- Mã học phần: NNTA2511
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Ngữ pháp 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - * Bài tập : 20 tiết
 - * Kiểm tra, hoạt động nhóm : 5 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: - Hiểu rõ hơn về các cơ quan phát âm, các quy tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh; nắm được kiến thức về các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại.
- *Về kỹ năng*: - Cải thiện cách phát âm, giúp cho kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của mình tự tin và hiệu quả hơn; Có kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:
- + Xác định được tầm quan trọng của môn học

- + Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn
- + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà
- + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về ngữ âm học và âm vị học tiếng Anh, bao gồm các nội dung về phụ âm và nguyên âm (consonants/vowels), nguyên âm đôi và nguyên âm ba (diphthongs/triphthongs); âm vị (phonemes); các quy tắc ngữ âm học (phonological rules); âm tiết (syllables); trọng âm, thanh điệu và cao độ (stress/tone, một số quy luật phát âm và phiên âm, các vấn đề trong âm vị, các khía cạnh của lời nói, ngữ điệu và chức năng của ngữ điệu, các bài tập thực hành đi kèm

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. [1] Ladefoged, P. & Johnson, K. (2011). *A course in Phonetics* (6th ed.). Wadsworth, OH: Cengage Learning

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. [2] Roach, P. (1998). *English phonetics and phonology: A practical course* (2nd ed.). Cambridge, UK: Cambridge University Press

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- | | | | | | |
|--------------------------|-------------------------------------|-------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------|
| Thuyết trình | ☒ | Phát vấn | ☒ | Đàm thoại | ☐ |
| Bản đồ tư duy | ☐ | Làm việc nhóm | ☒ | Tình huống | ☐ |
| Dạy học theo dự án | ☐ | Dạy học thực hành | ☐ | Thu thập số liệu | ☐ |
| Phân tích, xử lý số liệu | ☐ | Báo cáo kết quả | ☒ | Tự học | ☒ |
- Lý thuyết: Sử dụng kết hợp các phương pháp như thuyết trình, phân tích, so sánh tổng hợp, nêu vấn đề, ...
 - Thảo luận: Hoạt động nhóm, báo cáo kết quả

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1. Introduction 1. Phonetics and phonology 2. Articulators	2		1	3	6	Listen and take notes
Unit 2. English consonants Voicing and vocal state of vocal cords	2	1		3	6	Read the course book as guided in advance Listen and take notes
Unit 3. English vowels 1. Height and position of the highest point of the tongue	2	1		3	6	Read [1], pp. 19-23 Listen and take notes
Unit 3. English vowels (cont) 2. English vowels: vowel length and degrees of lip-rounding 3. British English and American English vowel sounds	1	2		3	6	[1], pp. 44-45 [2], pp. 11-12, 89-93

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 4. Rules for English consonantal allophones	2	1		3	6	[1] pp. 72-82
Unit 5. Rules for English vowel allophones	2	1		3	6	[1], pp. 100-105
Revision and progress test 1		2	1	3	6	Self-revision
Unit 6. English syllable: structure, strong and weak syllables	1	2		3	6	[1], pp. 243-248
Unit 7. Stress 1. The nature of stress 2. Stress on simple words	1	2		3	6	[1], pp. 111-115 [2], pp. 85-94
Unit 7. Stress (cont) 3. Stress on complex and compounded words	1	1	1	3	6	[2] pp. 95-101
Unit 8. Strong and weak forms of English function words	1	1	1	3	6	[2], pp. 102-110
Unit 9. Phonological processes 1. Assimilation 2. Elision	2	1		3	6	Read the provided materials
Unit 9. Phonological processes (cont) 3. Linking	2	1		3	6	Read the provided materials
Unit 10. Intonation contour	1	2		3	6	Read the provided materials
Revision and progress test 2		2	1	3	6	Self-revision
Cộng	20	20	5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Ngữ pháp tiếng Anh 1**
 - * Tiếng Anh: **Grammar 1**
- Mã học phần: NNTA2512
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 15 tiết
 - * Bài tập : 28 tiết
 - * Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + củng cố cho sinh viên khối kiến thức ngữ pháp cơ bản trong các chương trình tiếng Anh đã học.
 - + Nâng cao và dạy mới kiến thức ngữ pháp
 - + Hệ thống hóa toàn bộ khối kiến thức ngữ pháp tiếng Anh, tạo nền tảng vững chắc giúp sinh viên học tốt chương trình tiếng Anh cơ bản và môn Ngữ pháp 2
- Về kỹ năng:

- + Sử dụng thành thạo và tự tin các hiện tượng ngữ pháp cơ bản và nâng cao, đặc biệt là trong nói và viết.
- + Phát triển kỹ năng làm việc độc lập và tự học
- + Phát triển kỹ năng làm việc nhóm
- *Về đạo đức nghề nghiệp:*
- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.
- + Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như bên ngoài.
- + Có tinh thần xây dựng và tham gia tích cực các hoạt động trên lớp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung cơ bản của môn Ngữ pháp 1 gồm:

- Các thì trong tiếng Anh – hiện tại, quá khứ và tương lai
- Các loại câu điều kiện
- Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ vị ngữ
- Động danh từ và động từ nguyên dạng
- Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ vị ngữ
- Trợ động từ tình thái
- Tính từ và trạng từ
- Cụm giới từ
- Mệnh đề quan hệ
- Mệnh đề danh từ
- Câu gián tiếp

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. **Advanced Grammar in Use.** Martin Hewings. Cambridge University Press.
2. **Understanding and Using English Grammar.** B. S. Azar & D. A. Azar. Prentice Hall Regents.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Longman English Grammar. L. G. Alexander. Longman.
2. Oxford Practice Grammar-Intermediate. J. Eastwood. Oxford.
3. Oxford Practice Grammar-Advanced. G. Yule. Oxford.
4. A University Grammar of English. R. Quirk, S. Greenbaum. Longman.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Lý thuyết: Sử dụng kết hợp các phương pháp như thuyết trình, phân tích, so sánh tổng hợp, nêu vấn đề, ...

- Thảo luận: Hoạt động nhóm, báo cáo kết quả

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị các nội dung theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên và theo đề cương môn học
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☒

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Vấn đáp ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Modue 1. Verb Tense (1) Present	1	2		3	6	Read the target materials as provided and review the knowledge
Module 2. Verb Tense (2) Past	1	2		3	6	Read the target materials as provided and review the knowledge
Unit 3. Verb Tense (3) Future	2	4		6	12	Read the target materials as provided and review the knowledge

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 4. Conditional Sentences	2	3		5	10	Read the target materials as provided and review the knowledge
Unit 5. Subject and Verb Agreement	1	2		3	6	Read the target materials as provided and review the knowledge
Unit 6. Gerund and Infinitves	1	2		3	6	Read the target materials as provided and review the knowledge
PROGRESS TEST 1			1	1	2	Self-study and review the previous lessons
Unit 7. Modal Auxiliaries	1	2		3	6	Read the target materials as provided and review the knowledge
Unit 8. Adjectives and Adverbs	1	2		3	6	Read the target materials as provided and review the knowledge
Unit 9. Prepositional Phrases	2	3		5	10	Read the target materials as provided and review the knowledge
Unit 10. Relative Clauses	1	2		3	6	Read the target materials as provided and review the knowledge
Unit 11. Noun Clauses	1	2		3	6	Read the target materials as provided and review the knowledge
Unit 12. Reported Speech	1	2		3	6	Read the target materials as provided and review the knowledge
PROGRESS TEST 2			1	1	2	
Cộng	15	28	02	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Ngữ pháp tiếng Anh 2**
 - * Tiếng Anh: **Grammar 2**
- Mã học phần: NNTA2513
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh viên cần học môn Ngữ pháp tiếng Anh 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 21 tiết
 - * Bài tập : 20 tiết
 - * Thảo luận, Kiểm tra : 04 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu rõ các hiện tượng ngữ pháp mà họ vẫn thường sử dụng. Sinh viên nắm vững lý thuyết lý giải về các hiện tượng ngữ pháp đó.
- *Về kỹ năng:* Hoàn thiện các kỹ năng tiếng Anh của mình, kích lệ khả năng sáng tạo và nghiên cứu trong tiếng Anh của sinh viên thông qua các bài tập tự nghiên cứu đa dạng trong quá trình học
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Xác định được tầm quan trọng của môn học

- + Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn
- + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà
- + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử

3. Tóm tắt nội dung học phần

Trong phạm vi cho phép về thời gian, môn học sẽ tập trung vào các vấn đề cơ bản bao gồm từ - cụm từ và bộ tổ của từ (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ...), chức năng cú pháp và chức năng ngữ nghĩa của từ, mệnh đề và các thành phần của mệnh đề, các chức năng ngữ nghĩa của mệnh đề, câu đơn, câu phức, câu ghép.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Quirk R. and Greenbaum S. 1987. *A University Grammar of English*, London: Longman.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Huddleston, R and Pullum, G.K et al. 2002. *The Cambridge Grammar of the English Language*, Cambridge University Press.
2. Huddleston, R. 1984, *Introduction to the Grammar of English*, Cambridge University Press.
3. Le Huy Truong, Dang Dinh Thien, Tran Huy Phuong. 2015. *A Grammar of the English Language*, Ha Noi: Ha Noi University

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập lớn đúng hạn, chuẩn bị trước các bài học theo yêu cầu.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1. An introduction to grammar	2	1	1	4	8	- Listen, take notes and discuss
Module 2. The English Noun Phrase 1. Nouns, pronouns, and the basic noun phrase. 2. The complex noun phrase	2	1		3	6	- Read the provided materials in advance. - Discuss and take notes
Module 2. The English Noun Phrase (cont) 1. Nouns, pronouns, and the basic noun phrase. 2. The complex noun phrase	2	1		3	6	-Read the provided materials in advance. - Discuss and take notes
Module 3. The English Verb Phrase 1. Verbs and the Verb phrase	2	1		3	6	Read the provided

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2. Verb groups and their complementation						materials in advance. - Discuss and take notes
Module 3. The English Verb Phrase (cont) 1. Verbs and the Verb phrase 2. Verb groups and their complementation	2	1		3	6	Read the provided materials in advance. - Discuss and take notes
Module 4. Adjectives, adverbs and their corresponding phrases	2	2		4	8	Read the provided materials in advance. - Discuss and take notes
Module 5. Prepositions and prepositional phrases	2	2		4	8	Read the provided materials in advance. - Discuss and take notes
REVISION AND PROGRESS TEST 1		2	1	3	6	Consolidation module 1-5. Do the test.
Module 6. Clause elements & their semantic features	2	1	1	4	8	Read the provided materials in advance. - Discuss and take notes

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 7. Simple sentence	1	2		3	6	Read the provided materials in advance. - Discuss and take notes
Module 8. Compound sentences 1. Coordination and apposition 2. Presentation for assignment	2	2		4	8	Read the provided materials in advance. - Discuss and take notes
Module 9. Complex sentence 1. coordination and apposition 2. Presentation for assignment	2	2		4	8	Read the provided materials in advance. - Discuss and take notes
PRESENTATION FOR ASSIGNMENT – PROGRESS TEST 2		2	1	3	6	Give presentations
Cộng	21	20	04	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần
Tiếng Việt: **Giao thoa Văn hóa Anh – Mỹ**
Tiếng Anh: **Introduction to British and American Studies**
- Mã học phần: NNTA2604
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

-
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 15 tiết
 - Bài tập : 17 tiết
 - Thảo luận, kiểm tra : 9 tiết
 - Kiểm tra : 4 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong môn học sinh viên cần phải có kỹ năng sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên có những hiểu biết cơ bản về lịch sử, đất nước, con người, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật của hai nước Anh và Mỹ.
- *Về kỹ năng:*
- + Kỹ năng đọc: Sinh viên có khả năng đọc hiểu những tài liệu bằng tiếng Anh về văn hóa của Anh và Mỹ

- + Kỹ năng nói: Thảo luận và thuyết trình một chủ đề văn hóa có liên quan đến hai quốc gia nêu trên.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Xác định được tầm quan trọng của môn học
- + Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn
- + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà
- + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về đất nước con người, địa lý, lịch sử; bản sắc dân tộc, hệ thống chính trị, tôn giáo, kinh tế, xã hội và giáo dục của hai quốc gia Anh-Mỹ. Kết thúc học phần, sinh viên có kỹ năng đọc hiểu, phân tích, nghiên cứu các vấn đề văn hóa, xã hội Anh-Mỹ và so sánh, liên hệ với văn hóa Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. O'Driscoll, J. (2009). *Britain for learners of English: Understanding the country and its people (2nd Ed)*. Oxford University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Smith, J. (2012). *Exploring British Culture*. Cambridge University Press.
2. William, J (2013). *Academic Encounters Level 2: Reading and Writing: American Studies*. Cambridge University Press.
3. Sanabria, K., Sanabria, C., & Seal, B. (2013). *Academic Encounters Level 2: Speaking and Listening: American Studies*. Cambridge University Press

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Giờ tự học (giờ)	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
PART 1: THE UK						
Unit 1: The United Kingdom Today	2	1	1	4	8	
- Four countries in the United Kingdom - Factsheets about the UK - A profile of London - Climate - Environment						CB2, Unit 1.1, 1.2, 2.2
Unit 2: Political Life: How the UK is governed	2	1	1	4	8	
A guide to the British government						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Giờ tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
- The monarchy - The party system - How the government works - The Royal family						CB2, Unit 4.1, 4.2, 5.1 CB1 Unit 6,7,8
Unit 3: History	2	1	1	4	8	
- The Roman period 43-310 - The Germanic invasions 410-1066 - The medieval period 1066-1458 - English Civil War in 1600s - Industrial Revolution - First World War 1914-1918 - Second World War 1939-1945 - The 21st century						CB 1, Unit 2 CB2, Unit 9.1, 9.3
Unit 4: Education	1	1	1	3	6	
- Education System: The learning journey - Major issues in education						CB2, Unit 13.1, 13.3
Unit 5: Money and Work	1	1	1	3	6	
- The British Money System - The cost of living - High finance						CB2, Unit 7.1, 7.2, 7.3
Unit 6: The media and communication						
- News in the UK - In the news - The BBC	1	1	1	3	6	CB2, Unit 12.1, 12.2, 12.3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Giờ tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Unit 7: The 21st century Britain • Britain and the rest of the world • The journey to the 21st century • Values and visions • Brexit 2016	1	1	1	3	6	CB2, Unit 18.1, 18.2, 18.3
Consolidation Modules 1-7		1	1	2	8	
Revision 1						
Progress Test 1		2		2		
PART II: THE USA						
Unit 8: An introduction to the USA	2	1	1	4	8	
• The Foundations of government						CB 3, Chapter 1
Unit 9: A Diverse Nation	1	1	1	3	6	
• The origins of diversity • Diversity in the US Today • ngắn (100–120 từ) để miêu tả loài vật đó						CB 3, Chapter 3, 4
Unit 10: The struggle for equality	1	1	1	3	6	
• The Struggle begins • The struggle continues						CB 3, Chapter 5, 6
Unit 11: American Values	1	1	1	3	6	
• American values in the past • American values today						CB 3, Chapter 7,8
Consolidation Modules 7 -15		1	1	2	8	
Revision 2						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Giờ tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Progress Test 2		2		2		
Tổng	15	17	13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Văn học Anh – Mỹ**
 - * Tiếng Anh: **Britain – American literature**
- Mã học phần: NNTA2515
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 24 tiết
 - * Bài tập/ Thảo luận, hoạt động nhóm: 19 tiết
 - * Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Nắm được lịch sử Anh – Mỹ cho từng giai đoạn
 - + Nắm được các tác giả, tác phẩm tiêu biểu cho từng giai đoạn.
 - + Với phương pháp trích giảng, sinh viên vận dụng các kiến thức về lịch sử xã hội Anh-Mỹ đã học vào việc phân tích và cảm nhận tác phẩm. Trong quá trình học sinh viên có cơ hội thể hiện sự hiểu biết của mình về các tác phẩm và tác giả bằng cách tham gia vào các vở kịch, thảo luận, viết bài luận phân tích.

- *Về kỹ năng:*
 - + Trình bày được các giai đoạn văn học Anh – Mỹ.
 - + Nhớ được tên các tác giả và tác phẩm tiêu biểu của mỗi giai đoạn.
 - + Phân tích và cảm nhận tác phẩm.
 - + Tham gia vào các vở kịch, thảo luận, viết bài luận phân tích.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Xác định được tầm quan trọng của môn học
 - + Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh.
 - + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn
 - + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà
 - + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Học phần bao gồm 08 bài được dạy trong 45 tiết, trong đó có 6 tiết ôn tập kiến thức và kiểm tra.
- Trong học phần này sinh viên sẽ được tìm hiểu về lịch sử văn học Anh – Mỹ, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu cho từng giai đoạn.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Kim Loan, History of English Literature;
2. Lê Văn Sự, History of American Literature;

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Kathryn Van Spancleren, USA Literature (in brief)

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Trước các buổi học, giờ học: Nghiên cứu giáo trình, tài liệu (cá nhân, nhóm), thực hành (cá nhân, nhóm), chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng; sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên;

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy định.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1. The Anglo-Saxon period (the earliest time: 1066)	3		2	5	10	N1. Ss study theory and discuss with each other prior to the lesson. T checks and get Ss to practice. N2 Theory + practice (Individual work, pair work and group work) N3. Guidelines for self-study. Ss do tasks at home
- summarize the background of the history of English literature in the Anglo-Saxon period. - analyze the famous works of that period - “Beowulf”.						
- summarize the background of the history of English literature in the Anglo-Saxon period. - analyze the famous works of that period - “Beowulf”.						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 2. English Renaissance (15th and 16th century)	3		2	5	10	N1. Ss study theory and discuss with each other prior to the lesson. T checks and get Ss to practice. N2 Theory + practice (Individual work, pair work and group work) N3. Guidelines for self-study. Ss do tasks at home
- discuss the background of the history of English literature in English Renaissance. - discuss the famous writers of that period like Thomas More, Christopher Marlowe, Ben Jonson, Shakespeare and analyze their famous works: Utopia, Doctor Faustus, Volpone, Hamlet, Romeo and Juliet.						
Unit 3. The period of Enlightenment and classicism (the 18th century)	3		2	5	10	
- discuss the background of the history of English literature in The period of Enlightenment and classicism. - discuss the famous writers of that period like Steele, Addison, Defoe and analyze their famous works: the Tatler, the Spectator, Robinson Crusoe.						N1. Ss study theory and discuss with each other prior to the lesson. T checks and get Ss to practice. N2 Theory + practice (Individual work, pair work and group work) N3. Guidelines for self-study. Ss do tasks at
Unit 4. The modern period (the 20th century)	3		2	5	10	
- discuss the background of the history of English literature in The modern period.						N1. Ss study theory and discuss with each other prior to the

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- discuss the famous writers of that period like D.H Lawrence, Bernard Shaw and analyze their famous works: Sons and Lovers, Women in love.						lesson. T checks and get Ss to practice. N2 Theory + practice (Individual work, pair work and group work) N3. Guidelines for self-study. Ss do tasks at home
Revision and test 1		2	1	3	6	
Unit 5. Puritanism (1600s to Mid 1700s)	3		2	5	10	
- discuss the background of the history of English literature in Puritanism period. - discuss the famous writers of that period like Anne Bradstreet, Jonathon Edwards and analyze their famous works: To My Dear and Loving Husband, Sinners in the Hands of an Angry God.						N1. Ss study theory and discuss with each other prior to the lesson. T checks and get Ss to practice. N2 Theory + practice (Individual work, pair work and group work) N3. Guidelines for self-study. Ss do tasks at home
Unit 6. Romanticism (Early to Mid 1800s)	3		2	5	10	
- discuss the background of the history of English literature in the Romanticism period. - discuss the famous writers of that period like Emily Dickinson, Edgar Allen Poe and analyze their famous						N1. Ss study theory and discuss with each other prior to the lesson. T checks and get Ss to practice. N2 Theory + practice (Individual work, pair work and group work)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
works: Because I Could Not Stop for Death, The Raven.						N3. Guidelines for self-study. Ss do tasks at home
Unit 7. Harlem Renaissance (Early 1900s)	3		2	5	10	
- discuss the background of the history of English literature in the Harlem Renaissance period. - discuss the famous writers of that period like Langston Hughes, Countee Cullen, Zora Neale Hurston and analyze their famous works: “I, Too”, “Theme for English B”, “Harlem, Any Human to Another, Their Eyes Were Watching God.						N1. Ss study theory and discuss with each other prior to the lesson. T checks and get Ss to practice. N2 Theory + practice (Individual work, pair work and group work) N3. Guidelines for self-study. Ss do tasks at home
Unit 8. Post-Modernism (WWII – Present)	3		1	4	8	
- discuss the background of the history of English literature in the Post-Modernism period. - discuss the famous writers of that period like Sylvia Plath, Nikki Giovanni, John Steinbeck, J.D. Salinger and analyze their famous works: Ariel (A Collection of Poems), Various poetry collections, Of Mice and Men, Catcher in the Rye.						N1. Ss study theory and discuss with each other prior to the lesson. T checks and get Ss to practice. N2 Theory + practice (Individual work, pair work and group work) N3. Guidelines for self-study. Ss do tasks at home

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Progress Test 2			1	1	2	
Guidelines for the final examination		2		2	4	
Cộng	24	4	17	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường**
 - * Tiếng Anh: **English for Environmental Science**
- Mã học phần: NNTA2516
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết dịch; thực hành phiên dịch; thực hành biên dịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 25 tiết
 - * Bài tập/thực hành : 10 tiết
 - * Thảo luận, kiểm tra : 10 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nắm được một số kiến thức đặc trưng của ngành môi trường thông qua việc ghi nhớ và sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành được cung cấp trong khoá học.
- *Về kỹ năng:* Sử dụng một cách hợp lý và chính xác các thuật ngữ môi trường hay gặp trong văn phong viết báo cáo chuyên ngành; có thể đọc hiểu được các văn bản chuyên ngành và ứng dụng kiến thức được học vào thực tiễn; có khả năng diễn đạt và trao đổi ý kiến thảo luận trong các buổi hội thảo chuyên ngành.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Xác định được tầm quan trọng của môn học
- + Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn
- + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà
- + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu một cách khái quát về chương trình, nội dung của môn học, nội dung học phần được cấu trúc thành các đơn vị bài học bao quát những nội dung cơ bản về chuyên ngành môi trường như: khoa học môi trường, tài nguyên năng lượng, ô nhiễm môi trường, tái chế và phát triển bền vững.

- Unit 1: Environmental science
- Unit 2: Climate change
- Unit 3: Environmental pollution
- Unit 4: Natural resources
- Unit 5: Solid waste treatment

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Richard Lee (2009), *English for environmental science*, Garnet Publishing Ltd.
2. Tài liệu bồi dưỡng kiến thức tiếng Anh chuyên ngành Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2015, Thư viện trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. *Environmental encyclopedia*, Fourth edition, Gale Cengage learning, 2011, Bộ môn Ngoại ngữ trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
2. *English for Natural Resources and Environmental Management*, Hiền Thị Mai, et al, Lao động xã hội, 2019

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1: Environmental science	5	1	2	8	17	- Thảo luận theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
1. Vocabulary and listening	2	1	1	3		
2. Reading comprehension and discussion	2	2	1	5		
Unit 2: Climate Change	5	1	2	8	17	
1. Vocabulary and reading comprehension	2	1	1	3		- Thảo luận theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
2. Listening and discussion	2	2	1	5		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 3: Environmental pollution	5	3	2	10	17	
1. Vocabulary	2	2		4		- Thảo luận theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
2. Reading comprehension and discussion	2	2		4		
3. Revision 1+ Mid-term test			2	2		
Unit 4: Energy Resources	5	1	2	8	15	
1. Vocabulary	2		1	3		- Thảo luận theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
2. Reading comprehension and writing	2	1	1	4		
3.Discussion	1			1		
Unit 5: Solid waste treatment	5	4	2	11	17	
1. Vocabulary and listening	2	2	1	5		- Thảo luận theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.
2. Reading comprehension and discussion	2	2	1	5		
3. Revision			1	1		
Final –test			2	2	5	Làm bài kiểm tra kết thúc học phần
Cộng	25	10	10	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Tiếng Anh chuyên ngành du lịch**
 - * Tiếng Anh: **English for tourism**
- Mã học phần: NNTA2517
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: lý thuyết dịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 25 tiết
 - * Bài tập : 8 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm : 8 tiết
 - * Kiểm tra : 4 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên nắm vững những tri thức cơ bản trong ngành du lịch lữ hành, có khả năng hiểu và sử dụng các thuật ngữ, khái niệm trong du lịch, có kỹ năng và ý thức vận dụng được các cấu trúc tương đối phức tạp vào phiên dịch, biên dịch các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành Du lịch.
- *Về kỹ năng:* Trau dồi kỹ năng giao tiếp cao cấp gồm nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh và xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến vấn đề đã học. - Mục tiêu

về người học: Có thái độ nghiêm túc và tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu. Lên lớp nghe giảng đầy đủ, tự nghiên cứu bài học theo đề cương, tham gia thảo luận và làm bài tập theo yêu cầu của môn học.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Xác định được tầm quan trọng của môn học
- + Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn
- + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà
- + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về ngành du lịch được lồng vào các tình huống giao tiếp ứng dụng thực tế nhằm phát triển kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp của sinh viên gồm những vấn đề sau:
- Lịch sử hình thành và phát triển ngành du lịch
- Cơ cấu hoạt động của ngành du lịch
- Cách thiết kế và tổ chức tour du lịch
- Các vấn đề liên quan đến vé, đặt chỗ trước và bảo hiểm
- Công tác hướng dẫn du lịch

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Robin Walker (2009) *Oxford English for Careers Tourism* - Course book, Oxford University Press.
2. Iwona Dubicke, Margaret O'keeffe (2013) *English for International Tourism*, Pearson Longman.
3. Nguyễn Quang (2015) *Giáo trình tiếng Anh du lịch*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố HCM

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Quyen, Do Thi Hoa. 2010. *English for Tourism 1*. Ton Duc Thang University. Ho Chi Minh.
2. Leo, J. Welcome: *English for the travel and tourism industry*. New York:
3. Cambridge

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒ Phát vấn ☒ Đàm thoại ☐

Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit one: The history and development of tourism 1. Listening: Personal experiences 2. Speaking: Tourist attraction 3. Presentation: The history and development of tourism	3	1	1	5	10	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit two: The organization and structure of tourism 1. Vocabulary: Jobs in tourism 2. Listening: - A passenger survey at an airport - Identifying jobs and situations 3.. Speaking: Reasons for travelling 4. Presentation: Statistical information about travel and tourism	3	1	1	5	10	SV đọc tài liệu của bài ; Đọc tài liệu tham khảo, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Unit three: Travel agents 1. Vocabulary: Holiday types 2. Reading: Four holidays 3. Speaking: Holiday types 4. Writing: Client profile 5. Listening: booking a holiday 6. Presentation: The language of taking a booking.	3	1	1	5	10	SV đọc tài liệu của bài ; Đọc tài liệu tham khảo, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Unit four: Tour operation 1. Vocabulary: Tour operation 2. Listening: Travel agents and tour operators 3. Reading: The tour operator’s in – tray 4. Speaking: Negotiations 5. Writing: Tour operators’ replies	3	1	1	5	10	SV đọc tài liệu của bài ; Đọc tài liệu tham khảo, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Unit five: Guiding 1. Vocabulary: guiding 2. Reading: How to be a good guide 3. Speaking: booking a guide	3	1	1	5	10	SV đọc tài liệu của bài ; Đọc tài liệu tham khảo, tự học và thảo luận theo hướng

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4. Writing; Guide instruction tour and how to give commentary at places (the language of guide commentaries)						dẫn của giảng viên
Kiểm tra			2	2	4	
Unit six: International travel 1. Vocabulary: travel 2. Listening: getting there 3. Reading: airport security 4. Writing: travelling experiences	3	1	1	5	10	SV đọc tài liệu của bài ; Đọc tài liệu tham khảo, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Unit seven: Destinations 1. Vocabulary: Things to do 2. Speaking: negotiating prices 3. Reading: weather forecast 4. Listening: listening 5,6	3	1	1	5	10	Xem video Trả lời câu hỏi của bài học Làm bài tập theo hướng dẫn của giảng viên
Unit eight: Emergency 1. Vocabulary: Things to do 2. Speaking: Speaking in a group 3. Reading: Talking about symptoms 4. Listening: listening 4,5,6	4	1	1	5	10	Xem video Trả lời câu hỏi của bài học Làm bài tập theo hướng dẫn.
Kiểm tra			2	2	4	
Cộng	25	8	12	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Đất nước học Anh Mỹ**
 - * Tiếng Anh: **British and American studies**
- Mã học phần: NNTA2518
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nghe-nói-đọc-viết 4
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 25 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm : 18 tiết
 - * Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đất nước, con người Anh - Mỹ, các giá trị nhân văn, phong tục tập quán, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, của hai nước làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng trong việc tiếp thu ngôn ngữ, trong hoạt động liên văn hóa
- *Về kỹ năng:*
 - + Trình bày được các giai đoạn lịch sử văn học Anh – Mỹ.
 - + Nhớ được tên các tác giả và tác phẩm tiêu biểu của mỗi giai đoạn.

- + Phân tích và cảm nhận tác phẩm.
- + Tham gia vào các vở kịch, thảo luận, viết bài luận phân tích.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Xác định được tầm quan trọng của môn học
- + Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn
- + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà
- + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử

3. Tóm tắt nội dung học phần

Đây là một môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đất nước, con người và văn hóa đặc trưng của Anh quốc và hợp chủng hoa kỳ. Môn học bao gồm giới thiệu về đất nước, lịch sử phát triển của dân tộc, ngôn ngữ và các giá trị truyền thống, về thể chế chính trị, kinh tế, xã hội, gia đình và đời sống xã hội cộng đồng; về pháp luật, giáo dục, thể thao và lễ hội.....làm cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ Anh- Mỹ một cách hệ thống và có hiệu quả và nắm vững kiến thức tiếng Anh phục vụ cho công tác chuyên môn.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. James O'Driscoll (2009), *Britain for Learners of English*, Oxford.
2. Paul George Meyer (2006) *English American Studies in German*.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Edward Albert (2009), *History of English and American literature*. Oxford University Press.
2. Nguyễn Kim Loan (2000), *History of English Literature*, Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Lê Văn Sự (2003), *British American Civilization*;
4. Kathryn Van Spancleren, *USA Literature (in brief)*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1: Sơ lược về đất nước học Anh- Mỹ	5		3		16	-Sinh viên phải đọc trước TLC. -Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Country and people						
1.2. History						
1.3. Geography						
1.4. Identity						
1.5. Attitude						
Chương 2: Thể chế chính trị	4		3		14	-Sinh viên phải đọc trước TLC. -Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận
2.1 Political life						
2.2 The Government						
2.3 The Government						
2.4 The law						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 3: Kinh tế - xã hội	4		3		14	
3.1. International relations 3.2. Religion 3.3. The economy and everyday life 3.4. The media 3.5 Transport	1					-Sinh viên phải đọc trước TLC. -Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 4: Đời sống văn hóa nghệ thuật	4		3		14	
4.1.Welfare 4.2.Housing 4.3. Food and drink 4.4. Sport and competition 4.5. The arts						-Sinh viên phải đọc trước TLC. -Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 5: Sự hình thành của một dân tộc	4		3		14	
5.1. Nation of immigrants 5.2. American Indians 5.3. Old immigration 5.4. Immigration restriction						-Sinh viên phải đọc trước TLC. -Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 6: Giá trị niềm tin của người Mỹ	4		3		14	
6.1. Ideals and values 6.2. Freedom 6.3. Individualism 6.4. Volunteerism 6.5. Psychology of abundance						-Sinh viên phải đọc trước TLC. -Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						theo hướng dẫn của giảng viên
Kiểm tra			2			
Cộng	25		20	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Ngữ dụng học**
 - * Tiếng Anh: **Pragmatics**
- Mã học phần: NNTA2606
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☑		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nghe-Nói-Đọc-Viết 5
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 16 tiết
 - * Bài tập, Thảo luận: 27 tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- **Về kiến thức:** Hiểu và giải thích được một số khái niệm cơ bản như: hàm ngôn, hành động lời nói, phân loại hành động lời nói, lịch sự.
- **Về kỹ năng:**
 - + Có thể viết phiên âm rộng, hẹp của các từ, các phát ngôn ngắn, xác định trọng âm trong phần lớn các từ đa âm tiết, dựa trên các qui luật chính được giới thiệu;
 - + Có thể áp dụng kiến thức về hình thái học để cấu tạo từ trong khi sử dụng tiếng Anh;

- + Có thể phân tích cấu trúc câu trong tiếng Anh, áp dụng trong viết và nói tiếng Anh đúng ngữ pháp;
- + Có thể sử dụng các mối liên hệ ngữ nghĩa để giải thích các từ cơ bản trong tiếng Anh, phân tích hội thoại;
- + Phát triển thêm các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình...
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**
- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua sách và các nguồn ngữ liệu học tập và luyện tập tiếng Anh chung cũng như trong ứng dụng Ngữ dụng học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ dụng học bao gồm các nội dung chính như hàm ngôn, nguyên tắc dụng học, hành động lời nói, tính lịch sự. Những kiến thức này giúp sinh viên hiểu và sử dụng tiếng Anh được phù hợp về mặt ngôn ngữ trong bối cảnh giao tiếp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Yule, G. (1996). *Pragmatics*. Oxford University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Mey, J.L. (2001). *Pragmatics – An introduction (2nd edition)*. USA: Blackwell.
2. Davis, S. (Ed.). (1991). *Pragmatics: A reader* (Vol. 595). Oxford: Oxford University Press.
3. Leech, G. N. (2016). *Principles of pragmatics*. Routledge.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thuyết trình nhóm, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐
 Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chapter 1: Definition and background	2	2	2	6	12	
1.1. Definition of Pragmatics 1.2. Syntax, semantics, and pragmatics						Đọc bài 2, chuẩn bị bài, tự học theo hướng dẫn của giảng viên
Chapter 2: Deixis	2	2	2	6	12	
2.1. Deixis – Definition and types of deixis 2.2. Context						Đọc bài 3, chuẩn bị bài, tự học theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chapter 3: Reference and inference	2	2	2	6	12	
3.1. Definition 3.2. Types of Reference						Đọc bài 4, chuẩn bị bài, tự học theo hướng dẫn của giảng viên
Chapter 4: Presupposition and Entailment	2	2	2	6	12	
4.1. Presupposition – Definition and types of presupposition 4.2. Entailment						Đọc bài 5, chuẩn bị bài, tự học theo hướng dẫn của giảng viên
Chapter 5: Implicature, Cooperative principle	3	1	2	6	12	
5.1. Implicature and Implication 5.2. Types of Implicature 5.3. Cooperative principle - In-class Test 1						Đọc bài 6, chuẩn bị bài, tự học theo hướng dẫn của giảng viên
Chapter 6: Speech Acts	2	1	2	5	10	
6.1. Utterances 6.2. Speech acts						Đọc bài 7, chuẩn bị bài, tự học theo hướng dẫn của giảng viên
Chapter 7: Politeness and cooperation in conversation	3	1	1	5	10	
7.1. Face 7.2. Politeness						Làm bài tập và ôn tập các nội

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.3. Conversation analysis 7.4. Pauses, overlaps and backchannels						dung đã học theo hướng dẫn của giảng viên.
Group presentation			5	5	10	
Cộng	16	11	18	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế**
 - * Tiếng Anh: **English for Economics**
- Mã học phần: NNTA25120
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: lý thuyết dịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 14 tiết
 - * Bài tập: 17 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
 - * Kiểm tra: 04 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
- + Ngữ âm: Kết thúc chương trình, sinh viên có thể phát âm rõ ràng các thuật ngữ chuyên ngành kinh tế
- + Ngữ pháp: Kết thúc chương trình, sinh viên có thể: (1) sử dụng thành thạo các thì đã học, và phân biệt được các từ loại như danh từ, tính từ, động từ, trạng từ, cụm danh từ; (2) phân

biệt các cấu trúc câu đơn, câu phức, câu ghép, câu so sánh, câu điều kiện, câu bị động, đại từ quan hệ.

- + Từ vựng: Kết thúc chương trình, sinh viên có đủ vốn từ vựng cơ bản về chuyên ngành kinh tế
- *Về kỹ năng*
- + Kỹ năng đọc hiểu: kết thúc chương trình, sinh viên có thể đọc hiểu các bài báo, bài luận về chuyên ngành kinh tế bằng tiếng Anh
- + Kỹ năng nói: kết thúc chương trình, sinh viên có thể thảo luận một số chủ đề liên quan tới chuyên ngành kinh tế bằng tiếng Anh;
- + Kỹ năng dịch: Kết thúc chương trình, sinh viên có thể dịch được một số câu đơn, câu phức, câu ghép về lĩnh vực kinh tế từ tiếng Anh sang tiếng Việt
- + Các nhóm kỹ năng khác: Kết thúc chương trình, sinh viên có thể (1) Sử dụng thành thạo các kỹ năng tổng hợp, phân tích và làm việc nhóm; (2) Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng Internet để phục vụ cho việc học tập môn tiếng Anh chuyên ngành kinh tế; (3) Thuyết trình về một số chủ đề đã học
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua sách và các nguồn ngữ liệu học tập và luyện tập tiếng Anh chung và trong lĩnh vực chuyên ngành.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế học (*English for Economics*) là môn học cung cấp cho người học các thuật ngữ tiếng Anh về Kinh tế học. Trong đó, đề cập tới kinh tế học trên bình diện rộng. Kinh tế học có hai bộ phận cấu thành hữu cơ là kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô.

Học phần bao gồm sáu chương sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản trong tiếng Anh về:

Chapter 1. What is Economics?

Chapter 2. The Market Forces of Supply and Demand

Chapter 3. Consumers, Producers, and the Efficiency of Markets

Chapter 4. Measuring a Nation's Income

Chapter 5. Fiscal Policies and Monetary Policies

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Mankiw, N.G. (2016). *Principles of macroeconomics*. Cengage Learning.
2. McTaggart, D., Findley, C., & Parkin, M. (1996). *Economics*. Addison.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Kinh tế học vi mô*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập;
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để làm bài tập ở nhà;
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tại nhà và sửa chữa trên lớp;
- Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☒	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Vấn đáp	☐	Thực hành	☐
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	---------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT, Tổng cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)
CHAPTER I: WHAT IS ECONOMICS?	2	3	2	7	14	Read <i>Economics</i>
1.1. Reading Comprehension 1.1.1 Definition of economics 1.1.2 What, How, and for Whom		3		3	6	p.2 p.3-4
1.2. Speaking: Discuss “three major problems of economic			2	2	4	
1.3 Grammar: Noun phrase 1.4 Vocabulary Consolidation – Exercises	2			2	4	
CHAPTER 2: THE MARKET FORCES OF SUPPLY AND DEMAND	4	4	2	10	20	Read <i>Principles of Mircroeconomics</i>
2.1 Reading Comprehension 2.1.1 Markets and competition 2.1.2 Demand 2.1.3 Supply 2.1.4 Supply and Demand Together	2	2		4	8	p.66 p.67-69 p.73-75 p.76
2.2 Speaking: Discuss “Supply and Demand Together”			1	1	2	
2.3 Grammar: Sentence Structure & Types of sentence 2.4 Vocabulary Consolidation – Exercises	2	2		4	8	
CHAPTER 3: CONSUMER, PRODUCER, AND MARKET EFFICIENCY	4	2	2	8	16	Read <i>Principles of Mircroeconomics</i>
3.1. Reading Comprehension	2	2		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)
3.1.1 Consumer Surplus: Willingness to pay 3.1.2 Producer Surplus: Cost and Willingness to sell 3.1.3 Market Efficiency: The invisible Hand can park your car						p.134 p.139 p.147
3.2. Speaking: Discuss “The Invisible Hand”			2	2	4	
3.3. Grammar: Passive Voice 3.4 Vocabulary Consolidation – Exercises	2			2	4	
Revision & Mid-term test 1			2	2	4	Revise Chapters 1,2,3
CHAPTER 4: MEASURING A NATION’S INCOME	3	3	2	8	16	Read <i>Principles of Macroeconomics</i>
4.1. Reading Comprehension 4.1.1 The Economy’s Income and Expenditure 4.1.2 The Components of U.S. GDP	1	2		3	6	p.190 p.197
4.2. Speaking: Discuss “GNP”			2	2	4	
4.3. Grammar: Restrictive Clause 4.4 Vocabulary Consolidation – Exercises	2			2	4	
CHAPTER 5: THE INFLUENCE OF MONETARY AND FISCAL POLICY ON AGGREGATE DEMAND	3	3	2	8	16	Read <i>Principles of Macroeconomics</i>
5.1 Reading Comprehension	1	3		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(6)
5.1.1 Monetary Policy Interest Rates in the Long Run and the Short Run						p.458
5.1.2 Fiscal Policy						
5.1.2.1 How Fiscal Policy might affect aggregate supply?						p.468
5.1.2.2 How large is the fiscal policy multiplier?						p.470-471
5.2. Speaking: Discuss “The Influence of Fiscal and Money Policy on Aggregate Demand”			2	2	4	
5.3. Grammar: Non – Restrictive Clause	2			2	4	
5.4 Vocabulary Consolidation – Exercises						
Revision & Mid-term test 2			2	2	4	
Cộng	14	17	14	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Lý thuyết Dịch**
 - * Tiếng Anh: **Theory of Translation and Interpreting**
- Mã học phần: NNTA2522
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nghe-Nói-Đọc-Viết 4
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
 - * Bài tập: 4 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 9 tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Hiểu được một số khái niệm cơ bản về biên, phiên dịch.
 - + Vận dụng được một số phương pháp dịch thuật khác nhau.
 - + Vận dụng được lý thuyết dịch căn bản vào các câu dịch và đoạn văn để có được các bài dịch tương đối hoàn thiện từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.
- Về kỹ năng:

- + Liệt kê được các thể loại dịch văn bản
- + Phân biệt được biên dịch và phiên dịch
- + Biết cách vận dụng các phương pháp biên, phiên dịch
- + Phát triển thêm các kỹ năng thảo luận, làm việc nhóm, kỹ năng ghi nhớ, tốc ký...
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua sách và các nguồn ngữ liệu học tập và luyện tập tiếng Anh nói chung cũng như thực hành dịch trong các hoạt động ngôn ngữ thực tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lý thuyết biên dịch, phiên dịch. Qua đó, tìm hiểu thêm về quá trình, phương pháp và kỹ năng biên dịch, phiên dịch. Sau môn học này, sinh viên biết vận dụng các vấn đề lý thuyết đã học để thực hành dịch một cách hiệu quả.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bui, T.B., & Dang, X.T. (2000). *Lý thuyết dịch- Interpreting and Translation Coursebook*. Hanoi University.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Luu, T.T. (2012). *An introduction to translation theories*. Ho Chi Minh City: Vietnam National University Press
2. Newmark, P. (1988). *A textbook of translation (Vol. 66)*. New York: Prentice hall.
3. Pöchhacker, F., & Shlesinger, M. (Eds.). (2002). *The interpreting studies reader*. Psychology Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra, bài tiểu luận, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐
 Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1 - An introduction of translation	2		1	3	6	
1.1. An introduction of translation 1.2. The dynamics of translation 1.3. Translation theory 1.4. Pre-translation considerations						Đọc tài liệu bài 2. Chuẩn bị bài, tự học theo hướng dẫn của giảng viên
Unit 2 - Process of translation	2		1	3	6	
2.1. The approach 2.2. The unit of translation 2.3. Translation methods						Đọc tài liệu bài 3. Chuẩn bị bài, tự học theo hướng

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						dẫn của giảng viên
Unit 3 - Translation strategies	2	1		3	6	
3.1. About language of translation 3.2. Difficulties in translation process 3.3. Strategies for translators						Đọc tài liệu bài 4. Chuẩn bị bài, tự học theo hướng dẫn của giảng viên
Unit 4 - Interpreting	1	1	1	3	6	
4.1. What is interpreting 4.2. Modes of interpreting 4.3. Interpreting process						Đọc tài liệu bài 5. Chuẩn bị bài, tự học theo hướng dẫn của giảng viên
Unit 5 – Helpful skills/attributes for interpreting	2		1	3	6	
5.1. Hearing ability 5.2. Public speaking skills 5.3. Conversation skills 5.4. Memory skills 5.5. Note-taking skills						Đọc tài liệu bài 6. Chuẩn bị bài, tự học theo hướng dẫn của giảng viên
Unit 6 – Codes of ethics for interpreters	2		1	3	6	
6.1. Some practical techniques for on-site interpreters 6.2. Putting your role in practice						Đọc tài liệu bài 7. Chuẩn bị bài, tự học theo hướng dẫn của giảng viên
Unit 7 – Translation quality assessment	3	1	1	5	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.1. Standards for translation quality assessment 7.2. Methods of evaluating translations						Làm bài tập và ôn tập các nội dung đã học theo hướng dẫn của giảng viên
Practice and Review	1	1	1	3	6	
Test			1	1	2	
Peer assignment			3	3	6	
Cộng	15	4	11	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Biên dịch**
 - * Tiếng Anh: **Translation**
- Mã học phần: NNTA2523
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nghe-Nói-Đọc-Viết 4
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 25tiết
 - * Bài tập: 15tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 03tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Nắm vững được khái niệm cơ bản trong biên dịch: thế nào là biên dịch, các loại hình và tình huống biên dịch, v.v...
 - + Có kiến thức nền về các chủ đề thường gặp như kinh tế, xã hội, khoa học, giáo dục, văn hóa, v.v...
 - + Nắm được các kiến thức liên quan tới loại hình biên dịch

- *Về kỹ năng*: Thực hành và phát triển các kỹ năng cơ bản trong biên dịch, chuyển đổi tài liệu dạng văn bản từ ngôn ngữ cần biên dịch này sang ngôn ngữ đích, bao gồm: vận dụng cấu trúc câu và các điểm ngữ pháp trong dịch thuật, dịch cụm từ cho đến câu phức hợp, áp dụng đảo ngữ và hình thức nhấn mạnh, biên dịch từ một đoạn văn ngắn cho đến cả một bài văn.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:
 - + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
 - + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
 - + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
 - + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua sách và các nguồn ngữ liệu học tập và luyện tập tiếng Anh chung cũng như trong thực hành biên dịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Khoá học cung cấp cho sinh viên những điều căn bản nhất của kỹ năng dịch. Học phần này được thiết kế như phần nhập môn về lịch sử, lý thuyết và thực hành dịch thuật từ Việt sang Anh và từ Anh sang Việt, gồm 5 chương lý thuyết và các phần thực hành tương ứng

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hatim, B & I, Mason (1990). *Discourse and the Translator*. London/ Newyork. Longman.
2. Nguyễn Đức Châu (2004) Phương pháp mới Phiên dịch Biên dịch Anh-Việt, Việt-Anh (cuốn 1). Nhà Xuất Bản trẻ.
3. Newmark, P (1988). *A textbook of Translation*. Prentice Hall International.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Baker, M. (1992). *In other words: A Course book on Translation*. London and New York; Routledge.
2. Koller, W. (1969). *Equivalence in translation Theory in Readings in Translation Theory*. Layman Kirjipaino Oy.
3. Bell, R.T. (1991). *Translation and Translating: Theory and practice*. New York: Long man Inc.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐

Phân tích, xử lý số liệu ☐ Trình bày báo cáo khoa học ☐ Tự học ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐
 Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
FORM AND MEANING						- Đọc tài liệu về phần lý thuyết dịch. - Tra từ và cụm từ liên quan và dịch phần bài tập thực hành
1. What is translation	2	1		3	6	
2. Characteristics of language that affect translation	2	1	1	4	8	
KINDS OF TRANSLATION						- Đọc tài liệu về phần lý thuyết dịch.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Literal versus idiomatic	1	1		2	4	- Tra từ và cụm từ liên quan và dịch phần bài tập thực hành
2. Translating grammatical features	1	1	1	3	6	
3. Translating lexical features	2	1		3	6	
STEPS IN TRANSLATING PROJECT						
1. Establishing the project	1	1		2	4	- Đọc tài liệu về phần lý thuyết dịch. - Tra từ và cụm từ liên quan và dịch phần bài tập thực hành
2. Exegesis	1	1		2	4	
3. Transfer and initial draft	1	1		2	4	
4. Evaluation	1	2		2	4	
5. Revised	1	1		2	4	
6. Consultation	1			1	2	
7. Final draft	1			1	2	
STRATEGIES FOR TRANSLATION						
Strategy 1: How to deal with non-equivalent at lexical Level	1	1		2	4	- Đọc tài liệu về phần lý thuyết dịch. - Tra từ và cụm từ liên quan và dịch phần bài tập thực hành
Strategy 2: How to deal with idioms and set expressions	1	1		2	4	
Strategy 3:How to deal with voice, number and person	1	1		2	4	
Strategy 4: How to deal with non – subject sentences	1			1	2	
Test 1	1			1	2	
PATTERNS AND SOURCES OF ORRORS MADE BY VIETNAMESE TRANSLATION						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Linguistic errors 1.1 lexical errors 1.2. Structural errors	2	1		3	6	- Đọc tài liệu về phần lý thuyết dịch. - Tra từ và cụm từ liên quan và dịch phần bài tập thực hành
2. Style errors	2	1		3	6	
3. Cultural errors	2		1	3	6	
REVIEW		1		1	2	Ôn lại tất cả các phần lý thuyết và dịch thực hành
Kiểm tra			1	1		
Cộng	25	15	5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - *Tiếng Việt: **Phiên Dịch**
 - *Tiếng Anh: **Interpretation**
- Mã học phần: NNTA2524
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết dịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - * Bài tập: 15 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 3 tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Cung cấp kiến thức tổng quát về các đề tài như kinh doanh, xã hội, giáo dục, du lịch, thể thao, chính trị...
 - + Củng cố một số điểm ngữ pháp cơ bản và vốn từ vựng có liên quan.
 - + Xây dựng kiến thức về các đặc ngữ, thành ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt.
- Về kỹ năng:

- + Vận dụng có hiệu quả cấu trúc tiếng Anh và tiếng Việt để dịch nói lưu loát và chính xác
- + Nghe, hiểu và nhận diện được các giọng đọc khác nhau của người bản ngữ.
- + Hình thành thói quen đoán trước nội dung qua ngữ cảnh.
- + Củng cố khả năng ghi chú nhanh khi nghe.
- + Xử lý tốt áp lực về thời gian.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua sách và các nguồn ngữ liệu học tập và luyện tập tiếng Anh chung cũng như trong thực hành phiên dịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Phiên dịch Anh – Việt được thực hiện với mục tiêu giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về phiên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Qua đó sinh viên nắm được cấu trúc câu đặc trưng và vốn từ vựng phong phú của cả hai ngôn ngữ để phiên dịch chính xác nội dung. Các bài học còn được thiết kế nhằm giúp sinh viên hình thành thói quen ghi nhớ, ghi chú nhanh thông tin khi nghe cũng như khả năng phản xạ tốt phục vụ cho công việc.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Đức Châu (2004). *Phương pháp mới Phiên dịch- Biên dịch Anh-Việt, Việt-Anh (cuốn 1)*. Nhà Xuất bản Trẻ.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Today English, Special English, Sunflower magazines.
2. Nguyễn Quốc Hùng (2012). *Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh*. NXB Tổng Hợp Tp.HCM.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 70% số tiết học.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập và bài thực hành nhóm.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	☐	Trắc nghiệm	☐	Vấn đáp	☐	Thực hành	☐
---------	--------------------------	-------------	--------------------------	---------	--------------------------	-----------	--------------------------

Khác ☒: *Thí sinh sẽ được nghe hai đoạn văn bản (tiếng Anh và tiếng Việt) trong phòng Lab. Sau đó, lần lượt dịch và hệ thống ghi âm trực tiếp phần dịch của thí sinh đó để lưu và chấm sau.*

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Giới thiệu Ôn tập về lý thuyết phiên dịch	2	1	1	4	8	Nghiên cứu trước: Phần lý thuyết phiên dịch
A-V Unit 1: Thanksgiving V-A Unit 1	2	1	1	4	8	Nghiên cứu trước: • Ôn lại nội dung đã học ở học Buổi 1. • Nghe trước bài

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Tra cứu nội dung về Lễ Tạ ơn
A-V Global Employment V-A Unit 2	2	1		3	6	Nghiên cứu trước: - Ôn lại nội dung đã học ở học các bài trước. - Nghe trước bài - Tra cứu nội dung về việc làm
A-V Mobile Technology V-A Unit 3	2	1		3	6	Nghiên cứu trước: - Ôn lại nội dung đã học ở học các bài trước. - Nghe trước bài - Tra cứu nội dung về công nghệ
A-V New Rules aims to improve food safety V-A Unit 4	2	1	0	3	6	-Nghiên cứu trước: - Ôn lại nội dung đã học ở học các bài trước. - Nghe trước bài - Tra cứu nội dung về an toàn thực phẩm
A-V The business of Christmas tree V-A Unit 5	2	1		3	6	Nghiên cứu trước: - Ôn lại nội dung đã học ở học các bài trước. - Nghe trước bài - Tra cứu nội dung về Giáng sinh
A-V Small changes in teaching V-A Unit 6	2	1		3	6	Nghiên cứu trước: - Ôn lại nội dung đã học ở học các bài trước. - Nghe trước bài - Tra cứu nội dung về giáo dục
A-V Water problem in a	2	1		3	6	Nghiên cứu trước: Ôn lại nội dung đã học ở học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
world of insecurity V-A Unit 7						các bài trước. - Nghe trước bài - Tra cứu nội dung về việc sử dụng nước
Kiểm tra giữa học phần			1	1	2	Ôn lại các bài đã học
A-V A Call for equal Rights for Women Farmers V-A Unit 8	2	1		3	6	Nghiên cứu trước: - Ôn lại nội dung đã học ở học các bài trước. - Nghe trước bài - Tra cứu nội dung về nông nghiệp
A-V Making power from coconut shells V-E Unit 9	2	1		3	6	Nghiên cứu trước: - Ôn lại nội dung đã học ở học các bài trước. - Nghe trước bài - Tra cứu nội dung về điện năng
A-V Smoking, diesel exhaust and cancer V-A Unit 10	2	1	1	4	8	Nghiên cứu trước: - Ôn lại nội dung đã học ở học các bài trước. - Nghe trước bài - Tra cứu nội dung về mối liên hệ giữa việc hút thuốc lá và ung thư
A-V Malnutrition V-A Unit 11	1	1		2	4	Nghiên cứu trước: - Ôn lại nội dung đã học ở học các bài trước. - Nghe trước bài - Tra cứu nội dung về tình trạng suy dinh dưỡng
A-V New Healcare	1	1		2	4	Nghiên cứu trước:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
system for US V-A Unit 12						• Ôn lại nội dung đã học ở học các bài trước. • Nghe trước bài • Tra cứu nội dung về hệ thống y tế Mỹ
A-V Mobile banking V-A Unit 13	1	2		3	6	Nghiên cứu trước: • Ôn lại nội dung đã học ở học các bài trước. • Nghe trước bài • Tra cứu nội dung về dịch vụ ngân hàng qua điện thoại
Cộng	25	15	5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Thực hành biên dịch chuyên ngành**
 - * Tiếng Anh: **Specialized Translation Practice**
- Mã học phần: NNTA2525
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết dịch; thực hành phiên dịch; thực hành biên dịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 11 tiết
 - * Bài tập/thực hành: 16 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm/cặp: 16 tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Tăng cường vốn từ vựng liên quan đến chuyên ngành; nắm vững những kiến thức lý thuyết cơ bản của dịch thuật, các phương pháp dịch thuật và các cấu trúc ngữ pháp, những điểm tương đồng và khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong các kiểu dịch Anh - Việt, Việt - Anh liên quan đến chuyên ngành.

- *Về kỹ năng*: Bước đầu hình thành thói quen tuân theo những bước chính của quá trình biên dịch như phân tích - chuyển đổi - tái tạo cấu trúc; có khả năng dịch xuôi và dịch ngược các đoạn văn ngắn (từ 100 đến 250 từ) liên quan đến chuyên ngành hay những văn bản chuyên ngành có độ dài không quá lớn và nội dung không quá phức tạp.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:
 - + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
 - + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
 - + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
 - + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua sách và các nguồn ngữ liệu học tập và luyện tập tiếng Anh chung cũng như trong các hoạt động thực hành biên dịch chuyên ngành.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu một cách khái quát về các kỹ thuật và phương pháp dịch, căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành các đơn vị bài học bao quát những nội dung cơ bản về các chuyên ngành chính như: môi trường, biến đổi khí hậu, quản lý đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn, và trắc địa bản đồ.

- Unit 1: Overview and Translation methods
- Unit 2: Environmental science
- Unit 3: Climate change
- Unit 4: Land administration
- Unit 5: Geology and minerals
- Unit 6: Surveying

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Tài liệu do giảng viên lựa chọn phù hợp từ các nguồn chính thống như tạp chí, sách, liên quan tới các chủ đề chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lý đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn và trắc địa bản đồ.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ban Từ điển, NXB Khoa học và Kỹ thuật biên soạn (2001), *Từ điển Môi trường và phát triển bền vững Anh - Việt, Việt - Anh*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
2. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường biên soạn (2002), *Từ điển Môi trường Anh - Việt*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.
3. *Environmental encyclopedia*, Fourth edition, Gale Cengage learning (2011).
4. Võ Chí Mỹ (2008), *Từ điển kỹ thuật trắc địa - bản đồ Anh - Việt*, Nxb Bản đồ Hà Nội.

5. Brown, Geoffrey Samuelson (1995), *A practical guide for translators*, University of Surrey.
6. Bộ Tài nguyên và Môi trường biên soạn (2015), *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành môi trường*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
7. Calar W.Montgomery (9th edition), *Environmental geology*.
8. Chris Pellant (1995), *Rock and minerals*, published by Kyodo printing company. Singapore.
9. Geo-spatial Information Science (2014), *English for geomatics engineering*, Wuhan University Press.
10. Hoàng Văn Vân (2005), *Nghiên cứu dịch thuật*, Nxb Khoa học Xã hội.
11. Janet Hardy - Groud, *News and current affairs - Series 2*. BBC World.
12. Minh Thu - Nguyễn Hoà (2009), *Hướng dẫn dịch và đọc báo chí tiếng Anh*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Newmark, Peter (1998), *Approaches to translation*, Pergamon Press.
14. Nguyễn Quốc Hùng (2007), *Hướng dẫn kỹ thuật biên dịch Anh-Việt, Việt -Anh*, Nxb Văn hoá Sài Gòn.
15. Phạm Xuân Thảo (1996), *Luyện đọc và phiên dịch báo chí Anh Mỹ*, Nxb Đồng Nai.
16. Richard Lee (2009), *English for environmental science*, Garnet Publishing Ltd.
17. <https://www.tedtalks.com>
18. <https://www.national-geographic.com>
19. <https://www.vietnamnews.vn>
20. <https://www.tapchimoitruong.vn>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐
 Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1: Overview and translation methods	1	1	1	3	10	Thảo luận theo nhóm để tìm hiểu về các kỹ thuật dịch; cách vận dụng chúng vào việc dịch một số văn bản chuyên ngành.
1. Overview of the course 1.1. Objectives of the course 1.2. Requirements and guides to fulfill the objectives 1.3. Learning activities and assessment	1			1	5	
2. Translation methods 2.1. Word for word translation 2.2. Literal translation 2.3. Faithful translation 2.4. Adaptation 2.5. Free translation 2.6. Idiomatic translation	1		1	2	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 2: Environmental science	2	3	3	8	15	Thảo luận theo cặp để tìm hiểu từ, cấu trúc và cùng thảo luận về phương pháp dịch các câu, đoạn văn được trích từ sách, báo, tạp chí hoặc bản tin tiếng Anh có liên quan đến chủ đề khoa học môi trường
1. Definition and branches of environmental science	1	1	1	3	7	
2. Main roles of environmentalists 2.1.Environmental analysis 2.2.Environmental consultancy 2.3.Environmental management 2.4.Environmental protection 2.5.Environmental education	1	2	2	5	8	
Unit 3: Climate change	2	3	3	8	15	
3. Causes and consequences of climate change	1	1.5	1.5	4	7	Thảo luận theo nhóm để tìm hiểu từ, cấu trúc và cùng thảo luận về phương pháp dịch các câu, đoạn văn được trích từ sách, báo, tạp chí hoặc bản tin tiếng Anh có liên quan đến chủ đề biến đổi khí hậu
4. Effects of climate change	1	1.5	1.5	4	8	
Unit 4: Land administration	2	3	3	8	15	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4. Definition and importance of land administration	1	1	1	3	7	Thảo luận theo nhóm để tìm hiểu từ, cấu trúc và cùng thảo luận về phương pháp dịch các các câu, đoạn văn được trích từ sách, báo, tạp chí hoặc bản tin tiếng Anh có liên quan đến chủ đề quản lý đất đai
5. Land legislation	1	2	2	5	8	
Unit 5: Geology and minerals	2	3	3	8	15	
1. Structure of the earth	1	1.5	1.5	4	7	Thảo luận theo nhóm để tìm hiểu từ, cấu trúc và cùng thảo luận về phương pháp dịch các các câu, đoạn văn được trích từ sách, báo, tạp chí hoặc bản tin tiếng Anh có liên quan đến chủ đề địa chất học và khoáng sản
2. Mineral resources management	1	1.5	1.5	4	8	
Unit 6: Surveying	2	3	3	8	15	
4. Definition and branches of surveying	1	1	1	3	7	Thảo luận theo cặp để tìm hiểu từ, cấu trúc và cùng thảo luận về phương pháp dịch các câu, đoạn văn được trích từ sách, báo, tạp chí hoặc bản tin tiếng Anh có liên quan đến chủ đề địa chất học và khoáng sản
5. Uses of surveying	1	2	2	5	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Anh có liên quan đến chủ đề trắc địa bản đồ
Kiểm tra			2	2	5	Làm bài kiểm tra kết thúc học phần
Cộng	11	18	16	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Thực hành phiên dịch chuyên ngành**
 - * Tiếng Anh: **Specialized Interpretation Practice**
- Mã học phần: NNTA2526
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết dịch; thực hành phiên dịch; thực hành biên dịch
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 14 tiết
 - * Bài tập/thực hành: 13 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm/cặp: 16 tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Tăng cường vốn từ vựng liên quan đến chuyên ngành; nắm vững những kiến thức lý thuyết cơ bản của dịch thuật, các phương pháp dịch thuật và các cấu trúc ngữ pháp, những điểm tương đồng và khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt trong các kiểu phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh liên quan đến chuyên ngành.

- *Về kỹ năng*: Có thể dịch nói (dịch đuôi) được ở mức độ cơ bản giữa hai ngôn ngữ Anh - Việt, Việt - Anh những chủ đề mang tính chuyên ngành; có khả năng nghe và dịch xuôi hoặc dịch ngược bằng kỹ thuật decoding (giải mã) và paraphrasing (diễn đạt lại theo cách khác).
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:
 - + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
 - + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
 - + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
 - + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua sách và các nguồn ngữ liệu học tập và luyện tập tiếng Anh chung cũng như trong các hoạt động thực hành phiên dịch chuyên ngành.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu một cách khái quát về các kỹ thuật và phương pháp dịch nói, căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành các đơn vị bài học bao gồm các bản tin, bài phát biểu trên truyền hình hay các bài giảng liên quan đến các chuyên ngành như: môi trường, biến đổi khí hậu, quản lý đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn và trắc địa bản đồ.

- Unit 1: Overview and Modes of interpreting
- Unit 2: Environmental science
- Unit 3: Climate change
- Unit 4: Land administration
- Unit 5: Geology
- Unit 6: Surveying

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Tài liệu giảng dạy bao gồm các bản tin, bài phát biểu và các bài giảng do giảng viên cung cấp liên quan tới các chủ đề chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lý đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn và trắc địa bản đồ được lấy từ nhiều nguồn khác nhau.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ban Từ điển, NXB Khoa học và Kỹ thuật biên soạn (2001), *Từ điển Môi trường và phát triển bền vững Anh - Việt, Việt - Anh*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
2. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường biên soạn (2002), *Từ điển Môi trường Anh - Việt*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.

3. *Environmental encyclopedia*, Fourth edition, Gale Cengage learning (2011).
4. Võ Chí Mỹ (2008). *Từ điển kỹ thuật trắc địa - bản đồ Anh - Việt*, Nxb Bản đồ Hà Nội.
5. Brown, Geoffrey Samuelson (1995). *A practical guide for translators*, University of Surrey.
6. Bộ Tài nguyên và Môi trường biên soạn (2015). *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành môi trường*. Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
7. Calar W.Montgomery (9th edition). *Environmental geology*.
8. Chris Pellant (1995). *Rock and minerals*. Kyodo Printing Company, Singapore.
9. Geo-spatial Information Science (2014). *English for geomatics engineering*. Wuhan University Press.
10. Hoàng Văn Vân (2005). *Nghiên cứu dịch thuật*. Nxb Khoa học Xã hội.
11. Janet Hardy – Groud. *News and current affairs - Series 2*. BBC World.
12. Minh Thu - Nguyễn Hoà (2009). *Hướng dẫn dịch và đọc báo chí tiếng Anh*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Newmark, Peter (1998). *Approaches to translation*. Pergamon Press.
14. Nguyễn Đức Hoạt (2014). *Translation 1*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
15. Nguyễn Quốc Hùng (2007). *Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh-Việt, Việt –Anh*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Phạm Xuân Thảo (1996). *Luyện đọc và phiên dịch báo chí Anh Mỹ*. Nxb Đồng Nai.
17. Richard Lee (2009). *English for environmental science*. Garnet Publishing Ltd.
18. <https://www.youtube.com/watch?v=IIJOmd-sF-c>
19. <https://www.tedtalks.com>
20. <https://www.national-geographic.com>
21. <https://www.vietnamnews.vn>
22. <https://www.tapchimoitruong.vn>

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích tài liệu	☒	Trình bày báo cáo	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☐	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☒	Thực hành	☐	Khác	☒

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

Khác ☒: *Thí sinh sẽ được nghe hai đoạn văn bản (tiếng Anh và tiếng Việt) trong phòng Lab. Sau đó, lần lượt dịch và hệ thống ghi âm trực tiếp phần dịch của thí sinh đó để lưu và chấm sau.*

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1: Overview and Modes of interpreting	1	1	1	3	10	Thảo luận theo nhóm để tìm hiểu về các kỹ thuật dịch xuôi và ngược; cách vận dụng chúng vào việc dịch một số văn bản chuyên ngành.
1. Overview of the course 1.1. Objectives of the course 1.2. Requirements and guides to fulfill the objectives 1.3. Learning activities and assessment	1			1	5	
2. Modes of interpreting	1		1	2	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Consecutive interpreting: sentence by sentence; the whole speech and liaison interpreting 2.2. Simultaneous interpreting: sight translation; whispered interpretation and electronic hook-up						
Unit 2: Environmental science	3	3	4	10	15	Nghe toàn bài 2 lần; nghe từng câu 3 lần; thực hành dịch đuổi cá nhân hoặc theo nhóm. 1. https://www.youtube.com/watch? <u>Link:</u> https://www.youtube.com/watch?v=WmVLcj-XXnM&t=6s - Thảo luận theo cặp để tìm hiểu từ, cấu trúc và cùng thảo luận về phương pháp dịch nói các câu từ bài nghe và tài liệu được chọn.
1. How we can keep plastic out of our ocean (English - Vietnamese)	1	1	1	3	5	
2. Bảo vệ môi trường (Vietnamese - English)	1	1	2	4	5	
3. Julia Robert’s speech on mother nature (English - Vietnamese)	1	1	1	3	5	
Unit 3: Climate change	3	3	3	9	15	
1. President Obama’s speech on climate change (English - Vietnamese)	1	1	1	3	5	- Nghe toàn bài 2 lần; nghe từng câu 3 lần; thực hành dịch đuổi
2. Hiệp ước Kyoto	1	1	1	3	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
(Vietnamese - English)						cá nhân hoặc theo nhóm: <u>Links:</u> https://www.youtube.com/watch?v=IIJ0md-sF-c&t=11s https://www.youtube.com/watch?v=cMT87OP21mo&t=4s
3. A creative approach to climate change (English - Vietnamese)	1	1	1	3	5	- Thảo luận theo cặp để tìm hiểu từ, cấu trúc và cùng thảo luận về phương pháp dịch nói các câu từ bài nghe và tài liệu được chọn.
Unit 4: Land administration	2	3	3	8	15	
1. Vietnam land administration project (English - Vietnamese)	1	1	1	3	5	- Nghe toàn bài 2 lần; nghe từng câu 3 lần; thực hành dịch đuổi cá nhân hoặc theo nhóm: <u>Links:</u> 1. https://www.youtube.com/watch?v=AR3Sbh0T8AU&t=199s 2. https://www.youtube.com/watch?v=fCf4AkVWZNY
2. Luật đất đai (Vietnamese - English)	0.5	1	1	2.5	5	
3. Modernize your land administration	0.5	1	1	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						- Thảo luận theo nhóm để tìm hiểu từ, cấu trúc và cùng thảo luận về phương pháp dịch nói các câu từ bài nghe và tài liệu được chọn.
Unit 5: Geology and minerals	2	2	3	7	15	
1. Geological history of earth (English - Vietnamese)	1	1	1	3	5	- Nghe toàn bài 2 lần; nghe từng câu 3 lần; thực hành dịch đuổi cá nhân hoặc theo nhóm: <u>Links:</u> 1. https://www.youtube.com/watch?v=_UuDFkXxEhI 2. https://www.youtube.com/watch?v=D MdsTrrmNJo
	0.5	0.5	1	2	5	
2. So sánh kích thước của trái đất với các hành tinh khác (Vietnamese - English)	0.5	0.5	1	2	5	- Thảo luận theo nhóm để tìm hiểu từ, cấu trúc và cùng thảo luận về phương pháp dịch nói các câu từ bài nghe và tài liệu được chọn.
Unit 6: Surveying	2	2	2	6	15	
1. How does land surveying work? (English - Vietnamese)	1	1	1	3	7	- Nghe toàn bài 2 lần; nghe từng câu 3 lần; thực hành dịch đuổi

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2. Giới thiệu về hệ thống định vị toàn cầu (Vietnamese - English)	1	1	1	3	8	cá nhân hoặc theo nhóm: <u>Links:</u> https://www.youtube.com/watch?v=SPCewaAfqPA - Thảo luận theo nhóm để tìm hiểu từ, cấu trúc và cùng thảo luận về phương pháp dịch nói các câu từ bài nghe và tài liệu được chọn.
Kiểm tra			2	2	5	Làm bài kiểm tra kết thúc học phần
Cộng	14	13	18	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Tiếng Anh Thư tín thương mại**
 - * Tiếng Anh: **English for Commercial Correspondence**
- Mã học phần: NNTA2601
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nghe-Nói-Đọc-Viết 5
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
 - * Bài tập: 9,5 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 9,5 tiết
 - * Kiểm tra: 03 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + + Vận dụng các quy định quốc tế về trình bày văn bản đối ngoại để trình bày văn bản đối ngoại đúng quy cách.
 - + + Vận dụng các quy định quốc tế về trình bày thư tín thương mại để trình bày thư tín thương mại đúng quy cách.
- Về kỹ năng:

- + Xác định được tình huống giao tiếp để sử dụng loại văn bản phù hợp;
- + Giải quyết triệt để vấn đề đặt ra thông qua văn bản (bằng cách giải thích, cung cấp thông tin, xác nhận, v.v.)
- + Trình bày nội dung văn bản cụ thể, rõ ràng bằng tiếng Anh
- + Trình bày nội dung văn bản súc tích, ngắn gọn bằng tiếng Anh
- + Sử dụng từ ngữ chính xác, phù hợp khi soạn thảo các loại văn bản bằng tiếng Anh.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực chuyên môn;
- + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giới thiệu các hệ thống quy chuẩn quốc gia và quy định quốc tế về thể thức trình bày và soạn thảo các loại văn bản thông dụng trong công việc đối ngoại của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bằng tiếng Anh.

Trong quá trình học, sinh viên tìm hiểu và vận dụng các hệ thống này để soạn thảo các loại văn bản phục vụ cho nhiều mục đích giao tiếp trong môi trường làm việc.

Sinh viên cũng học và thực hành các kỹ năng viết các loại văn bản khác nhau.

Ngoài ra, sinh viên cũng rèn luyện thể hiện những thái độ giao tiếp khác nhau thông qua văn bản để phù hợp với các tình huống giao tiếp trong công việc.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Ashley (2008). *Oxford Handbook of Commercial Correspondence*. Oxford Press.
2. Littlejohn (2005). *Company to Company - A task-based approach to business emails, letters and faxes*. Cambridge University Press.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Sandra E. Lamb (2006). *How to write it: A complete guide*. Ten Speed Press
2. Daphne Mackey (2004). *Send me a message – A step by step approach to business and professional writing*. McGraw-Hill Publisher.
3. Shirley Taylor (2018). *Model Business Letters, Emails and Other Business Documents (7th edition)*. FT Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình



Phát vấn



Đàm thoại



Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Vấn đáp	☐	Thực hành	☐
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	---------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1 Giới thiệu môn học và các khái niệm cơ bản 1.1. Giới thiệu môn học 1.2. Khái niệm về văn bản đối	2	0.5	0.5	3	6	Đọc tài liệu trang 7 – 29, tài liệu tham

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ngoại 1.3. Khái niệm thư tín thương mại						khảo trang 2 - 14
Module 2 Quy định trình bày thư tín thương mại 2.1. Khái niệm 2.2. Quy định trình bày thư tín thương mại.	2	0.5	0.5	3	6	Nghiên cứu trước: Thư báo giá; Ôn lại nội dung đã học ở phần trên; Làm việc nhóm (theo danh sách phân nhóm)
Module 3 Kỹ thuật soạn, trình bày và sử dụng thư tín thương mại 3.1. Enquiries (Thư yêu cầu) 3.2. .Replies and quotations (Trả lời và báo giá)	2	0.5	0.5	3	6	Nghiên cứu trước giáo trình: nội dung phần 4.1; Ôn lại nội dung đã học ở phần trên; Làm việc nhóm (theo danh sách phân nhóm)
Module 4 Kỹ thuật soạn, trình bày và sử dụng thư tín thương mại 4.1. Sales and Promotional (Bán hàng và khuyến mãi)	2	0.5	0.5	3	6	Nghiên cứu trước giáo trình: nội dung phần 5.1; Ôn lại nội dung đã học; Làm việc nhóm (theo danh sách phân nhóm)
Module 5 Kỹ thuật soạn, trình bày và sử dụng thư tín thương mại 5. 1. Orders	2	0.5	0.5	3	6	Chuẩn bị bài 6.1, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 6 Kỹ thuật soạn, trình bày và sử dụng thư tín thương mại 6.1. Payment	2	0.5	0.5	3	6	Chuẩn bị bài 7.1, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của GV
Module 7 Kỹ thuật soạn, trình bày và sử dụng thư tín thương mại 7.1. Complaints and adjustments	2	0.5	0.5	3	6	Chuẩn bị bài 8.1, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Consolidation and Midterm test		1.5	1.5	3	6	SV ôn tập dưới sự hướng dẫn của GV; Chuẩn bị bài 8
Module 8 Kỹ thuật soạn, trình bày và sử dụng thư tín thương mại 8.1. Agents and agencies	2	0.5	0.5	3	6	Chuẩn bị bài 9.1, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Module 9 Kỹ thuật soạn, trình bày và sử dụng thư tín thương mại 9.1. Agent and agencies (cont)	2	0.5	0.5	3	6	Chuẩn bị bài 10.1, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Module 10 Kỹ thuật soạn, trình bày và sử dụng thư tín thương mại 10.1 Transportation and shipping	2	0.5	0.5	3	6	Chuẩn bị bài 11.1, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Module 11 Kỹ thuật soạn, trình bày và sử dụng thư tín thương mại 11.1. Personnel Appointment	2	0.5	0.5	3	6	Chuẩn bị bài 12.1, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 12 Kỹ thuật soạn, trình bày và sử dụng thư tín thương mại 12.1. Community activities letter	2	0.5	0.5	3	6	Chuẩn bị bài 13.1, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
Module 13 Kỹ thuật soạn, trình bày và sử dụng thư tín thương mại 13.1.Miscellaneous correspondence	2	0.5	0.5	3	6	Chuẩn bị bài ôn tập củng cố từ Module 1- 13 để kiểm tra
Consolidation and final test		1.5	1.5	3	6	
Cộng	26	9.5	9.5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Từ vựng học**
 - * Tiếng Anh: **Lexicology**
- Mã học phần: NNTA2514
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo: Sinh viên hoàn tất các học phần phát triển 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết cũng như những môn học nền tảng khác về ngôn ngữ như Ngữ âm – Âm vị, Cú pháp – Hình thái học.

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nghe-Nói-Đọc-Viết 5
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết
 - * Bài tập : 14 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm : 10 tiết
 - * Kiểm tra : 03 tiết
- Thời gian tự học : 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
- + Vận dụng những kiến thức về đối tượng, mục tiêu, vai trò của từ vựng học, từ đó thấy được sự khác biệt giữa nó và các môn học khác về ngôn ngữ;
- + Phân biệt được các loại từ, các mối quan hệ về từ và nghĩa, sự đa nghĩa của ngôn ngữ

cũng như mối quan hệ giữa nghĩa và người sử dụng;

- + Xác định được ý nghĩa của từ, ngữ, câu và biết cách vận dụng các quy luật kết hợp từ, ngữ, câu để diễn đạt ý nghĩa.
- *Về kỹ năng:*
- + Nhận diện, phân biệt và trình bày lại cũng như giải thích được các khái niệm, hiện tượng thuộc lĩnh vực từ vựng học;
- + Áp dụng các kiến thức từ vựng học đã học để diễn đạt ý tưởng tốt nhất và hiệu quả nhất trong giao tiếp hằng ngày cũng như trong các tình huống giao tiếp kinh doanh;
- + Diễn giải được các từ, ngữ, cấu trúc câu trong các văn bản, bản tin, hội thảo kinh tế; phát huy kỹ năng làm việc nhóm, trình bày trao đổi đóng góp ý kiến, phản biện bảo vệ quan điểm của mình;
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực, tự tin trong giao tiếp và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua sách và các nguồn ngữ liệu học tập và luyện tập tiếng Anh.
- + Có ý thức giữ gìn, bảo vệ và phát huy sự trong sáng của ngôn ngữ trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc để đạt được hiệu quả giao tiếp tốt nhất.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Từ vựng học là môn học không thể thiếu trong ngôn ngữ học tiếng Anh. Từ vựng học tiếng Anh là một học phần của Ngôn ngữ học tiếng Anh dành cho sinh viên của Bộ môn ngôn ngữ Anh. Môn học giới thiệu về từ vựng học này sẽ đi từ lý thuyết đến thực hành, với mục tiêu chính là giúp sinh viên hiểu được khái niệm về từ vựng, nguồn gốc của nó, hệ thống ngữ nghĩa của từ vựng, sự phát triển của từ vựng và sự tiếp biến từ vựng trong từ điển. Sinh viên cũng hiểu được bản chất của từ và các phương thức cấu tạo từ, thấy được tính đặc biệt của từ, nhất là ranh giới từ trong tiếng Anh, phân tích được nghĩa của từ; phân loại được vốn từ tiếng Anh thành các nhóm theo nguồn gốc, theo phạm vi sử dụng ...

Thông qua việc nắm bắt những kiến thức này, sinh viên có khả năng áp dụng vào việc phân tích nghĩa, từ đó thúc đẩy quá trình học tập và nghiên cứu ngôn ngữ, vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong kinh doanh. Môn học được tiến hành thông qua sự kết hợp các hình thức dạy và học đa dạng như giảng bài, thực hành, thảo luận nhóm, thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên cũng được khuyến khích tự học và nghiên cứu thêm ngoài giờ lên lớp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Jackson, H. & Amvela, E.Z. (2007). *Words, meaning and vocabulary :an introduction to modern English lexicology*. 2nd ed. New York: Continuum.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Adams, V. (1973). *An introduction to modern English word-formation*. London: Longman.
2. Aichison, J. (1998). *Words in the mind*. Oxford: OUP.
3. Crystal, D. (1995). *The Cambridge encyclopedia of the English language*. Cambridge: CUP.
4. Lipka, L. (2002). *English Lexicology*. Tuebingen: Narr.
5. Stockwell, R. & Minkova, D. (2001). *English words. History and Stucture*. Cambridge: CUP.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	----------------	--------------------------

Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1. Introduction to English Lexicology: What is lexicology? 1.1. Lexicology defined 1.2. Lexicology as a level of language analysis 1.3. The structure of English vocabulary 1.4. Summary	2	1	1	4	8	Phân nhóm theo danh sách, thảo luận bài theo yêu cầu của giảng viên. Chuẩn bị Module 2
Module 2. Where do English words come from? 2.1. The origin of English 2.2. Historical development of English vocabulary 2.3 Native English vocabulary 2.4 Summary	2	1	1	4	8	Thảo luận theo danh sách dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Chuẩn bị bài Module 3
Module 3. Where do English words come from? (cont.) 3.1. The process of borrowing 3.2 Creating new English words 3.3. Characteristics of modern English vocabulary 3.4 Summary	2	1	1	4	8	Nghiên cứu trước giáo trình: Thảo luận theo danh sách dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Chuẩn bị bài Module 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 4. Words in dictionaries 4.1. Repositories of words 4.2 Information about words 4.3 How do dictionaries decide? 4.4. Summary	2	1	1	4	8	Nghiên cứu trước giáo trình: Thảo luận theo danh sách dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Chuẩn bị bài Module 5
Module 5. Words in dictionaries (cont.) 5. 1. Meaning 5.2. Dictionaries and vocabulary 5.3. Lexicology and lexicography 5.4 Summary	2	1	1	4	8	Thảo luận theo danh sách dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Chuẩn bị ôn tập Module 1-5
Review (Module 1-5) Mid-course test		2	2	4	8	Ôn tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Chuẩn bị bài Module 6
Module 6. Meaning relations 6.1. What are “meaning relations”? 6.2. Synonymy 6.3. Antonymy 6.4. Summary	2	1	1	4	8	Thảo luận theo danh sách dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Chuẩn bị bài Module 7
Module 7. Meaning relations 7.1. Analysing meaning 7.2. Collocation 7.3. Summary	2	1	1	4	8	Thảo luận theo danh sách dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Chuẩn bị bài Module 8
Module 8. Words in use 8.1. Vocabularies	2	1	1	4	8	Thảo luận theo danh sách dưới sự

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.2. National and regional vocabularies 8.3. Jargon 8.4. Summary						hướng dẫn của giảng viên. Chuẩn bị bài Module 9
Module 9. Words in use (cont.) 9.1. Sub-cultures 9.2. Style 9.3. Restricted languages 9.4. Summary	2	1	1	4	8	Thảo luận theo danh sách dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Chuẩn bị ôn tập Module 1-9
Review and final test		3	2	5	10	Ôn tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
Cộng	18	14	13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt : **Giao tiếp liên văn hóa**
 - * Tiếng Anh : **Intercultural communication**
- Mã học phần: NNTA2603
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒		

- Các học phần tiên quyết/ học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 16 tiết
 - * Bài tập: 14 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 13 tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Khái quát kiến thức về giá trị, khuôn mẫu trong giao tiếp của văn hóa Mỹ, những điểm tương đồng và dị biệt trong khi so sánh các nền văn hóa khác nhau, cách thức điều chỉnh để hội nhập vào một nền văn hóa mới.
- *Về kỹ năng*:
 - + Vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng tra cứu tìm hiểu và phân tích các vấn đề liên quan đến so sánh văn hóa.
 - + Phân tích mối liên quan chặt chẽ biện chứng giữa văn hóa và ngôn ngữ, nghiên cứu các

biểu hiện của văn hóa trong ngôn ngữ.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua sách và các nguồn ngữ liệu học tập và luyện tập tiếng Anh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức liên quan đến những nguyên tắc chi phối việc giao tiếp giữa những người tham gia giao tiếp từ các nền văn hóa khác nhau. Thông qua đó, người học nhận thức được sự khác biệt trong hành vi là do hệ đức tin và giá trị chi phối. Từ đó người học có cái nhìn đúng đắn hơn về hành vi của những người tham gia giao tiếp và đây cũng chính là nền tảng để giúp giao tiếp với những người đến từ những nền văn hóa khác nhau hiệu quả hơn.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Deena R. Levine & Mara B. Adelman (1992). *Beyond language: Cross – cultural communication*. Prentice Hall Regents.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Philip R.Harris and Robert T.Moran (1996), *Managing Cultural Differences*. Gulf Publishing Company Houston, Texas.
2. Bernice Hurst (1991), *The Handbook of Communication Skills*. London : Kogan Page

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 70% số tiết học.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập và bài thực hành nhóm.

- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Vấn đáp	☐	Thực hành	☐
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	---------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Introduction:Cross cultural terms and principles	1		1	2	4	Giảng viên giảng bài sử dụng giáo án điện tử Phân chia nhóm thuyết trình
2. Verbal Communication: The Way People Speak	3	3	3	9	18	
2.1 Students' presentation - Conversational involvement - Incorrect judgments of character - Directness and indirectness	1	1	1			Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- American male-female differences in directness - Cross-cultural implications - Conversation structures - Ethnocentric judgment						
2.2. Comprehension questions, discussion questions	1	1	1			Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
2.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	1	1	1			Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
3. Non-verbal Communication : Speaking Without Words	3	2	2	7	14	
3.1. Students’ presentation - Cultural differences in nonverbal communication - Gestures and body positioning - Facial expressiveness - Eye contact - Conversational distance	1	1	1			Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
3.2. Comprehension questions, discussion questions	1	1	1			Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	1					Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
Midterm test			1	1	2	
4. Cross-cultural contact with Americans	3	3	2	8	16	
4.1. Students’ presentation - The term “American” - A description of Americans: Is it possible? - “Melting pot” and “mosaic” - Stereotypes and generalizations - Mainstream American Values - A foreign anthropologist’s observation of Americans - Mainstream American values - Individualism and privacy - Equality and egalitarianism - Future orientation	1	1	1			Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
4.2. Comprehension questions, discussion questions	1	1	1			Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
4.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	1	1				Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
5. Education: Values and Expectations	3	3	2	8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1. Students’ presentation - Diversity in higher education - Active participation - The teacher-student relationship - Trust, honesty, and the honor system - Competition and grading - Student stress and coping - International and immigrant students in the United States	1	1	1			Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
5.2. Comprehension questions, discussion questions	1	1	1			Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
5.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	1	1				Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
6.Work: Practice and Attitude	3	3	3	9	18	
6.1. Students’ presentation - Cross-cultural implications of the job search - Steps to finding a job - Employer – employee relationships - On-the-job communication skills	1	1	1			Thuyết trình nhóm, thảo luận trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Time considerations in the work’s world - Workaholic - The “work ethnic” and materialism - Reactions to work						
6.2. Comprehension questions, discussion questions	1	1	1			Thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
6.3. Vocabulary exercises, cultural notes (extra reading)	1	1	1			Sinh viên làm bài tập trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn
Review						
Test			1	1		
Cộng	16	14	15	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Ngữ nghĩa học**
 - * Tiếng Anh: **Semantics**
- Mã học phần: NNTA2605
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☑	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Ngữ âm, Ngữ pháp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - * Bài tập: 21 tiết
 - * Thảo luận/ Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Khái quát được hệ thống ngữ nghĩa tiếng Anh, quan hệ ngữ nghĩa của từ, câu, và phát ngôn.
 - + Vận dụng các loại ngữ nghĩa của từ và câu trong văn bản thực tế.
 - + Sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và sinh động.
- Về kỹ năng:

- + Vận dụng được ngôn ngữ một cách hiệu quả trong giao tiếp; nâng cao kỹ năng làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.
- + Có khả năng soạn hoàn chỉnh một văn bản tiếng Anh cơ bản.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua sách và các nguồn ngữ liệu học tập và luyện tập tiếng Anh nói chung và các hoạt động thực hành phân tích ngữ nghĩa.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học này trang bị cho sinh viên những kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như mối quan hệ giữa từ và ý nghĩa của từ, giữa câu và ý nghĩa của câu. Ngoài ra, còn cung cấp những kiến thức về ngữ nghĩa của ngôn ngữ Anh với các cách sử dụng ngôn ngữ đa dạng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Tô Minh Thanh (2011). *Ngữ nghĩa học tiếng Anh*. NXB: Đại học Quốc Gia TPHCM.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

Hurford, James (2007). *Semantics – A Coursebook*. Cambridge: CUP.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo kết quả	☒	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Vấn đáp	☐	Thực hành	☐
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	---------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1. Introduction 1. What is semantics? 2. Semantics and its possible included aspects.	2	1		3	6	Listen to the teacher’s guidelines, discuss and take notes.
Unit 2. Semantic field 1. Semantic features 2. Componential analysis	2	1		3	6	Read the main course book in section 2 in advance. Discuss and take notes
Unit 3. Denotation/ Connotation 1. Denotation/ Connotation meanings 2. Relationship/ Communication situation/ Cultural factor	2	2		4	8	Read the main course book pages: 30-33,46 in advance. Discuss and take notes

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 4. Relationship between lexical items 1. Super-ordinate/ Hiponyms 2. Semantics relations	2	2		4	8	Read the main course book pages: 46,57 in advance. Discuss and take notes
Unit 5. Figures of Speech 1. Simile 2. Metaphor	2	1		3	6	Read the main course book pages: 36-57 in advance. Discuss and take notes
Unit 5. Figures of Speech (cont) 3. Personification 4. Metonymy	1	2		3	6	Read the main course book pages: 36-57 in advance. Discuss and take note
Progress test 1			1	1	2	Self-revision
Unit 6. Synonymy & Antonymy 1. Partial synonyms 2. Binary pairs, Gradable pairs/ Relational opposites	2	2		4	8	Read the main course book pages: 63-78 in advance. Discuss and take note
Unit 7. Utterances 1. Utterances & Utterance meaning 2. Sentences and Propositions	2	2		4	8	Read pages: 91-96. Discuss and take note
Unit 8. Sentence types, Paraphrase 1. Analytics sentences 2. Synthetic sentences	2	1		3	6	Read pages: 96-108. Discuss and take note
Unit 8. Sentence types, Paraphrase (cont) 3. Contradictory sentences 4. Paraphrase & Entailments	1	2		3	6	Read pages: 96-108. Discuss and take note

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 9. Pragmatics & Speech Act 1. Direct & Indirect speech Act 2. Locution/ Illocution/ Perlocution	2	2		4	8	Read pages: 146-176. Discuss and take note
Unit 10. Pragmatics & Speech Act (cont) 3. <i>Speech Act Classification.</i> 4. Deixis	2	2		4	8	Read pages: 146-176. Discuss and take note
Revision & Progress test 2		1	1	2	4	Self-revision
Cộng	22	21	02	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Phân tích diễn ngôn**
 - * Tiếng Anh: **Discourse analysis**
- Mã học phần: NNTA2602
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☑		

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 19 tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần : Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sinh viên có một số kiến thức cơ bản về phương pháp phân tích những bài văn và các mẫu đối thoại.
- *Về kỹ năng*: Phân tích thuần thực sự kết dính và mạch lạc của các câu trong một văn bản hay ngôn bản.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:
- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học

- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, tự giác trong học tập, tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học trên lớp.
- + Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp.
- + Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua sách và các nguồn ngữ liệu học tập và luyện tập tiếng Anh chung cũng như hoạt động thực hành phân tích diễn ngôn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến cơ bản về phương pháp phân tích những bài văn và các mẫu đối thoại, chủ yếu tập trung vào các kỹ năng đọc hiểu và viết các loại bài luận ở trình độ cao cấp với những chủ điểm: mua sắm với sức khỏe, đọc sách và kỹ năng đọc sách, du lịch, học ngoại ngữ, nghiên cứu, công việc, du lịch, giải trí.

Học phần cung cấp cho sinh viên cơ hội luyện tập các kỹ năng đọc hiểu như đoán dựa trên tiêu đề, chủ đề, xác định từ khóa để hiểu ý chính, hàm ý, các chi tiết trong các đoạn văn, các báo cáo, các bài báo trên tạp chí ... Bên cạnh việc đọc phân tích học phần giúp sinh viên diễn đạt ý kiến qua các bài luận, phát triển ý tưởng theo cách đưa ý kiến tranh luận, bình luận, so sánh, đối chứng. Phân tích thuần thực sự kết dính và mạch lạc của các câu trong một văn bản hay ngôn bản.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Halliday M.A.K (1994). *Discourse Analysis*. London, Equinox

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Guy Cook (1989). *Discourse*. Oxford University Press
2. Mc Cathy Michael (1991). *Discourse analysis for language teachers*. Cambridge University Press.
3. Nunan David (1998). *Introducing Discourse Analysis*. Penguin English.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thuyết trình nhóm, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Vấn đáp	☐	Thực hành	☐
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	---------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chapter 1. What is discourse analysis?	8		2	10	9	Ss study theory and discuss with each other prior to the lesson.
1.1 What is discourse? 1.2 Discourse versus text?	4		1	5		
1.3 Spoken versus written language 1.4 Types of discourse	4		1	5		In discussing, Ss give questions and answer.
Chapter 2: Linguistic Elements in Discourse	5		5	10	9	Ss study theory and discuss with each other prior to the lesson.
2.1 Cohesion	1		1	2		
2.2 Given and New information	2		3	5		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3 Theme and Rheme	2		1	3		In discussing, Ss give questions and answers.
Revision and mid- term test	1		2	3	4	
Chapter 3: Making sense of Discourse	5		5	10	10	
3.1 Discourse coherence	1		2			Ss study theory and discuss with each other prior to the lesson. Theory + practice (Individual work, pair work and group work)
3.2 Speech act	3		2			
3.3 Using background knowledge : Propositional level	1		1			
3.4 Using background knowledge: functional level	1		0			
Chapter 4: Conversation analysis	5		5	10	9	
4.1 Introduction	2		1			Ss study theory and discuss with each other prior to the lesson.
4.2 Discourse structure of conversation	3		4		6	
Revision and test	0	2		2	4	
Cộng	24	2	19	45	45	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kỹ năng mềm**
 - * Tiếng Anh: **Soft skills**
- Mã học phần: KTQU2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức Giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự

kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

- *Về kỹ năng*: Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc và trong cuộc sống như: quá trình giao tiếp, quá trình giải quyết vấn đề, giải quyết xung đột tại nơi làm việc, kỹ năng lãnh đạo, thực tiễn đi xin việc và hòa nhập với công việc mới.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực chuyên môn; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng như kỹ năng giao tiếp bằng cách sử dụng các phương tiện giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để đạt hiệu quả cao. Các kỹ năng trong quá trình làm việc nhóm như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết các xung đột... . Đồng thời học phần này còn trang bị cho sinh viên cách thức kỹ năng trong quá trình tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014). *Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*. NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
2. Lại Thế Luyện (2014). *Kỹ năng tìm việc làm*. NXB Thời đại.
3. Dương Thị Liễu (2013). *Kỹ năng thuyết trình*. NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Oanh (2007). *Làm việc theo nhóm*. Nhà xuất bản Trẻ.
2. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2011). *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*. Nhà xuất bản Trẻ.
3. Huỳnh Phú Thịnh (2009). *Giáo trình Kỹ năng tìm việc làm*. Trường Đại học An Giang.
4. Nguyễn Thanh Bình (2011). *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*. Trường Đại học Sư Phạm.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☒
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Vấn đáp	☐	Thực hành	☐
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	---------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG MỀM	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 1. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1.Khái niệm Kỹ năng mềm						
1.2. Phân biệt Kỹ năng mềm với Kỹ năng sống, Kỹ năng cứng						
1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng mềm						
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng mềm cơ bản						
Chương 2. KỸ NĂNG GIAO TIẾP	5		3	8	16	Đọc TLC 1, chương 3; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Giao tiếp 2.1.1. Khái niệm và vai trò của giao tiếp 2.1.2. Cấu trúc của giao tiếp 2.1.3. Chức năng của giao tiếp 2.1.4. Phân loại giao tiếp						
2.2. Các phương tiện giao tiếp 2.2.1. Ngôn ngữ 2.2.2. Phi ngôn ngữ						
2.3. Các phong cách giao tiếp 2.3.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 2.3.2. Các loại phong cách giao tiếp						
2.4. Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản 2.4.1. Kỹ năng lắng nghe 2.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 2.4.3. Kỹ năng thuyết phục 2.4.4. Kỹ năng thuyết trình 2.4.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.6. Kỹ năng viết						
2.5. Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	3		3	6	12	
3.1. Khái quát về làm việc nhóm						
3.2. Xây dựng nhóm làm việc						Đọc TLC 1 chương 3. TLC3 chương 4; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.3. Kỹ năng làm việc nhóm						
3.3.1. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm						
3.3.2. Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm						
3.3.3. Kỹ năng giao tiếp nhóm						
3.3.4. Kỹ năng lãnh đạo nhóm						
3.4. Vận dụng các Kỹ năng làm việc nhóm vào các hoạt động của tổ chức						
Chương 4. KỸ NĂNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM	6		4	10	20	Đọc TLC 2, chương 4,5,6. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp						
4.1.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân						
4.1.2. Kỹ năng xác định mục tiêu nghề nghiệp						
4.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm						
4.2.1. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm mới						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm trong quá trình làm việc						
4.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc						
4.3.1. Tiêu chuẩn bộ hồ sơ xin việc						
4.3.2. Các bước chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc						
4.3.3. Nghệ thuật viết đơn xin việc						
4.3.4. Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân						
4.4. Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng						
4.4.1. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn						
4.4.2. Các vòng phỏng vấn						
4.4.3. Các hình thức phỏng vấn						
4.4.4. Nghệ thuật trả lời phỏng vấn						
4.5. Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ						
4.5.1. Thương lượng về tiền lương						
4.5.2. Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác						
4.6. Kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới						
4.7. Vận dụng các Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tế						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	18		12	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Thực tập tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Graduation Internship**
- Mã học phần: NNTA2701
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 8 tuần (40 ngày)
- Thời gian tự học: 80 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục đích

Thực tập là một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Quá trình thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên:

- Rèn luyện kỹ năng lao động nghề nghiệp
- củng cố, nâng cao kiến thức đã học tại trường, vận dụng kiến thức vào thực tiễn tại cơ sở thực tập.
- Tăng cường khả năng tiếp cận thực tế cho sinh viên. Quá trình học tập tại trường sinh viên chỉ mới nắm được phần lý luận, lý thuyết chưa có kinh nghiệm thực tế, vì vậy mà khi tiếp cận với thực tiễn sinh viên cần phải chủ động tư duy giữa lý thuyết và thực tế. Trên cơ sở đó nâng cao kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

- Thông qua đợt thực tập này, sinh viên có điều kiện tiếp xúc với cán bộ, công nhân viên, với lãnh đạo của đơn vị thực tập để học hỏi kinh nghiệm về mọi mặt. Trên cơ sở đó xác định cho mình một quan điểm về nghề nghiệp, xây dựng, bổ sung vun đắp cho mình lòng yêu nghề gắn với lý tưởng khoa học và tinh thần tận tụy phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước.
- Thực tập là điều kiện để sinh viên hoàn thành chương trình học tập tại trường của mình, sau đợt thực tập này sinh viên phải làm luận văn tốt nghiệp hoặc thi cuối khóa để hoàn thành chương trình học tập. Thực tập giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường, giúp sinh viên phát huy tối đa khả năng trí tuệ của mình, sự vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn để có được một cái nhìn mới hơn về nghề nghiệp của mình.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nắm được tình hình thực tế của công tác tại các đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với các học phần lý luận đã được học tại Nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện các công việc này, củng cố thêm nhận thức và nâng cao kiến thức chuyên môn.
- *Về kỹ năng:*
 - + Kỹ năng về nhận thức: Nắm vững quy trình, hoạt động tại các đơn vị thực tập.
 - + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + Kỹ năng tư duy: Từ những nội dung cơ bản của đạo đức nghề nghiệp thông qua kiến thức chuyên môn ngôn ngữ có thể giúp cho người lãnh đạo hiểu được các vấn đề đưa ra những quyết định đúng đắn.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Xác định được tầm quan trọng của học phần này
 - + Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh
 - + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn
 - + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động độc lập
 - + Rèn luyện tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp; Tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao; Tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập.

3. Địa điểm thực tập

Sinh viên tự liên hệ địa điểm thực tập hoặc đi theo chương trình thực tập do Nhà trường liên hệ và chỉ định.

Đơn vị thực tập tốt nghiệp phải đảm bảo các yêu cầu: Là các doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, v.v... có sử dụng tiếng Anh liên quan đến công việc.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Thực tập tốt nghiệp là học phần thực hành cuối khoá, mang tính chất tổng hợp kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và vận dụng kiến thức đã học vào rèn luyện

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập;
- Tìm hiểu về các hoạt động kinh doanh và quản lý;
- Thực tập các công việc, nhiệm vụ được đơn vị thực tập phân công.
- Viết báo cáo thực tập khi hoàn thành học phần thực tập.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- *Phương pháp dạy:* Giảng viên hướng dẫn các mục tiêu, nội dung sinh viên cần đạt được sau khi hoàn thành đợt thực tập. Thông báo đến sinh viên yêu cầu và mẫu báo cáo thực tập tốt nghiệp.
- *Phương pháp học:* Sinh viên chủ động liên hệ đơn vị thực tập có các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề. Chịu khó học hỏi thu thập thông tin kiến nghiệm làm việc với đối tác có sử dụng ngôn ngữ Anh tại đơn vị thực tập để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu bao gồm các bản tin, bài phát biểu và các bài giảng do giảng viên cung cấp liên quan tới các chủ đề chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lý đất đai, địa chất, khí tượng thủy văn và trắc địa bản đồ được lấy từ nhiều nguồn khác nhau.

6.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Baker, M. (1992). In other words: A Course book on Translation. London and New York; Routledge.
2. Koller, W. (1969). Equivalence in translation Theory in Readings in Translation Theory. Layman Kirjipaino Oy.
3. Nguyễn Quốc Hùng (2012). *Hướng dẫn kỹ thuật phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh*. NXB Tổng Hợp Tp.HCM.
4. Ban Từ điển, NXB Khoa học và Kỹ thuật biên soạn (2001), *Từ điển Môi trường và phát triển bền vững Anh - Việt, Việt - Anh*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
5. Hoàng Văn Vân (2005), *Nghiên cứu dịch thuật*, Nxb Khoa học Xã hội.
6. Janet Hardy - Groud, *News and current affairs* - Series 2. BBC World.
7. Minh Thu - Nguyễn Hoà (2009), *Hướng dẫn dịch và đọc báo chí tiếng Anh*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Newmark, Peter (1998), *Approaches to translation*, Pergamon Press.
9. Nguyễn Quốc Hùng (2007), *Hướng dẫn kỹ thuật biên dịch Anh-Việt, Việt -Anh*, Nxb Văn hoá Sài Gòn.

7. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☐	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☒
Phân tích, xử lý số liệu	☒	Trình bày báo cáo khoa học	☒	Tự học	☒

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghe hướng dẫn;
- Thực tập tại địa phương/ đơn vị thực tập;
- Chủ động chuẩn bị và tích lũy tài liệu, số liệu để viết báo cáo thực tập;
- Phải có thái độ nghiêm cứu, học tập nghiêm túc;
- Có tinh thần trách nhiệm khi nhận công việc được giao, làm đến nơi đến chốn, chính xác, kịp thời. Đảm bảo nguyên tắc bí mật của số liệu kinh tế tài chính;
- Giữ mối quan hệ lành mạnh với tất cả cán bộ công nhân viên tại đơn vị thực tập;
- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động và phong trào tại đơn vị thực tập;
- Hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp và nộp đúng thời hạn quy định;

9. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.
- *Tiêu chí đánh giá:*
 - + Ý thức sinh viên
 - + Tài liệu, số liệu thu thập được.
 - + Chất lượng báo cáo thực tập:
 - Về kết cấu chung: Báo cáo thực tập tốt nghiệp phải đảm bảo hoàn thiện đủ 3 nội dung đã nêu trong nội dung chi tiết học phần. Đảm bảo đủ các yếu tố cấu thành: Lời mở đầu, mục lục, danh mục bảng biểu, phần nội dung, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo;
 - Ngữ pháp, hành văn: Cách viết rõ ràng trong sáng, mạch lạc, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;
 - Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định hướng dẫn viết báo cáo thực tập tốt nghiệp của khoa.
 - Kết thúc quá trình thực tập, mỗi sinh viên phải hoàn thành một Báo cáo thực tập (có nhận xét của cơ quan thực tập và giáo viên hướng dẫn) nộp cho khoa đúng thời gian quy định.

10. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

10.1. Điểm đánh giá quá trình:

- Bao gồm: 01 đầu điểm là điểm đánh giá của đơn vị thực tập (Có mẫu phiếu đánh giá).
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☐	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☒

10.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Bao gồm: 01 đầu điểm là điểm đánh giá của giảng viên.
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	☐	Trắc nghiệm	☐	Thảo luận nhóm	☐
Bài tập lớn	☐	Thực hành	☐	Khác	☒

11. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1. Công tác chuẩn bị	3	6	Nắm rõ yêu cầu
1. Phổ biến mục đích, yêu cầu	1	2	Nghe và ghi chép
2. Hướng dẫn kiến thức chuyên môn			Nghe và ghi chép
3. Hướng dẫn sinh viên làm đề cương chi tiết	2	4	Lập đề cương theo hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn theo chuyên đề mình lựa chọn và tiếp thu ý kiến nhận xét, góp ý của giảng viên hướng dẫn.
Nội dung 2. Điều tra, khảo sát thông tin, tài liệu, số liệu thực tập	27	54	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu, tài liệu
1. – Liên lạc với đơn vị thực tập. Hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của đơn vị nhận thực tập.	2	4	Đi thực tập tại các đơn vị
2. Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến chuyên đề nghiên cứu	6	12	Thu thập tài liệu, số liệu
3. Kiểm tra, rà soát, chỉnh lý báo cáo	3	6	Chỉnh lý báo cáo
4. Phân tích và xử lý tài liệu số liệu	10	20	Xử lý tài liệu, số liệu thu

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
thu thập			thập được
5. Viết bản thảo báo cáo thuyết minh	6	12	Viết báo cáo thuyết minh
Nội dung 3. Chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo thực tập tốt nghiệp	7	14	Hoàn thiện báo cáo
1. Viết và gửi bản thảo báo cáo thuyết minh cho giảng viên hướng dẫn	4	8	Viết báo cáo và gửi cho giảng viên hướng dẫn
2. Thu thập, xử lý số liệu bổ sung hoàn thiện báo cáo	1	2	Thu thập tài liệu, số liệu bổ sung
3. Hoàn thiện báo cáo theo theo đề cương đã được phê duyệt	2	4	Chỉnh sửa báo cáo
Nội dung 4. Nộp và báo cáo kết quả thực tập	3	6	Báo cáo kết quả thực tập
1. Hoàn thiện và chỉnh sửa nội dung của Báo cáo Thực tập	2	4	Hoàn thiện, in ấn báo cáo
2. Gửi BCTT đến cơ quan thực tập xin xác nhận và nộp BCTT cho khoa	1	2	Nộp báo cáo
Tổng cộng	40	80	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Khóa luận tốt nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Graduation Dissertation**
- Mã học phần: NNTA2702
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, hệ chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức khoa dục đại cương ☐		Kiến thức khoa dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khoa luận tốt nghiệp ☒
		Kiến thức cơ sở khoa343 ☐		Kiến thức khoa343 ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học hết các môn trong chương trình đào tạo
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 8 tuần (40 ngày)
- Thời gian tự học: 80 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần : Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn khoa343 ngôn ngữ Anh đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để đưa ra được giải pháp, kiến nghị phù hợp
- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình khoa343 các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế về ngôn ngữ Anh. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung khoa thiện.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Xác định được tầm quan trọng của học phần này, Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, tôn trọng pháp luật, ý thức về tầm quan trọng của ngôn ngữ Anh trong công việc.
- + Xây dựng khoa tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, sử dụng đa dạng, tổng hợp kiến thức để hoàn thành theo yêu cầu
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài khoa hạn
- + Phát huy tối đa khả năng khoa tạo khi thực hiện các hoạt động độc lập.
- + Rèn luyện khoa tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp; Tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao; Tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy khoa tích cực.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan đề tài nghiên cứu
- Cơ sở lý luận, hệ thống hóa lại những vấn đề lý luận về khoa vực nghiên cứu của khoa luận tốt nghiệp.
- Thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập.
- Những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết những tồn tại, cải thiện hiện trạng để nâng cao hiệu quả khoa vực hoạt động, quản lý thuộc phạm vi khoa vực nghiên cứu của khoa luận tốt nghiệp.
- Trên cơ sở đề cương đồ án tốt nghiệp, sinh viên viết báo cáo đồ án, thông qua giáo viên hướng dẫn, bộ môn và bảo vệ đồ án tốt nghiệp trước hội đồng.

4. Tài liệu tham khảo

- Tài liệu hướng dẫn nội bộ;
- Các giáo trình và các bài báo khoa học thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ Anh;
- Mạng internet.

5. Cách thức triển khai thực hiện khoa luận

- Sinh viên trình đề tài để được phê duyệt, thu tập tài liệu từ học phần thực tập tổ nghiệp sau đó viết khoa344 báo cáo khóa luận.
- Giáo viên hướng dẫn sinh viên về nội dung, phương pháp; dẫn dắt các em tìm đọc tài liệu tham khảo; thường xuyên đọc, nhận xét báo cáo của sinh viên trong quá khoa344 sinh viên làm đồ án.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sau khi chọn đề tài các sinh viên viết đề cương chi tiết và liên hệ với các khoa viên hướng dẫn được phân công hướng dẫn để được góp ý, sửa chữa cho đề cương khoa chỉnh, tạo điều kiện khi viết khoa luận được thuận lợi.

- Trên cơ sở đề cương chi tiết được sửa, sinh viên tiến khoa viết và khoa thiện đồ án tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc và có chất lượng đồ án tốt nghiệp theo quy định của nhà trường.
- Kết thúc quá trình đồ án tốt nghiệp (có nhận xét của giáo viên hướng dẫn) nộp cho khoa đúng thời gian quy định.

7. Thang điểm, tiêu chí khoa giá

Theo Điều 12 và Phụ lục 5 Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10 tháng 01 năm 2018 của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy trình bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên trình độ đại học chính quy.

8. Phương pháp khoa giá kết quả học tập

Theo Điều 12 và Phụ lục 5 Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10 tháng 01 năm 2018 của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy trình bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên trình độ đại học chính quy.

Điểm đánh giá khóa luận là điểm trung bình của 5 thành viên trong hội đồng bảo vệ khóa luận đã được phân công.

9. Nội dung chi tiết học phần

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
Ngày 1÷5	Đăng ký đề tài khoa luận tốt nghiệp	- Sinh viên liên hệ với đơn vị thực tập, khoa viên hướng dẫn được khoa phân công để lựa chọn đề tài viết khoa luận - Gửi bản đăng ký đề tài khoa luận theo lớp và nộp về khoa theo khoa thời gian quy định
Ngày 6÷10	Duyệt đề cương chi tiết của khoa luận tốt nghiệp	Trên cơ sở yêu cầu của Khoa/ bộ môn, viết đề cương khoa mẫu và thông qua khoa viên hướng dẫn
Ngày 11÷13	Đi thực tế thu thập số liệu	Liên hệ với đơn vị thực tập để thu thập số liệu
Ngày 14÷18	Tổng hợp số liệu và viết tổng quan	

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
Ngày 19÷25	Xử lý số liệu, viết khoa luận sơ bộ thông qua khoa viên hướng dẫn	
Ngày 26÷27	Viết báo cáo và báo cáo tiến độ	Sinh viên sẽ nộp một bản báo cáo (theo mẫu quy định của nhà trường)
Ngày 28÷30	Hoàn thiện sửa chữa lần 1	Sinh viên làm việc với giảng viên hướng dẫn
Ngày 31÷33	Hoàn thiện sửa chữa lần 2	Sinh viên làm việc với giảng viên hướng dẫn
Ngày 34÷36	Hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp	
Ngày 37÷38	Nộp khóa luận tốt nghiệp về khoa	Sinh viên khoa thiện khóa luận, gửi về Khoa kèm theo xác nhận của và Nhận xét của GVHD đồng ý cho bảo vệ
Ngày 39÷40	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp	Chuẩn bị công tác để bảo vệ khoa luận tốt nghiệp

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.